

# Giáo Sĩ Việt Nam

**Bán nguyệt san – Số – Chúa nhật 06.07.2014**

**Giáo sĩ: ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)**

[www.conggiaovietnam.net](http://www.conggiaovietnam.net)

[giasivietnam@gmail.com](mailto:giasivietnam@gmail.com)

## MỤC LỤC

Phương Tiện Truyền Thông Xã Hội .....	Vatican 2
THIÊN CHÚA MẠC KHẢI CHO NHỮNG NGƯỜI BÉ MỌN .....	Lm. PX. Vũ Phan Long, ofm.
ƯỚC MƠ NHỎ NHỎ .....	Lm. Vĩnh Sang, DCCT
CÂU CHUYỆN THÁNH TOMA “LÒNG KHÔNG ĐỘNG THÌ TAY KHÔNG LÀM” .....	Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD.
TÍN ĐIỀU ĐỨC MẸ LÀ MẸ THIÊN CHÚA CÓ NGUỒN GỐC KINH THÁNH KHÔNG ? .....	Lm. PX. Ngô Tôn Huấn.
BÀI GIÁO LÝ II CỦA ĐTC PHANXICÔ VỀ HỘI THÁNH: TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC THUỘC VỀ DÂN THIÊN CHÚA .....	Phaolo Phạm Xuân Khởi chuyển ngữ
XIN LỖI, TÔI CHỈ LÀ MỘT NGƯỜI CHUYỂN QUẢ! .....	Lm. Giuse Tuấn Việt, O’Carm.
TÔN GIÁO HAY LÀ TÍN NGƯỠNG? bài 2 – NỘI DUNG CỦA TÔN GIÁO: TIN GÌ? VÀ DẠY GÌ? .....	Gs. Trần Văn Toàn
TIN (PISTEUÔ) TRONG TIN MỪNG GIO-AN .....	Lm. Giuse Lê Minh Thông, OP.
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TÌNH CẢM VÀ TÍNH DỰC CỦA LINH MỤC - Thường Huấn Linh Mục Trẻ Huế - Ngày 3/6/2014 (tiếp theo) .....	Lm. Micae Phaolo Trần Minh Huy, pss.
SỰ THĂNG TRẦM CỦA TUỔI GIÀ .....	Bác sĩ Nguyễn Ý Đức, MD.
BẢO - .....	CHUYỆN PHIỀM CỦA GÃ SIÊU

## Phương Tiện Truyền Thông Xã Hội

### Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II

Khóa III Ngày 04 tháng 12 Năm 1963

Phaolô Giám Mục

Tôi Tớ Các Tôi Tớ Thiên Chúa

Hiệp Nhất Với Các Nghị Phụ Của Thánh Công Đồng

Để Muôn Đời Ghi Nhớ

**Sắc Lệnh về Các Phương Tiện Truyền Thông Xã Hội**

**Inter Mirifica**

## **Lời Mở Đầu**

**1. Ý nghĩa từ ngữ.** Trong những phát minh kỳ diệu về kỹ thuật, mà, nhờ ơn Chúa, tài năng con người đã từng khai thác từ tạo vật, nhất là trong thời đại chúng ta, thì Giáo Hội là Mẹ, đặc biệt ân cần tiếp đón và theo dõi, từ những phát minh liên quan đặc biệt tới tinh thần con người, đến những phát minh mở nhiều con đường mới để truyền thông một cách hết sức dễ dàng đủ các loại tin tức, tư tưởng và mệnh lệnh. Tuy nhiên giữa những phát minh này, trỗi vượt hơn cả là những phương tiện tự bản tính không những có liên hệ và ảnh hưởng đến từng người, mà còn đến chính đại chúng và toàn thể xã hội nhân loại <sup>1\*</sup> như báo chí, điện ảnh, phát thanh, vô tuyến truyền hình và những thứ khác tương tự. Do đó những phương tiện này đáng được gọi là những phương tiện truyền thông xã hội.

**2. Lý do thúc đẩy Công đồng quan tâm đến vấn đề.** Giáo Hội là Mẹ cũng biết rằng những phương tiện đó, nếu được sử dụng đúng đắn sẽ mang lại những lợi ích hữu hiệu cho nhân loại vì chúng đóng góp rất nhiều vào việc giải trí, huấn luyện tinh thần cũng như việc mở rộng và củng cố Nước Chúa. Giáo Hội cũng biết rằng con người có thể dùng chúng nghịch lại với ý định của Đấng Tạo Hóa, và làm cho chúng quay lại phản mình; hơn nữa Giáo Hội là Mẹ hiện hết sức đau lòng vì những thiệt hại <sup>2\*</sup> quá thường xảy ra cho xã hội con người do việc cố ý dùng sai những phương tiện này.

Vì thế, để nhấn mạnh đến mối quan tâm của các Đức Giáo Hoàng và các Đức Giám Mục về vấn đề rất quan trọng này, Thánh Công Đồng nghĩ rằng có nhiệm vụ đề cập đến những vấn đề chính yếu liên quan tới những phương tiện truyền thông xã hội. Hơn nữa Thánh Công Đồng cũng tin tưởng rằng giáo thuyết và chỉ thị được trình bày sau đây không những sẽ giúp ích cho phần rỗi các Kitô hữu mà còn giúp cho việc tiến bộ của toàn thể cộng đoàn nhân loại.

## **Chương I**

### **Phương Tiện Truyền Thông Xã Hội**

**3. Nhiệm vụ của Giáo Hội.** Vì được Chúa Kitô thiết lập để mang lại phần rỗi cho hết mọi người, và do đó có nhiệm vụ phải rao giảng Phúc Âm, Giáo Hội Công Giáo nhận thấy mình có bổn phận dùng cả phương tiện truyền thông xã hội mà loan báo ơn cứu rỗi và dạy con người biết sử dụng chúng cho đúng đắn.

Như thế, Giáo Hội đương nhiên có quyền sử dụng và làm chủ bất cứ một loại truyền thông xã hội nào, tùy theo sự cần thiết hay lợi ích cho việc giáo dục Kitô hữu và cho việc mưu cầu phần rỗi các linh hồn; các vị Chủ Chăn đáng kính có nhiệm vụ huấn luyện và hướng dẫn các tín hữu thế nào để họ biết dùng cả những phương tiện này mà theo đuổi phần rỗi và sự toàn thiện của mình cũng như của toàn thể gia đình nhân loại.

Ngoài ra, giáo dân đặc biệt có bổn phận làm cho các phương tiện này thấm nhiễm tinh thần nhân đạo và Kitô giáo, để chúng đáp ứng đầy đủ niềm mong đợi lớn lao của xã hội nhân loại và đúng với ý định của Thiên Chúa.

**4. Luật luân lý.** Để sử dụng đúng đắn những phương tiện này, mọi người khi sử dụng cần phải hiểu biết những nguyên tắc luân lý và phải áp dụng trung thành trong phạm vi này. Vậy họ phải cân nhắc nội dung những gì được truyền thông, tùy bản tính của mỗi phương tiện; đồng thời họ cũng phải chú ý đến mọi trường hợp hay hoàn cảnh, tức là mục đích, khán thính giả, địa điểm, thời gian liên quan đến việc truyền thông này: chính những trường hợp hay hoàn cảnh đó có thể biến cải hoặc đổi mới hoàn toàn tính cách luân lý của sự truyền thông. Trong số

hoàn cảnh đó phải kể đến cách thức tác động riêng, nghĩa là sức mạnh thuyết phục của mỗi một phương tiện, sức mạnh đó có thể hùng hậu đến nỗi con người - nhất là nếu không được chuẩn bị - khó có thể nhận thức, chế ngự và từ khước nếu cần.

**5. Quyền thông tin.** Tuy nhiên, điều quan trọng nhất là tất cả những người liên hệ đến vấn đề này cần phải tự đào tạo cho mình một lương tâm ngay thẳng về việc sử dụng các phương tiện đó, nhất là những gì liên quan tới một số vấn đề ngày nay đang được bàn cãi sôi nổi.

Vấn đề thứ nhất là về thông tin, như người ta thường nói, nghĩa là việc thu thập và phổ biến tin tức. Dĩ nhiên ai cũng thấy nhờ tiến bộ của xã hội nhân loại ngày nay và nhờ các phân tử xã hội liên lạc chặt chẽ với nhau hơn, việc thông tin đã trở nên rất hữu ích và nhiều khi cần thiết; thật vậy việc thông tri đúng lúc các biến cố và các sự kiện giúp cho từng cá nhân biết <sup>3\*</sup> đầy đủ và liên tục các việc đó, như thế chính họ có thể tham gia vào ích chung một cách hữu hiệu hơn, và nhờ đó mọi người càng dễ dàng đóng góp vào việc thăng tiến toàn thể xã hội hơn nữa. Vì vậy, xã hội nhân loại có quyền thông tin những gì thích hợp với con người - hoặc cá nhân hoặc liên kết với nhau trong đoàn thể - tùy theo hoàn cảnh từng người. Tuy nhiên việc thực thi đúng đắn quyền này đòi nội dung việc truyền thông phải luôn luôn xác thực - và vẫn giữ đức công bình và bác ái - và phải đầy đủ; ngoài ra cách thức truyền thông cũng phải lương thiện và thích hợp, nghĩa là cả trong việc săn tin lẫn loan tin, tuyệt đối phải tuân giữ luật lệ luân lý, các quyền lợi chính đáng và phẩm giá con người; thật vậy không phải mọi sự hiểu biết đều hữu ích, "còn bác ái thì xây dựng" (1Cor 8,1).

**6. Luân lý và nghệ thuật.** Vấn đề thứ hai là xét đến điều mà người ta thường nói là những tương quan giữa quyền lợi của nghệ thuật, với tiêu chuẩn của luật luân lý. Vì những cuộc tranh luận thường xuyên về vấn đề này nhiều khi bắt nguồn từ những học thuyết sai lầm về luân lý và thẩm mỹ, nên Thánh Công Đồng tuyên bố mọi người phải tuyệt đối tuân giữ quyền ưu tiên của lãnh vực luân lý khách quan, bởi vì lãnh vực này là lãnh vực độc nhất trỗi vượt và phối hợp một cách thích đáng với mọi lãnh vực khác - dù rất cao quý - của hoạt động con người, kể cả nghệ thuật nữa. Thật vậy, chỉ có lãnh vực luân lý mới liên hệ đến toàn diện bản tính con người, một tạo vật có lý trí mà Thiên Chúa đã tạo dựng và mời gọi vào đời sống siêu nhiên; vì nếu trung thành tuân giữ trọn vẹn lãnh vực luân lý, con người sẽ đạt tới hoàn thiện <sup>4\*</sup> và hạnh phúc đầy đủ.

**7. Khi phải trưng bày tội ác.** Sau cùng, việc tường thuật, mô tả hay trình bày điều xấu về phương diện luân lý, ngay cả bằng những phương tiện truyền thông xã hội, chắc chắn có thể giúp nhận biết và khám phá con người một cách sâu rộng hơn, giúp bày tỏ và biểu dương vẻ huy hoàng của điều Chân, điều Thiện, nhờ các tác động kịch nghệ thích hợp; tuy nhiên để khỏi làm hại hơn là làm ích cho các tâm hồn, các hoạt động trên vẫn phải tuyệt đối tuân theo luật luân lý, nhất là nếu đề cập đến những vấn đề đòi phải được kính trọng tương xứng, hay đến những gì dễ kích động dục vọng xấu xa của con người đã mang vết tội tổ tông. <sup>5\*</sup>

**8. Dư luận quần chúng.** Vì dư luận quần chúng ngày nay có sức mạnh và uy quyền rất nhiều trên đời sống tư cũng như công của mọi tầng lớp dân chúng, nên mọi phân tử xã hội cần phải chu toàn bổn phận công bình và bác ái của mình, ngay cả trong lãnh vực này; bởi đó, họ cũng phải dùng những phương tiện truyền thông xã hội mà cố gắng tạo dư luận ngay chính và phổ biến những dư luận đó.

**9. Bổn phận của khán thính giả.** Tất cả mọi người sử dụng các phương tiện truyền thông nghĩa là những độc giả, khán giả và thính giả nhận được sự truyền thông qua các phương tiện đó, tùy theo sự lựa chọn cá nhân và tự do, đều phải có những bổn phận đặc biệt. Thật vậy, việc lựa chọn đúng đắn đòi họ phải ưng thuận những gì là đức hạnh, khoa học và nghệ thuật; họ phải tránh những gì nên có hay làm dịp cho họ phải thiệt hại về phần thiêng liêng, hoặc có thể vì gương xấu mà làm cho người khác phải nguy hiểm, hoặc lại ngăn cản những việc truyền thông tốt mà cổ võ những truyền thông xấu: điều này thường xảy ra khi người ta trả tiền cho những người khai thác những phương tiện này chỉ vì lý do kinh tài. <sup>6\*</sup>

Vì thế để chu toàn luật luân lý, chính những người sử dụng không được quên bổn phận phải tìm hiểu đúng lúc những phán quyết của cơ quan có thẩm quyền trong những vấn đề đó, và phải tuân giữ những phán quyết đó theo tiêu chuẩn lương tâm ngay thẳng; hơn nữa để chống

lại những quyền rũ thiếu ngay chính một cách dễ dàng hơn, và để hoàn toàn bên vực những ảnh hưởng tốt, họ phải chú tâm hướng dẫn và đào luyện lương tâm mình bằng những phương thế thích hợp.

**10. Bổn phận của thanh thiếu niên và phụ huynh.** Những người xử dụng, nhất là thanh thiếu niên, phải lo tập cho quen điều độ và kỷ luật trong việc dùng những phương tiện này; ngoài ra họ cũng phải cố gắng thấu hiểu sâu xa hơn những điều họ thấy, nghe và đọc; họ phải thảo luận với những nhà giáo, những người chuyên môn, và phải học phán đoán cho đứng đắn. Còn bậc phụ huynh thì phải nhớ mình có bổn phận tận tâm coi sóc kéo kịch ảnh, sách báo và những thứ cùng loại trái nghịch với Đức Tin, trái thuần phong mỹ tục, lọt vào ngưỡng cửa gia đình, cũng đừng để con cái gặp những thứ đó ở nơi khác.

**11. Bổn phận của tác giả.** Bổn phận luân lý chính yếu đối với việc xử dụng đứng đắn những phương tiện truyền thông xã hội là của các nhà báo, nhà văn, các diễn viên, các nhà dàn cảnh, nhà sản xuất, những người xuất vốn, người phân phối, các quản đốc và những người buôn bán, những người phê bình <sup>0\*</sup> và tất cả những người, bằng cách này hay cách khác, góp phần vào việc thực hiện hay phổ biến những phương tiện truyền thông này; trong hoàn cảnh hiện tại của nhân loại, mọi người đều thấy rõ rằng những người đó mang những trách nhiệm hết sức quan trọng, vì chính họ, trong khi thông tin và cổ động, có thể dẫn đưa nhân loại một cách ngay chính hay sai lạc.

Bởi thế họ có bổn phận tìm cách phối hợp những yếu tố kinh tế, chính trị hay nghệ thuật để chúng không bao giờ nghịch lại ích chung; muốn đạt tới điều đó một cách dễ dàng hơn, chính họ nên ghi tên vào những hiệp hội liên quan đến nghề nghiệp mình: những hiệp hội này bắt buộc các hội viên tôn trọng luật luân lý trong những công việc và bổn phận nghề nghiệp, và nếu cần, đi đến chỗ ký kết một quy ước luân lý <sup>7\*</sup> phải tuân giữ chu đáo.

Họ cũng phải luôn nhớ rằng phần lớn các độc giả và khán giả là thanh thiếu niên: những lớp người này cần báo chí và kịch ảnh để giải trí lành mạnh và nâng cao tâm hồn. Hơn nữa, họ phải lo ủy thác cho những người xứng đáng và chuyên môn việc truyền thông những điều liên quan đến tôn giáo, và lo cho việc truyền thông đó được thực hiện với tất cả niềm tôn trọng xứng hợp.

**12. Bổn phận của chính quyền.** Trong vấn đề này, chính quyền mang một trách nhiệm đặc biệt vì lý do công ích mà những phương tiện này nhằm tới. Thật vậy, vì nhiệm vụ, chính quyền có bổn phận phải bên vực và bảo đảm sự tự do đích thực và chính đáng của việc thông tin, sự tự do mà xã hội ngày nay rất cần để tiến bộ, nhất là những gì thuộc về báo chí; chính quyền cũng có bổn phận nâng đỡ tôn giáo, văn hóa, những nghệ thuật chân chính, và phải bảo đảm cho những người xử dụng có thể tự do hưởng thụ quyền lợi chính đáng. Ngoài ra chính quyền cũng có bổn phận giúp đỡ những công cuộc không thể thực hiện, nếu không có sự trợ giúp của chính quyền, nhất là những công cuộc đặc biệt hữu ích cho giới trẻ.

Sau cùng, chính công quyền, cơ quan chính thức lo lắng cho sức khỏe của dân chúng, có bổn phận phải xem xét công minh và cẩn thận, bằng cách ban hành luật lệ và thi hành nghiêm chỉnh, đừng để cho những phương tiện này bị lạm dụng mà gây thiệt hại nặng nề cho thuần phong mỹ tục và sự tiến bộ xã hội. Xem xét cẩn thận <sup>8\*</sup> như thế, không phải là đàn áp tự do cá nhân hay đoàn thể, nhất là đối với những người vì nghề nghiệp phải dùng các phương tiện này mà không có sự thận trọng phải lẽ.

Cũng phải có những phương thế đặc biệt để bảo vệ thanh thiếu niên khỏi những báo chí và kịch ảnh làm hại lứa tuổi chúng.

---

### Chú Thích:

**1\*** Giữa những phương tiện truyền thông do nhân loại phát minh, Giáo Hội lưu ý tới những phương tiện trỗi vượt và có ảnh hưởng lớn lao đến con người như các vệ tinh nhân tạo dùng để thu phát tín hiệu điện tín, điện thoại, phát thanh và truyền hình khắp thế giới. ([Trở lại đầu trang](#))

**2\*** Chúng ta có thể nghĩ đến Đức Quốc Xã: trước thế chiến thứ hai họ đã dùng các phương tiện rất nguy hại để gieo thù oán nơi các dân tộc Âu Châu. ([Trở lại đầu trang](#))

**3\*** Các phương tiện xã hội là những dụng cụ đặc lực nhất giúp các dân tộc quen biết nhau, hiểu nhau và đi đến hiệp nhất. ([Trở lại đầu trang](#))

**4\*** Cả luân lý lẫn mỹ thuật đều phát xuất bởi Đấng Tạo Hóa, nên không thể mâu thuẫn nhau. Nếu có mâu thuẫn thì lỗi ở việc không hiểu những nguyên tắc tới nơi tới chốn. ([Trở lại đầu trang](#))

**5\*** Công Đồng rất thực tế: vì con người dễ hướng về tội lỗi và ích kỷ, nên nếu tự do không kỷ luật, con người sẽ trở thành phóng đảng và gây nhiều tai họa. ([Trở lại đầu trang](#))

**6\*** Thỏa mãn thị hiếu công chúng để làm tiền là một cách bóc lột vật chất và phá hoại tinh thần. ([Trở lại đầu trang](#))

**0\*** *Chú thích của người dịch:* riêng về những tiếng chuyên môn này chúng tôi đã tham khảo các bản dịch ngoại ngữ: Anh, Pháp, Ý, Tây ban nha... và nhận thấy các bản dịch đó không đồng nhất khi dịch một vài tiếng mà nguyên bản La tinh không rõ nghĩa. Ở đây chúng tôi dịch theo bản dịch của "tạp chí quốc tế về điện ảnh" (Revue internationale du Cinema) số 77-78 tháng 12-1963 - 1-1964. ([Trở lại đầu trang](#))

**7\*** Là một số những luật lệ do chính những nhà sản xuất vạch ra để tránh cho khán giả, thính giả và độc giả những nội dung xấu xa vô bổ. ([Trở lại đầu trang](#))

**8\*** Vấn đề kiểm duyệt của chính quyền và sự tự do ngôn luận là một vấn đề rất khó giải quyết, nhưng trên nguyên tắc, phải chấp nhận. Trong nhiều trường hợp, việc kiểm duyệt không thể tránh được, vì một vài cá nhân có thể lạm dụng đôi khi để quyền lợi riêng làm hại đến quyền lợi chung. ([Trở lại đầu trang](#))

## VỀ MỤC LỤC

### **THIÊN CHÚA MẠC KHẢI CHO NHỮNG NGƯỜI BÉ MỌN**

Ngày 6-7-2014: (Mátthêu 11,25-30 – CN XIV - A)

Điều gây vấp phạm, chính là sự mặc khải của Đức Giêsu về bản thân Người: quyền năng được tỏ bày trong sự yếu đuối....

Nguồn: <http://kinhthanhvn.org/viewItem.jhtml?itemId=8860>

**Lm FX Vũ Phan Long, ofm**



## 1.- Ngữ cảnh

Vị Tầy Giả đã sai môn đệ đến hỏi Đức Giêsu: “Thầy có đúng là Đấng phải đến không?” (Mt 11,3). Các đối thủ của Đức Giêsu thì đã tìm cách hạ giá Người (x. 11,18-19). Còn các thành miền Galilê thì đã không đón nhận sứ điệp của Người (x. 11,21-24). Vậy Người là ai? Tại sao lại phải tuyệt đối lắng nghe Người? Do đâu mà Người có thể đòi buộc như thế? Bản văn chúng ta sắp tìm hiểu sẽ cung cấp câu trả lời.

Đức Giêsu xác định lập trường của Người bằng những khẳng định hết sức đậm đặc và cũng vô cùng căn bản.

## 2.- Bố cục

Bản văn này có thể chia thành ba phần:

- 1) Đức Giêsu hân hoan dâng lời ngợi khen Chúa Cha (11,25-26);
- 2) Tương quan của Đức Giêsu với Thiên Chúa và bổn phận của Người đối với loài người (11,27);
- 3) Đức Giêsu mời gọi loài người lắng nghe sứ điệp của Người (11,28-30).

## 3.- Vài điểm chú giải

- *Lạy Cha* (25): Trong *Tin Mừng Mt*, đây là lần đầu tiên Đức Giêsu thưa gửi với Thiên Chúa bằng danh xưng “Cha”, sau khi đã nhiều lần khuyến khích các môn đệ làm như thế (5,16.45.48; 6,1.4.8.14.15 ...). Lời thưa này giống như câu đáp cho lời giới thiệu “Đây là Con yêu dấu của Ta” (3,17) mà Đức Giêsu đã nhận khi chịu phép rửa và chính Người sắp nhắc lại lúc này (x. 11,27).

- *ngợi khen* (25): Động từ Hy Lạp *exomologoumai* (praise) luôn mang những sắc thái ca ngợi chúc tụng, tôn kính, biết ơn, và hân hoan.

- *bạc khôn ngoan thông thái ... những người bé mọn* (25): Trong ngữ cảnh *Mt*, “những bậc khôn ngoan thông thái” là các luật sĩ và Pharisêu, còn “những người bé mọn” (theo nghĩa chữ là “các em bé”) là đám đông dân chúng, các môn đệ, những đám thợ thuyền, những kẻ tội lỗi.

- *những điều này* (25): Đức Giêsu không nói rõ, nhưng dựa vào văn cảnh, có thể cho rằng “những điều này” chính là sứ mạng của Đức Giêsu, tức là mâu nhiệm bản thân Người và các hoạt động của Người.

- *điều đẹp ý Cha* (26): Đây là ý muốn của Chúa Cha. Ý muốn này chính là kế hoạch cứu độ.

- *biết* (27): Động từ Hy Lạp *epigignôskein* (know) dịch động từ Híp-ri *yada* diễn tả một quan hệ thâm sâu, một sự hiệp thông giữa hai bên; động từ này đồng nghĩa với “yêu mến”.

- *trừ người Con và kẻ mà người Con muốn mạc khải cho* (27): Sự hiệp thông giữa Đức Giêsu và Chúa Cha không phải là một vòng tròn khép kín, nhưng mở ra với loài người, vì họ cũng

được phép gọi Thiên Chúa là Cha (x. Mt 5,45-48).

- *mang gánh nặng nề* (28): Ở 23,4, Đức Giêsu trách người Phariseu đã chất những “gánh” nặng lên vai người ta. Đây là gánh nặng vác không nổi gồm những truyền thống vị luật của các kinh sư, chứ không phải là các thử thách và vất vả của cuộc đời, hay gánh nặng tội lỗi... Truyền thống này cũng dùng công thức “mang ách”: ách của Nước Thiên Chúa, ách Luật Môsê, ách các điều buộc ...

- *hiền hậu và khiêm nhường* (29): Hai từ ngữ này có ý nghĩa tương tự. Đây là Mối Phúc thứ hai. Đức Giêsu lại tự liên kết với những con người sâu khổ của Mối Phúc thứ ba.

- *ách tôi êm ái* (30): Đức Giêsu cũng đề nghị “ách” của Người, tức là các huấn lệnh của Người. Người không khẳng định rằng các huấn lệnh này ít quan trọng và ít đòi buộc hơn các điều luật của các kinh sư; trái lại Người đã cho thấy là Người đưa chúng đến để hoàn tất Luật cũ, chỉ có điều là con đường Người theo không có chuyện luật lệ chi li giáo điều phức tạp nặng nề của các kinh sư và Phariseu. Nếu “ách” của Người “êm ái” là vì nó phát xuất từ toàn bộ Tin Mừng, tức là từ những tương quan mới mà Thiên Chúa cứu độ đã thiết lập với loài người.

#### **4.- Ý nghĩa của bản văn**

\* *Đức Giêsu hân hoan dâng lời ngợi khen Chúa Cha (25-26)*

Đức Giêsu đã ngỏ lời với Chúa Cha trong một lời cầu nguyện tạ ơn và chúc tụng. Người gọi Thiên Chúa là Cha và Chúa tể trời đất. Người đã mạc khải cho thấy là Cha, vị Thiên Chúa mà lâu nay người ta chỉ biết là Đấng Tạo hóa và Chúa tể toàn thế giới. Thiên Chúa là Đấng mà Đức Giêsu nhận biết là Cha, nhờ tương quan con cái mà Người có với Thiên Chúa. Do ý muốn của Thiên Chúa mà sứ điệp của Đức Giêsu được đón nhận cách khác nhau: những bậc khôn ngoan thông thái thì không hiểu gì, còn những người bé mọn thì hiểu. Phải chăng sứ điệp của Người chỉ được dành cho những em bé hoặc những người đã lớn tuổi mà vẫn còn ấu trĩ và chưa chín chắn? Phải chăng Kitô giáo đi ngược lại với kiến thức và khoa học và khả năng tự quyết của con người? Phải chăng Kitô giáo chỉ phù hợp với tình trạng thiếu khả năng tự cáng đáng bản thân và chỉ hỗ trợ tình trạng lệ thuộc trong cách xử sự? Thật ra, với những con người nghĩ rằng mình hiểu biết mọi sự, Đức Giêsu chẳng có gì để nói với họ cả. Người không thể mạc khải cho họ biết Thiên Chúa là Cha và Chúa tể, bởi vì họ không thể nhận được, vì họ không cần Thiên Chúa. Con người cứ việc tận dụng trí thông minh và tất cả sức lực, và hành động với tự do và trách nhiệm, nhưng cần nhận biết những giới hạn của mình. Nếu chúng ta lượng thiện và biết nhìn nhận hoàn cảnh thực sự của mình, chúng ta đang mở ra đón nhận mạc khải của Đức Giêsu. Những người có tinh thần nghèo khó (5,3) là những người bé mọn. Họ sống lệ thuộc Thiên Chúa và quy chiếu về Người, họ nhận biết Người là Chúa tể trời đất và vui hưởng mạc khải bởi vì họ biết ký thác bản thân cho tình yêu và sự hướng dẫn của Thiên Chúa.

\* *Tương quan của Đức Giêsu với Thiên Chúa và bổn phận của Người đối với loài người (27)*

Trung tâm của bản văn là những khẳng định của Đức Giêsu về tương quan của Người với Thiên Chúa. Giữa Thiên Chúa và Người có một quan hệ duy nhất Cha-Con: Thiên Chúa là Cha của Đức Giêsu và Đức Giêsu là Con của Thiên Chúa. Chỉ duy có Thiên Chúa, trong tư cách là Cha, mới biết Đức Giêsu là ai, và chỉ duy Đức Giêsu, trong tư cách là Con, mới biết Thiên Chúa là ai. Hai Đấng hiểu biết lẫn nhau do có sự hiệp thông sâu xa và chan hòa sức sống. Những con người đang phê phán Đức Giêsu với tất cả sự trịch thượng và muốn loại trừ Người, tưởng biết rõ Người, nhưng thật ra chẳng biết gì về Người cả. Chúa Cha đã giao phó tất cả, mọi quyền bính và uy quyền trên con người, cho Đức Giêsu. Duy mình Đức Giêsu có thể mạc khải Chúa Cha, giúp người ta thực sự biết Chúa Cha. Vị trí này của Người là do tương quan của Người với Chúa Cha: vì chỉ một mình Người biết Chúa Cha, do thực tại thâm sâu của Người là Con, thì cũng chỉ một mình Người có thể mạc khải Chúa Cha trong thực tại thâm sâu của Người là Cha. Do đó, loài người không thể tránh khỏi đối diện với ý muốn của Thiên Chúa, khi quan hệ với Đức Giêsu.

*\* Đức Giêsu mời gọi loài người lắng nghe sứ điệp của Người (28-30)*

Đức Giêsu mời gọi tất cả những ai mệt mỏi chán chường và vất vả với những gánh nặng hãy đến với Người. Người ngỏ lời trực tiếp với những người đang nghe Người nói. Họ đang phải “gánh” 613 điều luật buộc mà các kinh sư đã bày ra khi giải thích Cựu Ước (23,4) và họ đang vất vưởng như đàn chiên không có người chăn dắt (x. 9,36). Người hứa ban cho họ được nghỉ ngơi và bồi dưỡng. Phải chăng chúng ta ngạc nhiên và thất vọng vì Người cũng mời chúng ta nhận lấy ách của Người? Từ quan điểm của Đức Giêsu, con người không “tự do” theo kiểu hoàn toàn là mình, không mắc bất cứ ràng buộc nào. Trong tư cách là thọ tạo của Thiên Chúa, do chính bản tính của mình, con người luôn ở trong thế quy chiếu về với Thiên Chúa. Hỏi về sự tự do đích thực đúng ra là hỏi về mối dây ràng buộc đích thực. Chỉ khi chấp nhận được ràng buộc với vị Chúa tể đích thực, người ta mới được tự do thật, thoát khỏi ràng buộc với mọi chủ nhân khác. Vì thật sự biết Thiên Chúa nhờ hiệp thông sâu xa với Thiên Chúa, Đức Giêsu có thể chỉ cho chúng ta thấy Thiên Chúa không phải cách méo mó giới hạn, nhưng trong thực tại đúng đắn của Thiên Chúa. Và Người ra sức dẫn đưa chúng ta về với Chúa Cha, đồng thời khuyến khích chúng ta tin tưởng tuyệt đối nơi Người và ký thác trọn vẹn nơi Người. Nhận lấy ách của Người chính là đón nhận tất cả sứ điệp của Người và sống như Người vẫn sống, đó là hết lòng yêu mến Chúa Cha và dấn thân phục vụ loài người.

#### **+ Kết luận**

Đức Giêsu tự giới thiệu là Đấng “hiền hậu và khiêm nhường trong lòng”: các từ ngữ này, chúng ta thấy có trong các Mối Phúc, không hề có nghĩa là những người nhút nhát, rụt rè, nhưng là những người nghèo và bị áp bức, những người đang chịu bất công và không sao đứng dậy được. Đây là những người nghèo mà Đức Giêsu bảo: Hãy nghe tôi, hãy tin tôi, vì tôi ở về phía các bạn, tôi là một người trong các bạn, tôi cũng nghèo và bị loại trừ!

Muốn học được sự khôn ngoan của Nước Trời, thì phải sống nghèo cùng với Đức Giêsu. Điều



gây vấp phạm, chính là sự mặc khải của Đức Giêsu về bản thân Người: quyền năng được tỏ bày trong sự yếu đuối...

## 5.- Gọi ý suy niệm

1. Những kẻ phê phán Đức Giêsu cách trích thượng và muốn loại trừ Người, tưởng là đã biết Đức Giêsu! Thật ra, chỉ có Thiên Chúa mới biết Đức Giêsu trong tư cách là Con, trong sự quy hướng hoàn toàn về Chúa Cha trong tình yêu trọn vẹn.
2. Đọc bản văn này trong liên hệ với đoạn văn cuối cùng của *Tin Mừng Mt* (28,16-20), chúng ta sẽ thấy tất cả tầm mức sâu xa của các lời khẳng định của Đức Giêsu. Sau khi sống lại, Người chính là Đấng đã được Chúa Cha ban cho toàn quyền trên trời dưới đất. Chính Người hiện diện bên các môn đệ “mọi ngày cho đến tận thế” để nâng đỡ các ông trong nỗ lực chu toàn sứ mạng.
3. Hans Urs von Balthasar, một nhà thần học Thụy Sĩ, đã nói đến một thứ “thần học bàn quỳ”: chúng ta chỉ thật sự hiểu biết về Thiên Chúa không phải nhờ cứ khẳng khẳng dùng trí tuệ mà tìm tòi suy luận, nhưng nhờ biết quỳ xuống nhận biết quyền năng của Người trên chúng ta. Thánh Anselmô cũng nói: “Tôi tin để tôi có thể hiểu được Thiên Chúa”.
4. Thiên Chúa đã ban toàn quyền cho Đức Giêsu; do đó, trong khi hành động, loài người luôn phải đặt mình đối diện với ý muốn của Thiên Chúa về định mệnh của mình. Muốn cuộc đời mình đi đúng hướng, loài người phải quan tâm đến ý muốn này.
5. Chúng ta sẽ cảm thấy sứ điệp của Đức Giêsu về Chúa Cha và về ý muốn của Chúa Cha trở nên như một “cái ách”, khi các ước muốn, các tâm trạng và các ý tưởng của chúng ta đi ngược lại với sứ điệp ấy. Như thánh Âu-tinh đã nói: “Trái tim chúng con vẫn còn bồn chồn bất an, cho đến khi nó được nghỉ yên trong Chúa”, chúng ta chỉ được yên hàn, thanh thản, khi sống trong tình hiệp thông với Thiên Chúa.

## VỀ MỤC LỤC

### ƯỚC MƠ NHỎ NHỎ

Hàng năm, vào mùa thi, anh em chúng tôi cố gắng tổ chức chương trình Tiếp Sức Mùa Thi, mọi sinh hoạt của Giáo Xứ dành xếp lại, tận dụng phòng ốc và nhân tài vật lực để giúp các thí sinh từ những miền quê xa xăm lên thành phố dự thi.

Có lắm khi nghe những thông tin của ngành giáo dục mà ngao ngán, nhưng biết làm sao hơn khi mùa thi còn đó, còn bao nhiêu bạn trẻ từ miền quê ngõ ngàng giữa đô hội, không một người quen, không nơi nương tựa. Chuyện lùm xùm về đề án dạy học theo chương trình Anh ngữ rầm rộ mấy ngày nay trên báo chí. Ông Giám Đốc Sở Giáo Dục Đào Tạo thành phố nói một đằng, ông Tổng Lãnh Sự Anh nói một nẻo, ngược hẳn nhau, ông nào nói đúng, ông nào

nói sai ? Nói ông Tổng Lãnh Sự nói đúng, vọng ngoại chẳng ? Nói ông Giám Đốc nói đúng, chẳng lẽ ông Tổng Lãnh Sự nói sai ? Toàn người lớn mà nói ngược nhau, tin ai ?



Chuyện chương trình học và sách giáo khoa, thay đổi liên tục. Việc ăn nói trước Quốc Hội mà như trò đùa, ông Thứ Trưởng thay mặt Bộ Trưởng nói 34.000 tỷ là kinh phí cải cách sách giáo khoa, Đại biểu phản ứng, ông Bộ Trưởng đi ngoại quốc về nói không có con số đó ! Cuối cùng, trước khi đi vào cõi thinh lặng, người ta bảo có người đưa con số đó cho ông Thứ Trưởng phát biểu ngay tại nghị trường, ông thứ trưởng cứ nói mà không biết mình nói gì, huề ! Hết ! Quốc Hội là cái gì mà ăn nói kiểu như vậy ? Bao nhiêu vụ như vậy rồi kết luận luôn là tại một ai đó vô danh, người đánh

máy chẳng hạn, kỷ luật anh đánh máy. Hết !

Hệ thống đào tạo như thế, con người vận hành bộ máy đào tạo như thế, như những kịch sĩ múa rối vụng về thiếu lương tâm, hàng triệu bạn trẻ cuốn vào guồng máy đào tạo vô lý, hụi hẩng và què quặt, kéo theo hệ lụy bao nhiêu gia đình, bao nhiêu tổ chức, bao nhiêu con người có tương quan, và chúng tôi những con người tình nguyện lao vào giòng xoáy vô hồn đó.

Hoàn toàn không kỳ vọng một tí gì về một thiết chế xã hội như vậy, nhưng không thể khoanh tay nhìn bao nhiêu bạn trẻ chịu sự thiệt thòi, chỉ vì khi vào giòng chảy đó, họ thiếu nhiều điều kiện để tham gia sòng phẳng với anh em khác. Họ nghèo, tham gia thi cử như là một lối thoát duy nhất ra khỏi kiếp vô cùng nghèo.

Trong bữa cơm trưa nay, các bạn trẻ tình nguyện “Tiếp Sức Mùa Thi” của Nhà Thờ ngồi nói chuyện với nhau. Hôm nay đưa các thí sinh đi xem trường lớp. Có một anh tình nguyện viên kể lại rằng, sau khi đã đưa một thí sinh đến nơi sẽ thi ngày mai, cô bé liền rụt rè ngỏ lời xin được đi thăm thành phố: “Anh cho em đi thăm thành phố, em chưa biết thành phố bao giờ !” Phì cười trước sự chân thật của cô thí sinh, anh xe ôm tình nguyện chạy một vòng trong thành phố, bữa cơm trưa chàng kể lại với một vẻ tự hào vì đã làm một việc nghĩa. Chuyện lớn lao đối với cô bé chỉ là “chuyện nhỏ như con thỏ” đối với chàng.

Một giấc mơ nhỏ nhoi được đi thăm thành phố, bao nhiêu bạn trẻ đã ước mơ, một giấc mơ thật bình dị tầm thường nhưng khó thực hiện. Ngang trái và bất công, giấc mơ bé nhưng khó thực hiện, trong khi nhiều kẻ phung phí tiền bạc vào những chuyện vô bổ một cách dễ dàng không thương tiếc.

Trong Kinh Thánh có một câu chuyện cảnh giác mọi người tin, câu chuyện Ladarô nghèo và người phú hộ, cái đau khổ mà người phú hộ giàu có sẽ phải chịu do chính thái độ thờ ơ của ông trước cái nghèo cùng cực của người khác, Chúa là Thiên Chúa của sự công bằng sẽ có cách của Ngài để chia lại tài sản mà Chúa ban cho mọi người cùng chung hưởng, nếu còn có những ai “quần áo lụa là gấm vóc, ngày ngày yến tiệc linh đình”.

Cách đây một tháng, có một cha đi về kể cho tôi nghe một đám “tạ ơn” của một Nữ Tu khấn trọn đời, tiệc hơn 50 bàn, ban nhạc chơi sôi nổi âm ỉ...

Mùa “tạ ơn” đang nở rộ, Chúa nghĩ gì về những cuộc “tạ ơn” đó ? Và còn bao nhiêu những ước mơ nhỏ nhoi bình dị ?

**Lm. VĨNH SANG, DCCT, 3.7.2014**

## VỀ MỤC LỤC

### **CÂU CHUYỆN THÁNH TOMA “LÒNG KHÔNG ĐỘNG THÌ TAY KHÔNG LÀM”**

Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD



Nhân lễ kính thánh Tôma, xin được chia sẻ ít suy tư về người môn đệ đặc biệt và đa nghi này.

Câu châm ngôn “*Lòng không động, tay chẳng làm*” hay người ta thường nói: “*Có đôi khổ mới biết thương người nghèo*” xem ra có vẻ hữu lý và có thể áp dụng cho ông Tôma trong câu chuyện ông không chịu tin Chúa sống lại nếu không được chính tay sờ vào những vết thương trên người của Chúa Giesu (Ga 20:25). Câu chuyện Chúa Phục Sinh trong Tin Mừng đã cho ta thấy một hình ảnh rất độc đáo về thánh Tôma và một kinh nghiệm cơ bản về sự hồ nghi, nổi bần khoăn và lòng thác tín thực sự. Chúa Giesu hiện ra với các môn đệ lần đầu tiên đã được Gioan kể lại với những chi tiết rất rõ ràng: Vào buổi chiều hôm ấy, là ngày đầu trong tuần, cửa phòng khóa chặt, các môn đệ buồn rầu lo lắng ngồi yên bất động trong phòng vì sợ người Do Thái thì bất chợt Đức Giesu xuất hiện và nói: “Chúc anh em bình an!”. Đoạn người cho anh em coi các vết thương ở tay và cạnh sườn.....(Ga 20: 19-21).

**ĐA NGHI CỦA TOMA TÁC ĐỘNG TRÊN TA MẠNH HƠN LÒNG TIN CỦA CÁC MÔN ĐỆ KHÁC.**

Thế giới bên ngoài lúc đó đầy hoang mang, đa nghi và bạo động. Chúa Giesu mất tích. Bất ngờ Người sống lại. Mọi cánh cửa đều khóa kín, lòng người đóng chặt, tầm nhìn bị che lấp, Chúa bắt thần xuất hiện. Nhẹ nhàng như gió thoảng, Chúa Giesu đứng trước các môn đệ đang như chim bị đạn gẫy cánh. Toma ngập ngừng đưa ngón tay đặt vào những vết thương trên ngực Chúa Giesu, tức thì tình yêu Chúa của ông đổ ra tràn chề. Thánh Gregory Cả đã nói về Toma như sau: *“Nếu vì chạm vào những vết thương trên thân xác Thầy mình mà Toma có thể giúp chúng ta vượt thắng được những vết thương vì lòng trai đá không tin của chúng ta, thì sự đa nghi của Toma sẽ có nhiều tác động trên chúng ta hơn là niềm tin của các môn đệ khác.”*

## **NIỀM TIN NẪM TRONG TIM CỦA TOMA**

Cả Chúa Giesu lẫn Toma đều bị thương vì những tâm hồn trai đá không chịu tin. Chúa Giesu đã chết vì những vết thương gây ra do các môn đệ và dân chúng. Toma bị thương vì *“không tài nào có thể tin được Chúa đã sống lại”*, và sự thất vọng cùng tột của ông là do vết thương ấy mà ra. Ông đã nhìn thấy, ông đã cảm thấy những vết thương đau đớn chết người ấy. Nhưng Người mang những vết thương ấy vẫn đang sống. Nhờ đó, cuộc sống của Toma đã bùng lên phần khởi. Toma đã thận trọng dò dẫm trên con đường đi tới niềm tin của ông cho đến khi ông nhận ra sự thật ở trong tim ông. Đó là giây phút khởi đầu Mùa Phục Sinh của Toma. Toma đã được chữa lành do vết thương của Chúa. Niềm Tin của Toma đã trở lại.

Toma, con người đa nghi, đã được phép làm điều mà tất cả chúng ta ai cũng muốn. Ông được phép sờ, cảm nghiệm thấy điều mà con người bình thường không thể làm được. Đối với chúng ta, điều đó còn khó khăn hơn gấp bội. Chúng ta phải bắt đầu với niềm tin, rồi mù mờ sờ vào con đường dẫn tới con tim của chúng ta trong cuộc sống.

## **TOMA KHÔNG ĐA NGHI, NHƯNG HY VỌNG CỦA ÔNG BỊ TAN VỠ**

Toma thực sự là một trong những môn đệ vĩ đại nhất, môn đệ thành thực nhất được Chúa Giesu yêu thương. Ông không phải là con người đa nghi, cứng đầu như truyền thống Kito giáo thường gán cho ông. Ông đứng trước thập giá mà không hiểu. Tất cả ước mơ của ông đang lần khuất, phát phơ đâu đó trên thập giá. Tất cả mọi hy vọng của ông đã bị vỡ tan tành.

Chúng ta sẽ làm gì khi mà lý tưởng của chúng ta, những điều chúng ta hoàn toàn tin tưởng và cam kết bị thiêu hủy ngay trước mắt chúng ta? Chúng ta sẽ làm gì khi mà những chế độ độc tài, tổ chức dẫu mặt đầy quyền lực đè bẹp người mà chúng ta hoàn toàn tin tưởng và trung thành? Chúng ta sẽ làm gì khi mà phản ứng của chúng ta trước thực trạng bất công, tha hóa, thất đức, gian dối trong xã hội lại biến mất, chạy trốn vì sợ đám đông nổi khùng hay chính quyền độc tài gian ác đe dọa, khủng bố trong lúc tao loạn? Đó là vấn nạn của hầu hết các môn đệ, kể cả Toma, những người đã ủng hộ và theo đức Giesu thành Nazareth hơn 3 năm trường cũng để mong có được ngày mai huy hoàng, danh vọng tươi sáng.

## **ĐỨC GIESU KHÔNG CHẾT, NGƯỜI VẪN LIÊN TỤC HIỆN DIỆN**

Chúng ta thường không ưa Toma phải chăng vì ít khi thấy ông có mặt khi Chúa Giesu xuất hiện? Phải chăng có cái gì vô lý khi người ta tung tin đồn Chúa sống lại? Chúa Giesu vẫn liên tục xuất hiện nơi chúng ta -không ai có thể ngăn cản được- giữa tin tưởng và hồ nghi, giữa sống và chết, giữa quá khứ và tương lai, giữa sợ hãi và vui mừng. Tin Mừng Phúc Âm cho thấy rõ ràng: Khi nào và ở đâu mà chúng ta ít chờ mong Chúa nhất, khi nào mà chúng ta cần Chúa nhiều nhất, thì ở đó và lúc đó Chúa xuất hiện.

## **LỜI KẾT: “PHÚC CHO AI KHÔNG THẤY MÀ TIN!”**

Cho đến nay đã hơn 2 ngàn năm, chúng ta vẫn còn biết ơn thánh Toma rất nhiều vì sự phấn đấu của ông do lòng ngay thẳng, sự lương thiện và hoàn toàn có tính người của ông.

Chúng ta biết rất ít về Toma, về lai lịch gia đình cũng như số phận của ông, nhưng qua tên gọi, chúng ta cũng phần nào biết được căn tính của ông. Tên ông là Toma, tiếng Hy Lạp là Didymous, nghĩa là “song sinh”. Vậy người anh/em sinh đôi với ông là ai và bây giờ ở đâu? Có lẽ chúng ta có thể mừng rỡ biết được bằng cách nhìn vào gương. Một nửa kia của Toma chính là người đã phấn đấu với nỗi đau vì lòng trai đá không chịu tin, sự hồ nghi và nỗi thất vọng, và một nửa là để cho chúa Giesu Phục Sinh hiện diện làm một cái gì đặc biệt khác người nơi mình.

Con người đa nghi Toma trong mỗi một người chúng ta cần phải được kích động, nghĩa là phải đụng chạm vào thực tế như đụng chạm vào vết thương của Chúa. Chúng ta cần phải đáp ứng trước những đau thương của tha nhân và của chính chúng ta. Vì yếu đuối, chúng ta cần phải có sức mạnh của Chúa Thánh Thần làm cho những vết thương mau lành trở lại, cho những sợ hãi của chúng ta chóng qua đi. Với Toma, chúng ta sẽ tin khi bàn tay của chúng ta, dù ngập ngừng tìm kiếm nhưng cuối cùng cũng đến gặp được Thiên Chúa trong cộng đồng đức tin.

“Phúc cho ai không trông thấy mà Tin!”

Fleming Island, Florida

July 3, 2014

Fxavvy@aol.com

NTC

## VỀ MỤC LỤC

### **TÍN ĐIỀU ĐỨC MẸ LÀ MẸ THIÊN CHÚA CÓ NGUỒN GỐC KINH THÁNH KHÔNG ?**

**1- Làm sao biết được Chúa Giêsu ngự bên hữu Chúa Cha ở trên trời ?**

**2- Tín điều Đức Mẹ là Mẹ Thiên Chúa có nguồn gốc Kinh Thánh không ?**

**3- Đức Mẹ có nhận ơn cứu độ của Chúa Kitô hay không?**

**Trả lời:**

**1-** Trong Kinh Tin Kính Nicene ( đọc ngày Chúa nhật và các ngày Lễ trọng) và Kinh Tin Kính của các Thánh Tông Đồ, Giáo Hội đều tuyên xưng Chúa Giê-su Kitô, “ **chết, sống lại, lên trời và ngự bên hữu Chúa Cha**”.

Lời tuyên xưng này bắt nguồn từ chính lời Chúa Giê su trả lời cho viên thượng tế Cai pha và trước toàn thể thượng Hội Đồng thượng tế , kỳ mục và kinh sư Do Thái họp nhau lại để tìm cách buộc tội Chúa với án tử hình. Viên thượng tế đã hỏi Chúa xem có phải Người là Đấng Kitô, Con Thiên Chúa không.

Chúa đã trả lời như sau: “ **Phải chính thế. Rồi các ông sẽ thấy Con Người ngự bên hữu Đấng Toàn Năng và ngự giá mây trời mà đến.**”( Mt 26: 64; Mc 14: 62; Lc 22: 69)

Như thế lời tuyên xưng của Giáo Hội về chỗ ngồi của Chúa Kitô, bên hữu Chúa Cha trên Nước Trời có nguồn gốc vững chắc là chính lời Chúa Giê su đã nói và được ghi lại trong các Tin Mừng, như bằng chứng trên đây.

## 2- Tín điều Đức Mẹ là Mẹ là Mẹ Thiên Chúa có nguồn gốc Kinh Thánh không?

Trước khi trả lời câu hỏi này, xin được nhắc lại một lần nữa là vào thế kỷ thứ 4 sau Chúa Giáng Sinh, có một linh mục tên là Arius thuộc Tòa Thượng Phụ Alexandria ( Ai Cập) đã lạc giáo ( heretic) khi cho rằng Chúa Giê-su Kitô có hai bản tính riêng rẽ là nhân tính( humanity) và thần tính ( Divinity) khi xuống trần gian làm Con Người. Vì thế Đức Mẹ Maria chỉ là Mẹ của Chúa Giêsu về phần nhân tính mà thôi. Quan điểm lạc giáo này đã bị Công Đồng Nicea năm 325 A.D lên án và bác bỏ hoàn toàn vì đi ngược với niềm tin của Giáo Hội về sự đồng nhất bản thể của Ba Ngôi Thiên Chúa ( Trinity) và về hai bản tính không tách rời nhau của Chúa Cứu Thế Giêsu. Nghĩa là, Chúa Giê-su Kitô là Thiên Chúa thật và là Con Người thật, Chúa vừa có Thần tính ( Divinity) như Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, vừa có nhân tính ( humanity) như mọi con người , và hai bản tính này không hề tách rời nhau. Arius đã lạc giáo khi cho rằng Chúa Kitô có hai bản tính tách rời nhau, nên Mẹ Maria chỉ là Mẹ Chúa Giêsu trong phần nhân tính mà thôi. chứ không thể là Mẹ Thiên Chúa ( Theotokos) như các Giáo Phụ dạy và Giáo Hội sơ khai đã tin .Quan điểm sai lầm trên đến đầu thế kỷ thứ 5, (428 A.D) lại được tán đồng bởi Thượng Phụ Nestorius thành Constantinople, là người cũng cho rằng Đức Mẹ chỉ là Mẹ phần xác ( nhân tính) của Chúa Giê su-Kitô để phủ nhận điều các Giáo Phụ từ thời tiên khởi đã dạy rằng : Đức Trinh Nữ Maria là Mẹ Thiên Chúa ( Deipara=Theotokos= God bearer =Đấng cưu mang Thiên Chúa.

Các Công Đồng Nicea ( 325) và Ê-phê sô ( 431) đều lên án tư tưởng lạc giáo của Arius và Nestorius để khẳng định rằng Chúa Giê-su đồng bản tính ( bản thể= substance) với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần. Lại nữa, Chúa Kitô có hai bản tính không hề tách rời nhau là nhân tính ( Humanity và Thiên tính ( Divinity). Do đó, Đức Mẹ là Mẹ thật của Chúa Kitô, cũng là Thiên Chúa thật, nên Mẹ được tuyên xưng là Mẹ Thiên Chúa=( Deipara=Theotokos= God bearer) như Giáo Hội đã dạy không sai lầm

Sau đây là bằng chứng Kinh Thánh :

Khi Đức Mẹ đến viếng thăm người chị em họ là bà Ê-i-sa-bét ( Elizabeth), thì bà này đã được tràn đầy Thánh Thần, liền kêu lớn tiếng và nói rằng: **“Em được diễm phúc hơn mọi người phụ nữ, và người con em đang cưu mang cũng được chúc phúc. Bởi đâu tôi được Thân Mẫu của Chúa ( **Mother of my Lord**) đến với tôi thế này** Lc 43: 39- 43)

Bà Eli-sa-bét chắc chắn đã được Chúa Thánh Thần soi sáng nên đã thốt ra những lời trên để ca tụng Đức Mẹ. Như thế đủ cho thấy Giáo Hội ,từ đầu, đã không sai lầm khi tuyên xưng Đức Trinh Nữ Mara là Mẹ Thiên Chúa, vì là Mẹ thật của Chúa Giê su-Kitô, cũng là Thiên Chúa thật, đồng bản tính ( bản thể= Substance) với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần trong Mầu Nhiệm Ba Ngôi một Thiên Chúa ( Holy Trinity).

Nhưng cho dầu với địa vị cao trọng làm vậy, Đức Mẹ cũng không cao hơn Thiên Chúa mà chỉ được tôn kính( veneration) ở mức **Hyperdulia** trong khi Thiên Chúa được tôn thờ ( adoration) ở mức **Latria** trong phụng vụ thánh của Giáo Hội. Nghĩa là chúng ta chỉ phải thờ lạy ( adore), ngợi khen, vinh danh một mình Thiên Chúa mà thôi, chứ không thờ lạy Đức Mẹ, mà chỉ tôn kính ( venerate) Mẹ cách đặc biệt ( hyperdulia) hơn các Thánh nam nữ khác, được tôn kính ở mức **Dulia**.

Do đó, trong thực hành, người tín hữu phải cầu xin Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, nhờ Đức Mẹ và các Thánh chuyển giúp cầu thay, chứ không cầu xin Mẹ hay bất cứ Thánh Nam nữ nào như nguồn ban phát mọi ơn phúc. Chỉ có Chúa là cội nguồn của mọi ơn

phúc mà chúng ta phải cầu xin cho được an vui trong cuộc sống trên trần gian này , và nhất là biết sống xứng đáng là con cái của Cha trên trời để được cứu rỗi nhờ công nghiệp Chúa Kitô và sự phù giúp đặc lực của Đức Mẹ và các Thánh Nam nữ đang vui hưởng Thánh Nhan Chúa trên Thiên Đàng.

Lại nữa, khi vào nhà thờ hay nhà nguyện nào, thì phải bái lạy trong tâm tình thờ lạy Chúa trong nhà tạm ( Tabernacle) trước khi bái kính ảnh tượng Đức Mẹ , Thánh Cả Giuse, hay Thánh nam nữ nào khác. Phải nói điều này vì có một số người, khi vào nhà thờ, đã chạy ngay đến nơi có thánh tượng Đức Mẹ để cầu xin mà quên bái quỳ thờ lạy Chúa Kitô đang hiện diện thực sự trong nhà tạm.

Tóm lại, sùng kính Đức Mẹ là việc đạo đức rất tốt đẹp và đáng khuyến khích cho mọi tín hữu, nhưng đừng quên là trên hết phải thờ lạy Chúa là Đấng mà Mẹ Maria cũng phải tôn thờ cùng các Thánh nam nữ và các Thiên Thần, mặc dù Mẹ có địa vị cao trọng là Mẹ Chúa Kitô và cũng là Mẹ Thiên Chúa như Giáo Hội dạy.

### 3- **Mẹ Maria có nhận công nghiệp cứu chuộc của Chúa Kitô không ?**

Theo giáo lý của Giáo Hội, chúng ta phải tin Mẹ được diễm phúc thụ thai không mắc tội nguyên tổ ( immaculate Conception) và mọi tội khác như mọi người trong nhân loại, cũng như được tuyên xưng là Mẹ Thiên Chúa, vì là Mẹ thật của Chúa Kitô, cũng là Thiên Chúa thật đồng bản thể với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần như đã nói ở trên. Nhưng Mẹ không cao hơn Chúa và không cùng một bản thể ( substance) với Ba Ngôi Thiên Chúa, nên Mẹ vẫn phải nhận ơn cứu chuộc của Chúa Kitô như chính Mẹ đã tuyên xưng như sau:

**“ Linh hồn tôi người khen Đức Chúa**

**Thần trí tôi hơn hờ vui mừng**

**Vì Thiên Chúa Đấng cứu độ tôi....”** ( My Savior)

( Bài ca Người khen Magnificat, Lc 1: 46-55)

Vì là Mẹ Chúa Kitô, nên Mẹ được diễm phúc khỏi tội tổ tông và mọi tội cá nhân từ khi được thụ thai cho đến khi về trời cả hồn xác. Mẹ được sinh ra như mọi tạo vật khác, trừ đặc ân được giữ gìn khỏi mọi vết nhơ của tội lỗi để xứng đáng làm Mẹ Ngôi Lời nhập thể.

Nhưng việc nhận ơn cứu chuộc của Chúa Giêsu ,Con của Mẹ, không làm thương tổn địa vị cao trọng của Mẹ là Mẹ Ngôi Hai và là Mẹ Thiên Chúa. Ngược lại, Mẹ đã vinh danh Chúa Cứu Thế Giêsu khi nhận ơn cứu chuộc của Chúa, vì **“ ngoài Người ra, không ai đem lại ơn cứu độ; vì dưới gầm trời này, không có một danh nào khác được ban cho nhân loại, để chúng ta phải nhờ vào danh ấy mà được cứu độ.”** ( Cv 4 :12)

Như thế khi nhận ơn cứu độ của Chúa Kitô, Mẹ đã tôn vinh Chúa là Đấng cứu thế duy nhất đã hòa giải con người với Thiên Chúa qua vâng phục và hy sinh chịu chết trên thập giá năm xưa, mặc dù Mẹ không có tội lỗi nào cần phải được tha thứ nhờ công nghiệp cứu chuộc vô giá của Chúa.

Chúng ta cảm tạ Mẹ Maria thật nhiều vì Mẹ đã **“ xin vâng”** với Thiên Chúa để làm Mẹ Chúa Cứu Thế Giêsu, và cộng tác với Con của Mẹ trong sứ mệnh cứu chuộc cho nhân loại khỏi phải chết vì tội. Vai trò của Mẹ thật quan trọng trong Chương Trình cứu chuộc loài người của Thiên Chúa nhờ Chúa Kitô, Con của Mẹ.

Vậy chúng ta hãy siêng năng chạy đến với Mẹ để nhờ Mẹ nguyện giúp cầu thay cho chúng ta được mọi ơn cần thiết của Chúa trong cuộc lữ hành về quê Trời giữa bao khốn khó, gian nan vì cản trở và đánh phá của ma quỷ, cám dỗ của thế gian với đầy rẫy gương xấu, dịp tội và vì bản chất yếu đuối nơi mỗi người chúng ta.

Lm. Phanxicô Xaviê Ngô Tôn Huấn.

## VỀ MỤC LỤC

### **BÀI GIÁO LÝ II CỦA ĐTC PHANXICÔ VỀ HỘI THÁNH: TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC THUỘC VỀ DÂN THIÊN CHÚA**

***“Chúng ta không sống cô lập và chúng ta không là những Kitô hữu cách cá nhân, riêng rẽ, không, căn tính Kitô hữu của chúng ta là thuộc về! Chúng ta là những Kitô hữu vì chúng ta thuộc về Hội Thánh. Đó giống như một tên họ: nếu tên gọi là “Tôi là một Kitô hữu,” thì tên họ là “Tôi thuộc về Hội Thánh.”***

*Dưới đây là bản dịch bài Giáo Lý ĐTC Phanxicô ban hành ngày 25 tháng 6 năm 2014 trong buổi Triều Yết Chung được tổ chức tại Quảng Trường Thánh Phêrô. Hôm nay ĐTC nói về “Tầm Quan Trọng của Việc Thuộc Về Dân Thiên Chúa.”*

\* \* \*

Anh chị em thân mến, chào anh chị em.

Hôm nay, có một nhóm khách hành hương đang kết hợp với chúng ta trong Đại Sảnh Phaolô VI, là những khách hành hương đang bị ốm. Bởi vì thời tiết này, giữa sự nóng bức và có thể mưa, nên thận trọng hơn đối với họ là ở lại đó. Nhưng họ được liên kết với chúng ta qua màn hình lớn. Và như vậy, chúng ta hiệp nhất với nhau trong cùng một buổi triều yết này. Và tất cả chúng ta, đặc biệt là ngày hôm nay, chúng ta cầu nguyện cho họ, cho bệnh tình của họ. Cảm ơn anh chị em.

Trong bài giáo lý thứ nhất về Hội Thánh, hôm thứ tư vừa qua, chúng ta đã bắt đầu với sáng kiến của Thiên Chúa, Đấng muốn thiết lập một dân để đem phúc lành của Ngài đến cho tất cả các dân tộc trên trái đất. Bắt đầu với ông Abraham và rồi, với rất nhiều kiên nhẫn - và Thiên Chúa đã, rất nhiều! -, chuẩn bị dân này trong Cựu Ước cho đến khi, trong Đức Chúa Giêsu Kitô, dân ấy là một dấu chỉ và công cụ của sự hiệp nhất giữa con người với Thiên Chúa và với nhau (x. Công Đồng Chung Vaticanô II, Hiến Chế Tín Lý *Lumen Gentium*, 1). Hôm nay chúng ta muốn nhấn mạnh đến tầm quan trọng của *việc thuộc về* dân này, đối với các Kitô hữu. Chúng ta sẽ nói về việc thuộc về Hội Thánh.

**1.** Chúng ta không sống cô lập và chúng ta không là những Kitô hữu cách cá nhân, riêng rẽ, không, *căn tính Kitô hữu của chúng ta là thuộc về!* Chúng ta là những Kitô hữu vì chúng ta thuộc về Hội Thánh. Đó giống như một tên họ: nếu tên gọi là “Tôi là một Kitô hữu,” thì tên họ là “Tôi thuộc về Hội Thánh.” Thật rất tốt đẹp khi nhận ra rằng việc thuộc về này cũng được diễn tả trong danh mà Thiên Chúa tự nhận cho mình. Khi trả lời ông Môsê, trong cảnh “bụi gai cháy” tuyệt vời (x. Xh 3:15), Ngài tự nhận là *Thiên Chúa của các tổ phụ*. Ngài không nói: Ta là Đấng Toàn Năng ..., không, *Ta là Thiên Chúa của Abraham, Thiên Chúa của Isaac, Thiên Chúa của Giacóp*. Bằng cách này Ngài tỏ mình ra là Thiên Chúa, Đấng đã lập giao ước với các tổ phụ của chúng ta, và vẫn trung thành với giao ước của Ngài, và mời gọi chúng ta vào mối liên hệ này là mối liên hệ có trước chúng ta. Mối liên hệ này của Thiên Chúa với dân Ngài có trước tất cả chúng ta, đến từ thời thời đó.



**2.** Theo ý nghĩa này, trước hết chúng ta nghĩ đến *những người đã đi trước chúng ta* và những người chào đón chúng ta vào Hội Thánh với lòng biết ơn với. Không ai tự mình trở thành một Kitô hữu! Điều đó hiển nhiên không? Không ai tự mình trở thành một Kitô hữu. Các Kitô hữu không được chế ra trong một phòng thí nghiệm. Các Kitô hữu là một phần một dân đến từ xa. Kitô hữu thuộc về một dân duy nhất được gọi là Hội Thánh, và Hội Thánh làm cho người ấy thành Kitô hữu vào ngày rửa tội, và sau đó trong tiến trình dạy giáo lý, và vân vân. Nhưng không ai, không ai tự mình trở thành một Kitô hữu. Nếu chúng ta tin, nếu chúng ta cầu nguyện, nếu chúng ta biết Chúa và chúng ta có thể lắng nghe Lời Ngài, nếu chúng ta cảm thấy gần gũi và nhận ra Ngài trong anh chị em của chúng ta, đó là vì những người khác, trước chúng ta đã sống đức tin của họ và sau đó đã truyền lại đức tin ấy cho chúng ta. Đức tin mà chúng ta đã nhận được từ cha ông chúng ta, từ tổ tiên chúng ta, và các ngài đã truyền đức tin ấy cho chúng ta. Khi nghĩ kỹ về điều ấy, tôi thấy có biết bao khuôn mặt của những người thân yêu đang đi qua trước mắt tôi lúc này: có thể là khuôn mặt của cha mẹ chúng ta là những người đã xin cho chúng ta được rửa tội; của ông bà chúng ta hoặc một số bà con đã dạy chúng ta làm dấu thánh giá và đọc những kinh nguyện đầu tiên. Tôi luôn luôn nhớ đến khuôn mặt của vị nữ tu đã dạy giáo lý cho tôi, tôi luôn luôn nhớ - bà ấy đang ở trên Thiên Đàng, tôi biết chắc chắn, bởi vì bà là một phụ nữ thánh thiện - nhưng tôi luôn nhớ đến bà và tạ ơn Thiên Chúa vì vị nữ tu này. Hoặc khuôn mặt của một linh mục, của một linh mục khác, hoặc của một nữ tu, một giáo lý viên, những người đã truyền lại cho chúng ta nội dung đức tin và làm cho chúng ta lớn lên như các Kitô hữu ... Vâng, đây là Hội Thánh: một đại gia đình, trong đó chúng ta được đón tiếp và học cách sống như các tín hữu và môn đệ của Chúa Giêsu.

**3.** Chúng ta có thể sống con đường này không những chỉ nhờ vào những người khác nhưng còn cùng với những người khác. Trong Hội Thánh không có việc “tự làm lấy,” không có “những người đập tự do.” Biết bao lần Đức Thánh Cha Bênêđictô đã mô tả Hội Thánh như một Hội Thánh “chúng ta”! Đôi khi chúng ta nghe có người nói rằng, “Tôi tin Thiên Chúa, tin Chúa Giêsu, nhưng Hội Thánh thì tôi không quan tâm....” Có bao nhiêu lần chúng ta nghe thấy điều này? Và điều này không đúng. Có những người tin rằng họ có thể có một mối liên hệ cá nhân, trực tiếp và tức thì với Đức Chúa Giêsu Kitô ở ngoài sự hiệp thông và trung gian của Hội Thánh. Đó là những cám dỗ nguy hiểm và tai hại. Như Đức Đại Giáo Hoàng Phaolô VI đã nói rằng chúng là những phân chia phi lý. Đúng là việc cùng đi với nhau đòi hỏi nhiều cố gắng, và đôi khi có thể mệt mỏi: việc có thể xảy ra là một số anh chị em chúng ta phải đương đầu với một số vấn đề, hoặc gây tai tiếng cho chúng ta ... Nhưng Chúa đã trao phó sứ điệp cứu độ của Ngài cho con người, cho tất cả chúng ta, để làm nhân chứng; và chính trong anh chị em chúng ta, với những hồng ân và giới hạn của họ, mà Ngài đến với chúng ta và làm cho chúng ta nhận ra Ngài. Và điều này có nghĩa là thuộc về Hội Thánh. Anh chị em hãy nhớ kỹ: là một Kitô hữu có nghĩa là thuộc về Hội Thánh. Tên gọi là “Kitô hữu” và tên họ là “thuộc về Hội Thánh.”

Các bạn thân mến, nhờ lời chuyển cầu của Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Hội Thánh, chúng ta hãy xin Chúa ơn không bao giờ sa vào cám dỗ nghĩ rằng mình có thể làm mà không cần người khác, có thể làm mà không cần Hội Thánh, rằng mình có thể tự cứu mình, rằng mình là những Kitô hữu của phòng thí nghiệm. Trái lại, chúng ta không thể yêu mến Thiên Chúa mà không yêu thương anh chị em mình; chúng ta không thể yêu mến Thiên Chúa bên ngoài Hội Thánh; chúng ta không thể hiệp thông với Thiên Chúa mà không ở trong Hội Thánh, và chúng ta không thể thành những Kitô hữu tốt nếu không cùng với tất cả những người đang tìm cách theo Chúa Giêsu, như một dân duy nhất, một thân thể duy nhất, và đó là Hội Thánh. Cảm ơn anh chị em.

*Phaolô Phạm Xuân Khôi chuyển ngữ*

<http://giaoly.org/vn/>

**VỀ MỤC LỤC**

## XIN LỖI, TÔI CHỈ LÀ MỘT NGƯỜI CHUYỂN QUÀ!

Vào một buổi sáng Chúa Nhật, với ly cà phê nóng bên khung cửa sổ của căn nhà cuối phố, Viễn chợt nhận ra một sự thật. Mới đầu nó nhẹ nhàng, rồi bỗng phũ phàng, rồi chợt bẽ bàng, nhưng cuối cùng thì giải thoát rộ ràng.

Quán cà phê nhỏ cuối phố có cái tên ngắn ngủn mà hay hay: Quà. Viễn thắc mắc tại sao tên quán lại như vậy vì chưa thấy chủ quán tặng quà cho khách hàng hay khách hàng tặng quà cho chủ quán bao giờ. Chắc phải có một ý gì đó.

Thong thả nhấp miếng cà phê nóng đang tỏa ra thơm phức, Viễn nhìn qua khung cửa sổ. Bóng dáng của người ăn xin mà anh mới “tặng một chút quà” đang khuất xa dần. Hồi trước khi cho ai chút tiền thì Viễn gọi đó là bố thí như nhiều người vẫn còn làm hôm nay. Nhưng sau lần chính bản thân Viễn, một thằng đàn ông đầy tự hào, ngay tại cái quán nước này, phải ngửa tay xin giúp đỡ thì anh đã thay đổi hẳn. Cũng may anh đã trải qua kinh nghiệm đó nên mới thấu hiểu được nhiều việc để rồi bây giờ mỗi khi giúp đỡ ai thì anh tìm cách giúp thế nào để người được giúp không cảm thấy mặc cảm. Nghĩ lại, cái khó cái nhục hóa ra là cái cần cái phúc mà trời cao gửi cho anh để giúp anh lớn lên về mặt nhân cách. Một món quà cuộc sống vậy.

Thả hồn theo làn hơi nóng thơm của ly cà phê đang nghi ngút tỏa, Viễn tận hưởng những dòng ký ức tươi sáng của những năm tháng gần đây. Có lần Viễn mua giúp một bà cụ bán vé số trong chợ năm tấm vé liền rồi tặng lại cho bà, cầu chúc bà may mắn. Bà cụ ngạc nhiên. Nụ cười của bà cụ gầy guộc làm vui tâm hồn Viễn. Có lần anh đứng ra hòa giải cho một gia đình hàng xóm. Sau này họ cho biết nhờ lời khuyên sáng suốt của anh mà họ đã khắc phục được bất hòa trong nhà. Rồi có lần cha xứ gọi điện cảm ơn Viễn đã quảng đại hiến tặng cho nhà thờ một bức tượng thánh Giuse bằng đá cẩm thạch thật đẹp giúp bà con cầu nguyện sốt sắng hơn.... Những điều thiện ích khác thì nhau chảy về trong lý ức khiến anh cảm thấy vừa tự hào vừa vui mừng. Mình cũng khá lắm đấy chứ, anh tự nhủ. Làm ơn cho người này người kia. Người này người khác biết ơn mình. Có ý nghĩa! Hay! Viễn mỉm cười, gạt gù, toại nguyện với cuộc sống. Nhấp thêm miếng cà phê thơm phức nữa cái coi. Ái chà, ngon! Không, theo ngôn ngữ trẻ thời nay thì chính xác phải nói: Đó là một cái ĐÃ không hề nhẹ!!!

Bỗng nhiên Viễn nheo mày, nhăn mặt. Một sự việc cách đây bảy tháng chen ngang vào dòng xúc cảm đang lâng lâng. Nhớ lại mà tức sôi cả máu. Viễn dành dụm bao nhiêu ngày tháng mới để được một số tiền tính cuối năm cưới vợ và xây dựng sự nghiệp. Hôm đó thằng Nhân bạn học nói có việc gấp cần mượn tiền. Nó hứa sẽ trả lại trong vòng một tháng. Chỗ quen biết, lúc bạn có nạn thì ra tay tương trợ. Nó mượn ba ngàn đô la, tức là hơn một nửa số tiền Viễn đã dành dụm suốt bốn năm trời. Một tháng không thấy nó trả. Đòi thì nó khát. Muốn gặp mặt thì nó tránh. Dọa nạt thì nó trốn biệt tăm luôn. Mất. Tiền bạc mất. Tình nghĩa mất. Mồ hôi nước mắt và tín nhiệm. Mất hết.

Trong tích tắc, ly cà phê bỗng trở nên đắng ngắt. Người hành khất ban nãy cũng không còn thấy bóng dáng nữa. Tiếng nhạc du dương chỉ còn là những âm thanh rời rạc vô nghĩa vô tâm. Bàn tay Viễn nắm chặt lại vì tức giận. “Đúng là cái thứ vong ơn bội nghĩa, ăn cháo đá bát”, anh lầm bầm.

Xét cho cùng, Viễn đâu phải người nhẫn tâm đến nỗi phải lấy lại bằng được số tiền đó khi bạn bè còn túng quẫn. Thậm chí Viễn có thể cho nó luôn nếu thật sự nó rơi vào hiểm nghèo bẽ tắc. Nhưng tức lắm, tức ở chỗ nó vô ơn. Viễn là bạn mà nó đối xử như một kẻ chỉ có giá trị lợi dụng. Viễn càng tức thêm vì thấy mình đặt lòng tốt sai chỗ để bây giờ bị rơi vào tình thế khó

khăn. Tiền mất tật mang. Nếu biết trước thì Viễn đâu có ngu gì giúp đỡ nó. Nhưng đâu có ai biết trước được mọi chuyện. Ai mà biết trước mọi việc chứ! Viễn tự nhủ như thế để bớt trách mình. Ý nghĩ này bỗng làm dịu sự tức giận của Viễn. Ủ ờ nhỉ, có ai biết trước được mọi chuyện bao giờ. Biết đâu thằng bạn đáng trách này cũng bị rơi vào tình thế không thể ngờ trong hoàn cảnh của nó.

Cơn giận từ từ hạ xuống. Hương cà phê thơm phức cũng dần trở về lại trong ly. Tuy vậy, Viễn vẫn làu bàu: “Chúa, tại sao nó phụ ơn của con?”

“Ơn của con?” một hồi âm vọng lại trong tâm trí Viễn. Có một điều gì đó tự nhiên làm Viễn bối rối, khó chịu, suy nghĩ.

Chính đây là khoảnh khắc vừa bế bàng vừa giải thoát. Anh bắt đầu nhận ra điều không ổn trong tâm thức của mình xưa nay. Nói rõ hơn, anh bắt đầu nhận ra một sự thật, một sự thật về bản thân con người anh và về Chúa. Kể cũng lạ, mỗi một giải thoát của con người đều xuất phát từ việc nhận ra mình và nhận ra Chúa.

“Ơn của con?” Câu hỏi ấy lại dội về trong tâm trí Viễn.

Đúng là anh đã đổ mồ hôi sôi nước mắt để có một số tiền quý giá. Đúng là anh đã đưa số tiền ấy cho thằng Nhân. Đúng là anh đã thực hiện những hành động ý nghĩa để giúp đỡ những người cơ nhỡ trong cuộc đời này. Nhưng, “ơn của anh”, đúng không nhỉ? Nếu anh gọi những việc mình làm cho người khác là “ơn” thì cũng được thôi vì người ta ở đời vẫn nói đến “làm ơn”, “mang ơn”, “biết ơn”, “trả ơn”... Nhưng, nguồn gốc của cái gọi là “ơn” nằm ở đâu? Ở con người? Không. Lý luận ấy không ổn tí nào. Nhưng tại sao lại không ổn?

Trong lúc loay hoay với chính suy nghĩ đang bối rối của mình, Viễn nhận ra câu trả lời trong những câu hỏi gợi lên trong đầu: Nếu Chúa không ban cho sức khỏe, làm sao tôi có thể làm việc kiếm tiền sinh sống, nói chi đến việc có cơ hội giúp đỡ người khác? Nếu không có Thần Khí của Ngài hoạt động trong tâm hồn, làm sao tôi có thể tự mình trở nên tốt bụng mà sẽ chia? Nếu Chúa không gửi người túng thiếu đến thì làm sao tôi có được cơ hội rộng mở lòng mình và cảm nghiệm được niềm vui sâu xa của chia sẻ? Nếu Ngài không ban trí thông minh, làm sao tôi có sự sáng suốt mà khuyên giảng cho người khác? Nếu Ngài không tha thứ trước cho tôi cả trăm vạn lần, làm sao tôi có khả năng thứ tha cho người khác vài ba lần? Nếu Ngài đã không làm tất cả cho tôi trước thì tôi sẽ chẳng thể làm được bất cứ điều gì cho chính mình hay tha nhân.

Người ta vẫn quen dùng từ “làm ơn” cho nhau nhưng sự thật thì chẳng có ai làm ơn cho người khác cả. Con người là thân phận thụ tạo không có khả năng tự tạo ra bất cứ một ơn gì. Sự thật không thể phủ nhận được là: tất cả mọi người từ cổ chí kim, từ lớn đến nhỏ, đều là những kẻ đã nhận ơn trước từ một Đấng Ban Ơn. Không có ai ngoại lệ đối với điều này. Trước khi tôi có thể làm được một việc gì đó cho người khác, tôi đã nhận lãnh biết bao nhiêu ơn lành từ Đấng Yêu Thương rồi. Ơn là từ Chúa chứ không phải từ tôi. Tôi có điều kiện và cơ hội để làm được điều gì cho người khác thì trước hết đó cũng là một ơn huệ Chúa ban cho tôi. Nghĩ đến đây, bên ly café nóng, Viễn chợt giật mình tự nhủ: “Úi, mình phải cẩn thận để không giành công của Chúa!”

Việc nhận ra rằng ơn không phải là từ thân phận con người của mình khiến Viễn bế bàng vì đó cũng là lúc anh thấy ‘quyền’ mong đợi người khác biết ơn mình bị vượt mất khỏi tầm tay. Ai giúp người mà chẳng mong nhận lại ít là một thái độ biết ơn nào đó chứ. Nhưng, dù thế nào đi nữa thì chân lý vẫn không hề thay đổi: Chỉ có một Đấng Ban Ơn và xứng đáng nhận sự biết ơn mà thôi. Viễn nhớ lại lời Thầy đã dạy: *“Anh em đã lãnh nhận một cách nhưng không thì cũng phải cho đi một cách nhưng không.”* (Mt 10:8) Chân lý này giải thoát Viễn khỏi sự hụt hẫng vừa luẩn quẩn vừa vô lý khi gặp phải thái độ vô ơn. Nó đem lại tự do cho tâm hồn Viễn.

Anh tự rút ra một hướng sống cho mình: Cứ cố gắng làm cho người khác điều tốt đẹp theo tinh thần của Chúa nhưng sẽ không còn chờ mong bất cứ một sự biết ơn nào. Nếu họ thể hiện một thái độ biết ơn nào đó thì mừng cho họ vì họ đang sống điều cần thiết cho tâm hồn. Còn nếu họ vô ơn thì mong lời ông bà đã dạy sẽ cảnh tỉnh nhân cách họ:

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây

Ăn khoai nhớ kẻ cho dây mình trồng

Những người phụ nghĩa quên công

Dẫu đeo trăm đóa hoa hồng cũng vẫn chẳng thơm.

Về khía cạnh công bằng xã hội, khi mượn thì cần phải trả, khi nhận thì cần phải thể hiện sự trân trọng biết ơn, biết ơn Đấng BanƠn và người làm ơn. Đó là một điều đúng và tốt. Bản thân Viễn còn muốn đi xa hơn vì anh là một Kitô hữu: Ai đã giúp cho anh bất cứ điều gì thì anh sẽ luôn ghi lòng tạc dạ và cầu nguyện cho họ, ngay cả trong trường hợp bây giờ họ không còn tốt với anh nữa hoặc đang gây khó gây khổ cho anh. Kitô hữu là thế! Một khi đã biết Thầy thì con đường cần đi là con đường hướng lên những tầm vóc mới của tình yêu thương quảng đại, cho dù trước mặt là đồi cao của lòng người hiểm trở.

+++++

Reng reng reng...

Điện thoại di động của Viễn trên bàn cà phê rung rung. Số này lạ nên Viễn không trả lời. Đến lần thứ ba thì Viễn bắt máy. Hơi bực mình.

“Alô. Ai vậy?”

“Alô. Anh Viễn phải không ạ?”

“Vâng, tôi đây.”

“Tôi tên là Tâm, mẹ của cháu Phúc. Cách đây mấy tháng, con tôi gặp nạn trên đường bị gãy chân. Anh nhớ không?”

Viễn nghe mơ hồ, chẳng nhớ ra chuyện như thế. Chị Tâm tiếp tục:

“Lúc ấy anh đã tốt bụng xuống xe, gọi taxi và yêu cầu chở con tôi vào bệnh viện để chữa trị. Anh còn đưa cho cháu Phúc một trăm đô-la để chữa trị. Thật không thể ngờ thời buổi này mà có người tốt như anh! Hôm nay thì cháu Phúc đã đi lại được. Tôi xin lỗi đã không thể gọi điện cảm ơn anh sớm hơn. Vô cùng cảm ơn anh!”

Viễn không nhớ đã giúp ai bị tai nạn. Chắc là có sự nhầm lẫn nào đó.

“Dạ, xin cho hỏi làm sao chị biết số điện thoại và tên tôi?”

“Dạ, cháu Phúc nói hôm ấy lúc anh lấy tiền trong túi ra để giúp cháu thì anh đã làm rơi một tấm giấy có tên và số điện thoại này của anh. Cháu nói là chú Viễn tuy đi chiếc xe cũ nhưng đeo kính cận nhìn hiền lành lắm.”

“Ồ! Kính cận! Chẳng lẽ là thằng Nhân?” Một ý nghĩ thoáng qua trong đầu Viễn. Chị Tâm nói tiếp:

“Một lần nữa, vô cùng biết ơn anh đã ra tay cứu giúp con tôi! Nhà chúng tôi ở gần quán Quà cuối phố. Tôi xin chân thành mời anh ghé ăn bữa cơm đạm bạc và xin được gửi lại món quà anh đã rộng lượng giúp cháu lúc hoạn nạn.”

“Dạ, chị đừng lo nghĩ gì nhé. Cháu bình phục thì mừng rồi.”

“Dạ, tôi hiểu khi anh đã quyết định giúp đỡ thì không có nghĩ đến chuyện lấy lại hoặc được báo đáp nhưng món quà đó là một món tiền lớn mà anh cũng có nhiều thứ để trang trải trong thời buổi khó khăn này.”

“Ồ, không cần đâu chị.” Viễn cảm thấy một ánh sáng trong lòng soi chiếu.

Người phụ nữ đầu dây bên kia có vẻ hơi ngạc nhiên, chưa biết nên ứng xử thế nào gì thì Viễn nói tiếp:

“Xin lỗi chị, tôi không thể nhận lại vì tôi cũng chỉ là một người chuyển quà mà thôi. Chúc chị và gia đình luôn hạnh phúc. Xin chào chị nhé!”

Viễn cúp điện thoại.

Chị Tâm: ...

+++++

Dòng đời tiếp tục trôi như mọi ngày nhưng có người đã được biến đổi.

Quán nước Quà vẫn ở gần nhà chị Tâm. Viễn thỉnh thoảng vẫn đến đó để uống một ly cà phê ấm. Chẳng ai biết ai nhưng có ai biết một lúc nào đó họ cùng có mặt trong quán và cùng chiêm ngẫm về những điều kỳ diệu vẫn diễn ra trong cuộc sống. Biết đâu lúc Viễn đang ngồi nhìn ra khung cửa sổ cuối phố nghĩ về những món quà do Đấng Yêu Thương nhờ anh chuyển giúp thì đâu đó trong quán nước này có một người khác đang trầm nghĩ: Người chuyển quà đúng là một lời tỏ tình đặc biệt của Người Tặng Quà gửi đến trong dòng đời. Và một nụ cười nở trên môi.

Giuse Việt

[200A+V614]

**Blog:** <http://only3minutes.wordpress.com/>



BTT CGVN xin hân hạnh giới thiệu tác phẩm "Ngủ Trên Sóng" của tác giả Cát Thường.

Tác giả Cát Thường chính là bút hiệu của Lm. Giuse Tuấn Việt, O.Carm, một linh mục rất gần gũi với các ban trẻ, và luôn hướng lòng về với các bạn trẻ. Ngủ trên Sóng không phải chỉ là một kinh nghiệm sống của một đời thường, nhưng là của một tâm hồn có niềm tin mãnh liệt vào Đức Kito, Đấng đã làm nên mọi sự và vẫn còn đang tiếp tục đồng hành với bất cứ ai tin theo Ngài.

Các bạn có thể tìm gặp tập sách nhỏ rất dễ thương này tại các nhà sách công giáo. Nếu bạn thực tâm muốn đi tìm bình an hạnh phúc trong cuộc đời luôn đầy biến động này, hãy cùng với Cát Thương chia sẻ "Ngủ Trên Sóng"

Chúc nhau bình an và thật nhiều may mắn.

**BBT CGVN**

## VỀ MỤC LỤC

### **TÔN GIÁO HAY LÀ TÍN NGƯỠNG ? bài 2 – NỘI DUNG CỦA TÔN GIÁO: TIN GÌ ? VÀ DẠY GÌ ?**

Trần Văn Toàn

#### **2.0 - Mấy nhận xét tổng quát**

Xét theo quan điểm khoa học thì ta biết rằng những sự kiện làm đối tượng nghiên cứu cho khoa học, nhất là khoa học con người, không phải là tất cả những sự vật có sờ sờ trước mắt, nhưng là do khoa học hạn định theo như cái khía cạnh hạn hẹp mà mình chọn, theo lối mình nhìn và phương pháp mình đồng ý với người khác để áp dụng.

Áp dụng vào tôn giáo, thì mỗi khoa học khách quan về tôn giáo – như : tâm lý học, xã hội học, ngôn ngữ học, sử học, triết học, v.v. – đều định nghĩa tôn giáo và định nghĩa sự kiện tôn giáo theo như quan điểm và phương pháp đo lường, nghiên cứu và xử lý, do người *ngoài cuộc* là các học giả thỏa thuận với nhau mà đặt riêng cho mỗi khoa. Như thế chưa chắc là đúng hẳn như tôn giáo của người *trong cuộc* là người tín hữu, người hành đạo. Thêm vào đó thì, như tôi đã có dịp bàn tới [1], cái mà ta quen gọi là chân lý khách quan chính là cái mà ta thỏa thuận với nhau theo như phương pháp quan sát, suy luận và xác nhận ; chứ làm sao mà chúng ta biết được rằng sự vật ngoài phạm vi cảm xúc và suy luận của chúng ta thì tự nó là thế nào. Nhận như thế rồi thì vẫn còn một vấn đề cần giải quyết, là : chắc gì là những quan điểm và quan niệm khác nhau như thế đều cùng nhắm về một thực tại, về cùng một đối vật ? Và cái thực tại duy nhất đó là cái gì ? Và nội dung nó ra sao ?

Đối với người *trong cuộc* thì việc hành đạo có một mục đích và có ý nghĩa. Người *ngoài cuộc* thì thường xét theo hai phương hướng : phía sau là nguồn gốc khách quan và duyên do chủ quan sinh ra tôn giáo, và phía trước là mục đích hay là công dụng mà người ta gán cho tôn giáo. Nhưng như thế vẫn chưa đủ, vì nếu không biết nó là gì, thì việc tìm nguyên nhân và mục đích cũng là vô nghĩa.

Vì thế, phải hiểu trước, phải định nghĩa trước, ít là một cách tạm thời, cái gì là tôn giáo, thì mới có thể nhận ra trong phạm vi mệnh mông của tư tưởng, của tưởng tượng, của ước muốn và hành động của con người đang sống trong xã hội, cái gì là sự kiện thuộc về tôn giáo. Có thế mới biết là người ta muốn nói về cái gì. Rồi sau khi nghiên cứu theo phương pháp, mới có thể định nghĩa lại một cách xác thực hơn. Chính vì không có một lối nhìn hay một định nghĩa duy nhất về tôn giáo, cho nên có những cái mà người này cho là thuộc về phạm vi thiêng liêng của tôn giáo, thì người khác lại chỉ thấy là hoàn toàn thế tục.

Nhưng thật là khó định nghĩa : nếu liệt kê những cái mà xưa nay thiên hạ đó đây gọi là tôn giáo, rồi theo phép quy nạp (induction) mà tách ra những đặc điểm chung cho tất cả để lấy làm

định nghĩa, thì khó mà tìm cho ra ; nhưng nếu chọn một định nghĩa có sẵn, căn cứ vào một vài tôn giáo mình quen biết, thì những cái khác sẽ không còn được gọi là tôn giáo nữa.

Như đã trình bày trong phần mở đầu, chữ «tôn giáo » hay là « tôn giáo » của người Đông-Á chỉ nói lên một cách trông trổng cách thức truyền bá tôn giáo, chứ không xác định tôn giáo là gì và cũng không nói đến nội dung của tôn giáo. Cho nên theo như quan niệm chưa rõ rệt như thế, thì bất cứ cái gì do *ông tổ ông tông dạy*, hay là do sự phụ nào đó truyền lại, đều có thể gọi là *tôn(g) giáo* cả.

Bên Âu châu thời Thượng cổ thì người La-tinh dùng chữ « religio », để chỉ các bôn phận phải làm đối với các thần linh được nhà nước công nhận (đạo nhà nước). Người Âu châu quen dùng từ ngữ ấy, nhưng rồi chuyển sang các thần linh nói chung. Tuy vậy cho rằng tôn giáo tất nhiên phải có liên quan đến thần linh, thì cũng không đúng hẳn, vì có những hệ thống hay là phong trào, nhất là ở Á châu, không chú ý đến thần linh, thậm chí còn khước từ thần linh, và đôi khi chỉ có mục đích là cướp chính quyền, thế mà cũng vẫn gọi là « đạo » hay là « giáo ». Lại có những lối tiếp xúc với thần linh, hoặc là không được vua quan hay nhà nước công nhận, hoặc là đã biệt lập ra ngoài phạm vi chính trị, cũng được coi là tôn giáo nữa.

Có rất nhiều định nghĩa về tôn giáo, tùy quan điểm. Như đã trình bày trước đây, tôi xin tạm dùng cái định nghĩa của Helmut Glasenapp trong cuốn tự điển *Các tôn giáo ngoài đạo Thiên Chúa* [2]. Tiếp theo đó, trong cuốn sách *Niềm tin và nghi lễ trong các tôn giáo lớn*, chính tác giả này cũng đưa ra những nhận định về lý thuyết và thực hành như sau : « Về bản chất của tôn giáo thì các tôn giáo đều cùng có một niềm thâm tín là : thế giới vật chất hữu hình hữu sắc, không phải là tất cả thực tại, nhưng bên trên và đằng sau thế giới đó, còn có sự điều hành của những khí lực cấp trên, có liên quan đến con người, và con người có thể tiếp xúc được bằng cách này hay cách khác. Niềm tin đó là nền tảng cho đời sống đạo đức. Các tôn giáo đều nhất trí về bốn đòi hỏi chính yếu của đời sống xã hội : không giết người, không ăn trộm, không nói dối và trong hôn nhân thì không được có ngoại tình. Tất cả đều có dạy phải cử hành những nghi lễ nhất định, dùng những dấu hiệu mà ai nấy đều trông thấy, làm mọi giới để đạt được những hiệu quả tốt đẹp của sự giải thoát mà người ta không trông thấy. Tất cả đều có những hình thức tổ chức cộng đoàn, để cho những người cùng theo một tín ngưỡng làm thành một giáo hội hay là một hội đoàn. Mỗi tôn giáo đều có những cảm nghiệm và tâm trạng làm nền tảng cho vũ trụ quan riêng của mình. Và sau cùng thì tất cả đều có những phương pháp để các nhà thần học hay lý thuyết gia có thể suy luận và biện minh cho chân lý của mình » [3].

Thiết tưởng cũng nên nhận xét thêm rằng trong khá nhiều trường hợp, nhất là trong dân gian, tôn giáo thường chỉ hạn hẹp vào việc thi hành một số tập tục hay nghi lễ bề ngoài, tham dự các thứ lễ hội có tính cách công cộng, khách quan, mà không đòi hỏi phải tuyên xưng ra là trong thâm tâm chủ quan mình tin tưởng những gì và như thế nào, ví dụ như trong « kinh Tin kính » của đạo Giê-su Ki-tô. Cho nên cái nội dung của tôn giáo, nhất là về lòng tin tưởng, ước muốn, cũng có thiên hình vạn trạng, như ta thấy trong nhận xét của Glasenapp. Ngày nay trong những quốc gia tuyên bố có quốc giáo, thì thực ra có hai lý do : *một là* vì trong dân chúng cũng ít ai có tư tưởng tự lập, hiểu biết về vận mệnh con người, và lựa chọn lấy cho mình, *hai là* vì nhà cầm quyền nhiều khi cũng đã khéo chọn lấy tôn giáo và định đoạt nội dung của tôn giáo cho họ, thấy những nước tân tiến đặt ra hiến pháp thế tục, thì mình cũng tuyên bố lấy tôn giáo làm hiến pháp – ví dụ như trong nhiều nước theo Hồi giáo – và dùng tôn giáo làm phương tiện trị dân, ai không theo thì bị trừng trị như là phản dân tộc vậy, ai cải giáo thì bị xử tử vì tội bỏ đạo.

Tuy vậy không thể căn cứ vào những lễ nghi hay lối tổ chức có sẵn trong xã hội, mà các tôn giáo có thể làm theo nhau hay là vay mượn lẫn nhau, lại cũng không thể tựa vào giới luật đạo đức thuộc về phạm vi nhân đạo chung cho người ta, mà cho rằng các tôn giáo đều như nhau cả, vì lẽ tất cả những yếu tố giống nhau ấy vẫn có thể có những ý nghĩa rất khác nhau, tùy theo ý hướng riêng của mỗi tôn giáo.

Theo như nhận xét trên đây thì nếu người ta chỉ nhìn nhận những cái vật chất, tai nghe mắt thấy, là có thật mà thôi, thì cũng khó mà tìm ra chỗ cho tôn giáo ăn rễ.

Cũng theo như thế thì tôn giáo vừa có rất nhiều loại khác nhau, lại vừa có một số đặc điểm giống nhau. Dù sao, định nghĩa như thế này hay thế khác, thì đều là những định nghĩa mà bây giờ người ta ai nấy tùy quan điểm của mình mà tạm dùng để xếp đặt cho có thứ tự mạch lạc các sự kiện trong đời người.

Chứ thực ra, như sẽ trình bày sau đây, chính cái ý niệm « tôn giáo », như vừa nói trên đây, cũng là mới thành hình, sau khi người ta dần dần thanh lọc từ cái « tông giáo », nghĩa là từ tất cả những cái do ông tổ ông tông dạy cho, và tách rời ra một ít yếu tố đặc biệt có liên quan đến *vận mệnh con người* – và cũng thường liên quan đến *thần linh* – rồi gọi đó là « tôn giáo ». Vì lẽ rằng : định nghĩa (définition) tức là xác định giới hạn (fin / finis), nhận cái này thì phải bỏ cái kia. Cho nên khi định ranh giới cho các môn học khác nhau, thì cũng là xác định ranh giới một cách gián tiếp và tiêu cực cho tôn giáo vậy.

Nay nếu ta ghép lại với nhau hai câu hỏi « Tin gì ? » và « Dậy gì ? », thì ta đặt câu hỏi về nội dung của tôn giáo, dậy tín cần vào ai, phải tin gì và làm gì. Không có tôn giáo lù lù ra đó như một đồ vật khách quan, có sẵn đó, và tự nó có tiềm lực tác động lên người ta, nhưng phải có người tin, có người dậy, thì mới nói được đến nội dung niềm tin của người ta. Có thể nói : nội dung của tôn giáo là phần khách quan, còn « tin » và « dậy » là phần chủ quan. Hai phần đó không hoàn toàn ăn khít với nhau, nhưng không phải là không có tương quan mật thiết. Thực vậy, người dậy cũng như người tin, thường không chú trọng vào tất cả nội dung của tôn giáo, mà chỉ tùy tình trạng văn hóa và trường hợp cá nhân mà thấu nhận và đề cao những yếu tố hợp với kinh nghiệm riêng, với sở ước, với nguyện vọng hay tham vọng của mình. Vì thế khi đạo giáo được truyền bá, thì bao giờ cũng phải qua môi giới những con người sống động, muốn tin và muốn dậy lại những gì. Và nếu không có ai, không có cơ quan nào có ý thức và chú trọng đến việc duy trì cái căn bản, xác định những điều phải dậy (giáo điều), thì sẽ không sao tránh được cái hiệu quả là « tam sao thất bản », là tùy nghi thêm thắt vào, và rồi nếu không mất gốc thì cũng thường chia ra năm bè bảy mối, cho đến nỗi nhiều khi tôn giáo chỉ còn có cái tên trống rỗng, dùng làm cờ hiệu hay chiêu bài mà thôi. Có một điều rất đáng ngạc nhiên là đứng trước tình trạng rối ren vô định như thế, thì có người lại không ngần ngại cao tuyên rằng tôn giáo của mình không có tính cách « giáo điều ». Cũng đúng : vì như thế có nghĩa là « chẳng có điều gì để dậy » cả ! Sau đây ta sẽ bàn tiếp.

Thoạt nhìn thì vấn đề nội dung của tôn giáo rất dễ giải quyết. Vì hiện nay có rất nhiều sách viết về các thứ tôn giáo. Riêng về những tôn giáo lớn trên thế giới thì đã có khá nhiều bộ tự điển bách khoa, gồm hàng mấy chục cuốn, khổ lớn, mỗi cuốn dày hàng dăm sáu trăm trang. Ngoài ra kinh điển của các tôn giáo lớn cũng là như « Hằng hà sa số ». Nắm được trong tay những bộ tự điển và những kinh điển như thế, người ta rất dám tự đắc mà nghĩ rằng về mỗi tôn giáo thì mình biết được thực chất của nó và hết tất cả những gì người đời tin theo và dậy bảo nhau, những lễ nghi phải cử hành, những giới luật phải noi theo, những tổ chức gắn bó người đồng đạo lại với nhau.

Nhưng cho dù có như thế, thì chính cái tính cách phiến tạp và nhiều khi mâu thuẫn trong đó lại là cả một vấn đề cần phải giải quyết.

## **2.1 – Vấn đề nội dung phiến tạp**

Cái cảm giác đầu tiên của người đi vào một tủ sách hay là chỉ đọc tự điển mà thôi, là thấy trong cùng một tôn giáo thường có khá nhiều điều, cả lý thuyết lẫn thực hành, hoặc là rời rạc không ăn nhằm gì với nhau, hoặc là mâu thuẫn nhau. Đi vào đó, ai không được hướng dẫn thì



có cảm giác như đi vào một “trận đồ bát quái”, một cái “mê hồn trận”, không tìm được lối ra. Có người lại nghĩ rằng như thế mới là huyền nhiệm, nhiệm màu, cao siêu, như thế mới là phong phú, là không giáo điều. Nhưng ta có thể nghi ngờ rằng chính những học giả soạn tự điển như đã nói trên đây, tuy rằng uyên bác có thừa, biết thật quá nhiều, nhưng xem chừng nếu không ngộ chữ thì cũng chỉ là biết vậy thôi, vì cái biết đó có vẻ như là một trò chơi tinh thần của người hoài cổ, hiếu cổ, khảo cổ, để trong lúc trà dư tửu hậu khoe với nhau ai biết ít hay nhiều chữ, chứ có lẽ những cái biết đó không liên quan gì đến nếp sống thường nhật của họ [4]; có chăng thì họ tin một vài điều, làm một vài cử chỉ, chứ chẳng lẽ họ lại tin và làm tất cả những điều mâu thuẫn nhau do các giáo phái dạy ; và hơn nữa, biết đâu họ lại chỉ là người học giả đứng ngoài cuộc, chẳng tin gì hết. Ấy là không nói đến những người lợi dụng tôn giáo của quần chúng vì nhiều mục đích thế tục khác. Ấy là chưa nói đến sự kiện khá thông thường, là : đó đây xưa nay vẫn cứ có người đứng ra lập tôn giáo mới, bằng cách chấp nối một cách hỗn dung một vài tôn giáo hay học thuyết mà mình biết được qua loa, rồi cho rằng đó là tổng hợp tôn giáo của nhân loại. Có điều lạ khó hiểu là vẫn có người nghe theo.

Nếu là một tôn giáo có lập trường hẳn hoi, có giáo điều, nghĩa là có điều để dạy, thì sao lại có thể có mâu thuẫn ? Nếu bảo rằng như thế là có tinh thần cởi mở, khai phóng, không giáo điều, nghĩa là không có điều gì để dạy, không có lập trường gì rõ rệt, thì có mâu thuẫn cũng không quan hệ là bao, nhưng thế sao lại bảo đó cũng là một tôn giáo ? Thực ra, những người cho rằng tôn giáo của mình không giáo điều, thì thường họ chỉ có ý nói lên rằng mình có cao, kiến không chấp nhận những điều người khác dạy, cho đó là ngu xuẩn hay là vô minh.

Ví dụ : khi nói về Ấn giáo, người ta có thể nghĩ đó là một tôn giáo, nhưng thực ra thì tôn giáo Ấn độ thật có nhiều loại : nhất thần, đa thần, đều có cả và lẫn lộn với ma thuật phù chú; rồi có những vị thần mang tên khác nhau tùy địa phương, nhưng lại có những đặc tính tương tự như nhau ; về lối hành đạo lại cũng có nhiều đường lối rất khác nhau. Đã thế người ta còn hồ hào bài ngoại nữa.

Có nhiều nguyên nhân làm cho có nhiều tôn giáo. Nhưng để giải quyết tình trạng có vẻ rối ren và mâu thuẫn trong mỗi tôn giáo, thiết tưởng nên theo mấy nguyên tắc sau đây : *một là* về kinh điển thì phân biệt các thể văn, *hai là* về tiến trình lịch sử thì xét nguồn gốc các môn phái, *ba là* về nội dung thì phân biệt tôn giáo với các phạm vi thế tục.

### **a) Phân biệt các thể văn**

Trong đời sống thường nhật, ai cũng biết rằng những câu ta nói lên không phải bao giờ cũng phải hiểu theo nghĩa đen. Vì nội dung của câu nói còn tùy vào ý ta muốn nói thật, nói chơi, nói đùa, nói mánh, nói khoe hay nói dối. Ngoài nghĩa đen thì còn có nghĩa bóng. Còn về mục đích thì không phải cái gì cũng có ý là để mô tả hay là để bá cáo, thông báo một sự việc đã có ; vì lẽ ta có thể nói lên để báo trước một dự định chưa thực hiện. Người ta còn có thể nói lên để ảnh hưởng tới người khác, để khích động, để lôi cuốn, hứa hẹn, dọa nạt, răn đe, v.v., mà nhiều khi không cần hay không muốn nói lên đúng sự thật.

Trong phạm vi tôn giáo cũng thế. Trong đạo Do thái thì người ta phân biệt Đạo Luật đã viết thành văn (Torah écrite) và Đạo Luật truyền khẩu (Torah orale) gồm tất cả những lời giải thích và áp dụng trong hai nghìn năm. Riêng trong Đạo Luật đã thành văn thì cũng có đủ mọi loại thể văn : văn kể truyện, văn viết lịch sử, lời giáo huấn răn đe, lời ca tụng cầu khẩn, lời chú giải lẽ luật, lời thi ca, v.v. Đặc biệt nhất là Thánh Kinh hay là kinh điển của đạo Do-thái không phải là những lời từ trên trời đem xuống để cho người ta thi nhau học thuộc lòng, nhồi sọ, một cách ấu trĩ, nhưng là để người ta dùng lý trí mà suy xét cho ra lẽ, nghiền ngẫm trong ký ức, dùng tình cảm mà thưởng thức, rồi tùy hoàn cảnh mà thực hành. Sau này đạo Ki-tô cũng theo truyền thống như thế và dùng triết lý của người Hi-lạp để suy luận thành ra khoa thần học hay là Thiên-Chúa-học (Théologie). Nhà Nho bên ta cũng phân biệt ngũ kinh với tứ thư, phân biệt kinh với truyện. Bên Phật giáo, người ta phân loại sách vở ra làm Kinh tạng, Luận tạng và Luật tạng,

để phân biệt những điều được coi là do chính Đức Phật dạy, với những điều mà các đệ tử từ thế hệ này sang thế hệ khác đã suy luận ra, và với những luật đặt ra cho người tu trì hành đạo. Ngoài ra cũng còn nhiều câu truyện sáng tác ra để giáo huấn. Các đạo khác cũng ở trong tình trạng tương tự. Và những ai hiểu đạo thì đều biết đâu là cái cốt yếu, đâu là những cái tùy tùng.

Theo lý thuyết thì rõ ràng là như thế. Nhưng nhiều khi chính những đệ tử giải thích lời của vị giáo tổ cũng nghĩ rằng lời của giáo tổ nói lên trong hoàn cảnh xa xôi quá, cho nên nếu mình không giải thích thì người thường sẽ hiểu không ra. Và vì thế cho rằng lời bàn giải của mình cũng quan trọng không kém lời của giáo tổ, thành ra người theo đạo còn thiếu học thì lẫn lộn hết, cho rằng tất cả sách vở về tôn giáo đều có tầm quan trọng như nhau. Hình như trong đạo nào cũng có như thế. Ví dụ như trong đạo Giê-su Ki-tô, ai cũng biết rằng Thánh Kinh thì khác, mà lời giảng giải suy luận thì khác, nhưng nhiều khi người ta cũng lẫn lộn và cho như là tất cả đều có giá trị như nhau. Ở Việt Nam, ai tinh mắt một chút đều nhận ra là có nhiều sách nhà Phật do các thầy tăng soạn ra nhiều thế kỷ sau khi Phật vào Niết bàn, có cái gọi đúng tên là “luận”, nhưng cũng có nhiều cái vẫn cứ được gọi là “kinh”, như thế tất cả đều đúng là lời Phật dạy [5], và rồi để giải thích vì sao có nhiều cái khác nhau thì người ta bảo rằng đó là vì Đức Phật muốn thích nghi với trình độ hiểu biết khác nhau của người nghe ở mọi nơi mọi đời. Ngoài ra cũng có người còn cho rằng các “kinh” như thế tự nó có sức mạnh, chỉ cần tụng lên, chỉ cần đọc ra tiếng, như thần chú, mà không cần hiểu, thì tất nhiên là kiến hiệu, muốn gì được nấy.

Tóm lại là nếu biết phân biệt các thể văn trong sách vở các tôn giáo, thì ta sẽ thấy bớt đi được nhiều mâu thuẫn, ta sẽ phân biệt ra những lời vàng ngọc chính tông của giáo tổ, với những câu giải nghĩa thích nghi với thời đại, với những câu ca tụng hào hứng không tiếc lời của đệ tử, và những câu nói “quá lời” của người giảng thuyết, nhằm để thuyết phục và lôi cuốn người nghe.

### **b) Phân biệt các môn phái**

Lịch sử tôn giáo là lịch sử truyền bá tôn giáo. Không phải như cái bia đá vô tri, cứ lù lù ra đó qua nhiều thế hệ, nhưng tôn giáo truyền từ người này sang người kia, từ thế hệ này sang thế hệ khác, như một yếu tố văn hóa sống động. Khi thâm nhập thì người ta thâm nhập theo phương thức của mình, nghĩa là tùy theo sức hiểu biết và những điều sở đắc, sở ước và sở vọng của mình, và khi dạy lại cho người khác thì người ta thường chú trọng vào những yếu tố mà mình cho là quan trọng đáng lưu lại cho hậu thế. Cho nên khi truyền bá vào một môi trường mới, trong một văn hóa mới, hay là khi văn hóa có đổi mới, thì thường phải phiên dịch. Mà phiên dịch thì lắm lúc rất khó tìm ra từ ngữ dịch sát ý, cho nên thế nào cũng có biến chuyển ít hay nhiều [6] mà không tránh được.

Cũng nên nhắc lại là khi bàn về lịch sử tôn giáo thì nhà học giả thường nói về óc phê bình và tài sáng tạo của các nhân vật then chốt, mà ít khi nhắc đến hoàn cảnh văn hóa xã hội đã đưa ra tư tưởng mới. Những cái biến chuyển có thể làm giàu thêm cho tư tưởng, nhưng nếu không ý tứ thì cũng có thể làm sai lạc đi ít nhiều. Ví dụ khi đạo Giê-su Ki-tô truyền từ văn hóa Do-thái sang văn hóa Hi-lạp, thì người Hi-lạp dùng những khái niệm triết học và lý luận của mình mà diễn tả nội dung của tôn giáo mới, mà thành lập môn thần học. Khi đạo Phật truyền bá vào giới thức giả, thì họ cũng suy luận như thế mà viết ra Luận tạng. Khi truyền bá vào dân gian đang quen thờ vô số thần thánh tiên, hay là có lễ nghi hiếu thảo với tổ tiên, thì một là người ta cũng giới thiệu Phật như là một vị thần mới, có nhiều phép thần thông, hay là vị thần tối cao, phổ biến, cho nên thờ Phật, cầu khẩn Phật thêm vào nữa, và gọi chung tất cả các vị đáng thờ là Thần Phật Tiên Thánh ; hai là người ta cho rằng Phật tất nhiên cũng dạy đạo làm người, hiếu thảo với cha mẹ nữa, cho nên lễ Vu lan để báo hiếu cha mẹ càng rất được thịnh hành.

Có những tôn giáo sinh ra nhiều môn phái, nhưng đến lúc không còn đồng ý về những điểm then chốt, thì tuy vẫn còn tranh chấp cùng một tên gọi, nhưng thực ra không cùng là một

tôn giáo nữa. Ví dụ đạo “Nhân chứng Giê-hô-va” và đạo của mục sư Moon (người gốc Đại Hàn) là hai đạo mới sáng lập, hay đúng ra là mới chế biến, tuy cùng tự xưng là dùng Thánh Kinh của đạo Do thái và đạo Giê-su Ki-tô, nhưng thật là khác nhau, và người theo hai đạo này vốn đã có truyền thống liên tục lâu đời đều tấy chay cả ; ngược lại, những người chế biến ra hai đạo mới đó lại cho rằng mình mới là chính hiệu, mới hiểu đúng Thánh Kinh – hiểu như là bản văn từ trời đem xuống ! – còn thì họ cho rằng từ hai mươi thế kỷ nay, hai đạo có truyền thống lâu dài đó đều là sai lạc hết tất cả ! Cũng thế, trong lãnh vực các tôn giáo nhất thần, thì đạo Islam, mà ta quen gọi là Hồi giáo, tuy phát xuất vào thế kỷ VII, sau đạo Do-thái hơn một nghìn năm, sau đạo Giê-su Ki-tô hơn sáu trăm năm, tuy nói rằng có nhìn nhận hai đạo nhất thần đó – mà thực ra họ chỉ biết qua loa, chứ cũng không am tường kinh điển và giáo lý – và đôi khi có nhắc đến tên một số nhân vật trong đó, nhưng lại cho rằng phải bỏ hết tất cả sách thánh và kinh điển, mà hai đạo đó đã soạn ra qua kinh nghiệm tôn giáo tích trữ trong hàng nghìn năm, viển vông rằng hai đạo đó ngay từ đầu đã làm sai lạc đạo giáo nguyên thủy, mà Thiên Chúa Allah, hơn một nghìn năm sau này mới đọc lại hết vào thế kỷ VII, và đọc lại riêng cho ... giáo tổ Mohammed nghe tất cả, rồi cho sao chép lại trong một kinh Coran mà thôi !

Nói chung thì khi hoàn cảnh văn hóa và lịch sử thay đổi, người nghe giảng thuyết không còn hiểu lời dạy đúng hẳn như trước nữa, nhưng lại hiểu theo niềm tin mình đang sẵn có, theo như nhu cầu và ước vọng riêng của mình, theo như những dự định mà tập đoàn của mình đang theo đuổi. Sách vở viết ra trong những thời điểm khác nhau, thường là để trả lời cho những thắc mắc về những vấn đề nhân sinh khác nhau. Cứ truyền như thế từ thế hệ này sang thế hệ khác, thì dần dần tôn giáo sẽ ra khác đi, như đã nói trên đây : tam sao thất bản, nhất là trong trường hợp không có ai ý thức hay là có uy tín về một đạo lý mà mình có trách nhiệm hay là uy quyền để truyền đạt sao cho trung thành. Do đó mà các giáo phái nảy nở ra vô số, như ở Hoa Kỳ ngày nay, và có thể biến thành truyền thống tôn giáo mới.

Tóm lại là mỗi khi tiếp nhận một tôn giáo mới, người ta thường lấy ít nhiều điều trong đó mà thêm vào cái vốn liếng tư tưởng, lễ nghi và hành động mà mình đã có sẵn, mà ít khi để ý đến những cái mâu thuẫn giữa hai truyền thống. Như ta đã biết, có người cho như thế là tổng hợp, là hòa hợp, là có tinh thần khoan dung, là thích nghi, làm giàu cho tôn giáo, nhưng kỳ thực đó thường chỉ là hỗn dung. Hỗn dung, vì đó là do những cá nhân rời rạc, ai nấy tùy tiện chọn cái này, bỏ cái kia, tùy hoàn cảnh chốc lát, vá vúi lại mà không có cái nhìn tổng quát về tất cả các yếu tố đang thông dụng chung quanh mình. Dĩ nhiên là trong tình trạng đó không bao giờ có cái gọi là *giáo điều* cả, vì có dạy điều gì đâu. Giáo điều chỉ phát sinh ra khi người trong một cộng đồng tôn giáo có một truyền thống chung, muốn trung thành với điều giáo tổ dạy, rồi thỏa thuận với nhau về điều mình cùng tin và định hình cho những điều mình muốn truyền đạt. Tuy vậy những điều dạy căn bản cũng phải thích nghi với hoàn cảnh văn hóa mới.

### **c) Xác định nội dung cho tôn giáo**

Lý do thứ ba làm cho nội dung các tôn giáo phiền tạp là vì khi chưa phân biệt phạm vi thể tục với phạm vi linh thiêng, thì văn hóa làm thành một khối mà người ta truyền lại, dạy lại cho nhau : đó là “tông giáo”. Trong khối đó thần linh và các vật linh thiêng, cũng như các vật hữu hình hữu sắc, được quan niệm như là những khí lực tự nhiên ảnh hưởng lẫn nhau. Cái gì cũng vừa là tự nhiên, vừa là linh thiêng cả. Vì thế mà bên cạnh những tác động có tính cách kỹ thuật, người ta còn dùng đến pháp thuật phù thủy nữa. Dần dần theo như lập trường đạo Do-thái người ta đi đến chỗ tục hóa vũ trụ, biệt lập được phạm vi thể tục, lúc đó tôn giáo cũng xác định nội dung rõ rệt hơn và tách rời được ra khỏi phạm vi khoa học và kỹ thuật, và đồng thời những quan niệm về phép thần thông, ma thuật, phù thủy, cũng dần dần ra khỏi phạm vi tôn giáo của họ.

Trong việc xác định nội dung của tôn giáo cũng còn cần phải phân biệt đâu là những điểm cốt yếu, không thể bỏ đi được, và đâu là những điểm tùy thuộc vào các văn hóa khác nhau, hoặc giúp cho người ta dễ hiểu giáo lý hay đạo pháp, hoặc để thích nghi trong lối hành đạo.

Nhưng đây không phải là việc dễ, cho nên phải rất thận trọng. Vì lẽ rằng ý hướng tôn giáo bao giờ cũng phải được thực hiện trong những yếu tố văn hóa, thành ra không thể tách rời những yếu tố văn hóa có tính cách tương đối, để tìm ra cái hạt nhân cốt yếu của tôn giáo : làm như thế cũng như là muốn bóc nõn củ hành để tìm cho ra hạt nhân !

Sau đây xin trình bày con đường chuyển từ “tông giáo” sang “tôn giáo”

## 2.2 – Từ “tông giáo” đến “tôn giáo”

Như vừa nói trước đây, con người ta sống trong xã hội thì học lấy của tiền nhân một nền văn hóa – một “tông giáo”, do ông tổ ông tông dạy cho – bao gồm từ những kỹ thuật để tìm ra đồ ăn thức uống, may áo làm nhà, và những gì cần cho sức khỏe, cho đến đường lối tư tưởng, quan niệm về vũ trụ, cách thức cư xử với người khác và với các khí lực hay các thần linh vô hình. Như thế là trong văn hóa cũng đã chứa sẵn những vật liệu của tín ngưỡng. Nhưng tất cả còn trộn lẫn cả với nhau như là một khối, không phân biệt đâu là tôn giáo, đâu là phạm vi thế tục. Cũng phải lâu lắm người ta mới dần dần, từ cái khối “tông giáo” duy nhất đó, mà phân biệt ra làm nhiều phạm vi tương đối biệt lập. Và có lẽ sau khi người ta đã định giới hạn rõ rệt cho các phạm vi khác, thì “tôn giáo” là phạm vi còn lại, cũng mới dần dần được xác định và được tách rời ra khỏi những yếu tố khác. Những yếu tố này lúc đó mới làm thành phạm vi thế tục.

Một ví dụ : khi đọc bộ sách Thánh Kinh của đạo Do thái, người ta thấy kể truyện dân Do thái, qua nhiều giai đoạn thăng trầm trong lịch sử, lúc lên lúc xuống, đã quan niệm về Thiên Chúa từ những hình ảnh thô sơ, đôi khi dã man, theo như hình ảnh con người chưa văn minh lắm, cho đến hình ảnh thanh cao, khác xa hình ảnh mà, theo phương pháp “suy bụng ta ra bụng người”, mình gán cho Thiên Chúa. Thế nhưng cũng chính trong sách thánh, bên cạnh lịch sử tôn giáo đó, ta còn thấy có nhiều yếu tố khác liên quan đến cách thức làm ăn, nấu nướng, cách thức tổ chức đời sống chung, tổ chức tự vệ, thậm chí còn có cả những phương thức vệ sinh công cộng nữa [7].

Các dân tộc khác cũng ở trong tình trạng tương tự, nghĩa là họ duy trì tất cả những điều tổ tông dạy phải làm, tức là “tông giáo”, cho đó là quốc hồn quốc túy, là dân tộc tính, quan trọng như nhau cả, mà thường không phân biệt đâu là cái chính đâu là cái tùy, và đâu là cái thần thiêng đâu là cái hoàn toàn thế tục. Ai không chấp nhận tất cả như thế thì cho là phản dân tộc, phản tôn giáo. Có lẽ chính vì tất cả còn lẫn lộn như thế, cho nên nhiều khi những tư tưởng cao siêu vẫn đi đôi với những hành động pháp thuật hay ma thuật, phù chú. Thành ra có những nhà nghiên cứu cho rằng tôn giáo thanh cao mấy cũng chỉ là một biến thể của pháp thuật !

Khi tiếp xúc với dân tộc khác, người ta dần dần tương đối hóa một ít tập tục của mình. Nhưng người ta đi được một bước tiến vô cùng quan trọng là khi nảy ra ý định tục hóa vũ trụ. Nếu vũ trụ hữu hình không phải là phạm vi thần thiêng nữa, thì những cái thần thiêng phải biệt lập ra trong phạm vi khác. Từ đó người ta có thể đụng chạm vào các lực lượng thiên nhiên mà không sợ trời đánh thánh vật nữa. Trong văn minh Âu châu có hai yếu tố giao thoa trong việc tục hóa thiên nhiên, đó là quan niệm tôn giáo của người Do thái chủ trương có một Thiên Chúa siêu việt, và quan niệm thế tục duy lý của người Hi-lạp.

Trong Sách *Sáng thế* của đạo Do thái, chương 1, thấy kể truyện Thiên Chúa sáng tạo ra trời đất. Thoạt nhìn thì có vẻ lạ lùng, huyền bí, khó hiểu, nhưng nhìn kỹ thì thấy nói lên rõ ràng là tất cả những vật mà các dân tộc khác có thói quen coi là thần thiêng, như : trời, đất, mặt trời, mặt trăng, các tinh tú, các cây cối, các loài vật trên trời, dưới nước cũng như trên cạn, thậm chí con người ta, kể cả những người tai to mặt lớn, vốn tự coi mình như là thiên tử, được thờ phụng như thần thánh, thì đạo Do thái cho rằng tất cả cũng chỉ là vật thụ tạo mà thôi, chứ

không phải là thần thánh gì cả. Vì thế chỉ có vị nào khác hẳn, đã làm được cho có tất cả, mới được chấp nhận là “thiên địa chân chủ”, gọi tắt là „Thiên Chúa“ mà thôi.

Quan niệm duy lý của người Hi Lạp bắt đầu phát triển vào khoảng thế kỷ XII trước CN, vào lúc triều đại nhà vua Mykênai (Mycènes) sụp đổ. Trước đó thì vương quyền và thần quyền đều nằm trong tay một nhà vua, cung đình thâm nghiêm của nhà vua là trung tâm đời sống xã hội và tôn giáo. Sau khi triều vua sụp đổ, không còn là thần thiêng nữa, thì người ta lập nên chế độ thị xã (polis) : từ nay chính trị là hoạt động hoàn toàn công cộng mà trung tâm là ở nơi công trường (agora), nơi mà các công dân tự do thảo luận, lấy lời nói (logos) và lấy cái lý (cũng một từ ngữ logos) mà thuyết phục nhau [8], chứ không còn lấy võ lực để uy hiếp hay là lấy uy quyền thần linh mà bắt người ta tùng phục. Đưa cái lý vào để suy xét về đời sống con người một cách có qui củ, có mạch lạc, đó là cái công không nhỏ của người Hi Lạp thời Thượng cổ.

Phạm vi thứ nhất được nghiên cứu như thế là phạm vi chính trị, và kết quả của nó là quan niệm dân chủ, bình đẳng. Sau đó thì người Hi Lạp suy tư trên bình diện lý trí, tìm hiểu thiên nhiên, tìm hiểu chỗ đứng của con người trong vũ trụ, tìm hiểu lập trường đạo đức giữa người ta với nhau (luân lý), mà không căn cứ vào lời thần dạy thánh phán như người xưa quen làm. Cái di sản đó, người Âu châu đã tiếp thu và thể hiện ra trong triết học và khoa học của họ.

Riêng đạo Ki-tô thì đã xuất thân từ đạo Do-thái, với chủ trương tục hóa vũ trụ, và đã được truyền bá trong khu vực văn hóa duy lý của Hi-lạp, cho nên đã thừa tự được hai đặc điểm đó. Tuy vậy, khi tôn giáo cổ truyền trong đế quốc Rô-ma dần dần tan rã vì hai yếu tố trên đây, thì nhà nước lại thấy cần phải có một tôn(g) giáo chung, để dễ thống nhất quốc gia, và đó là một trong nhiều lý do làm cho các hoàng đế, từ Constantinô (306-337) trở đi, đã nâng đạo Ki-tô lên làm quốc giáo. Đạo và đời lại giao thoa với nhau, với khuynh hướng là trở về cái khối “tông giáo” như xưa. Kết quả là : nhà cầm quyền chính trị thì cho rằng mình cũng có quyền về mặt tôn giáo như trước đó mấy thế kỷ – cũng như trong văn hóa Trung quốc vậy – nhưng các nhà hữu trách trong tôn giáo lại không chịu, vì vốn có chủ trương và truyền thống tách rời giáo quyền ra ngoài chính quyền. Từ đó mới có truyện giằng co giữa đôi bên cho đến ngày nay. Tuy nhiên về mặt tư tưởng thì ở Âu châu cho đến hết thời Trung cổ, tôn giáo có phần thắng thế. Lý do là vì sau khi các dân tộc kém văn minh tràn vào phá vỡ đế quốc Rô-ma thì các vương tướng của họ thiếu học, cho nên phải nhờ các nhà lãnh đạo tôn giáo dạy cho biết đọc biết viết, biết tiếng la-tinh và văn hóa Hi-lạp và Rô-ma [9].

Phải chờ cho đến thời Phục Hưng, sau khi người Âu châu đã học được kha khá văn hóa cổ điển, đồng thời chán nản về nạn chiến tranh tôn giáo kéo dài [10], thì phong trào tục hóa đời sống, đã manh nha trước đó mấy thế kỷ, mới lại được gây dựng lại. Bắt đầu thì vẫn là về chính trị : Hugo Grotius (1583-1645), người Hòa lan, chủ trương rằng về vấn đề nhân quyền trong chính trị thì phải làm “*etsi Deus non daretur*”, nghĩa là trong thực hành thì làm “*như thể không có Thiên Chúa*”, và trong lý thuyết thì “*cho dù không có Thiên Chúa*” cũng cứ theo lý mà giải quyết các vấn đề. Các khoa học khác, như : vật lý học, thiên văn, hóa học, sinh vật học, tâm lý học, xã hội học, đạo đức học, v.v. đều theo những phương pháp duy lý, không dùng gì đến những nguyên tắc tôn giáo nữa. Vì thế nhà lãnh đạo tôn giáo không tất nhiên là có sở trường để phán đoán về các phạm vi thế tục, và ngược lại, nhà lãnh đạo chính trị cũng không tất nhiên là có sở trường về tôn giáo.

Cuộc cạnh tranh giữa tôn giáo và chính trị chỉ có thể nảy nở trong những nền văn minh như ở Âu châu, vốn đã có nguyên tắc đòi phải tách rời đôi bên. Còn ở những địa phương không có truyền thống như thế, thì tôn giáo là một trong những yếu tố gồm trong khối “tông giáo”, chính quyền và giáo quyền lẫn lộn với nhau, lợi dụng nhau [11]. Khi hai bên “vào hùa” với nhau như thế, thì có lợi cho đôi bên : nhà cầm quyền chính trị tự coi mình như là thần thiêng, bất khả xâm phạm, mà giáo quyền cũng lợi dụng được uy quyền và uy lực của nhà nước để mạnh tay truyền đạo. Tôn giáo đã mất hẳn tính cách phổ biến, làm của chung cho cả nhân loại, để thành một yếu tố của một nền văn hóa riêng, thành ra quốc giáo. Trong trường hợp đó, như ngày nay

ta vẫn còn thấy ở nhiều nơi, không riêng gì ở miền Trung-Đông, những người khác tôn giáo, thường bị kỳ thị, dần dần bị mất đi nhiều quyền lợi và đôi khi mất cả quyền sống nữa. Mà thực vậy, hiện nay ở một vài nơi những người không muốn cải giáo để theo Hồi giáo thì đang bị dồn ép vào cái thế phải lựa chọn : một là cuốn tay nải ra đi không về, hai là đi vào quan tài cho mất hẳn tông tích !

Ngay ở Âu châu trước đây, mặc dầu có nguyên tắc phân biệt hai phạm vi, nhưng có nhiều nhà lãnh đạo cả đôi bên vẫn ngấm ngấm muốn trở về vết cũ. Tuy có cái vẻ bề ngoài là cộng tác, nhưng nói cho đúng ra thì trong trường hợp đó giáo quyền thường chỉ có uy tín đối với những ai có lòng tin mà thôi, còn chính quyền thì vì có uy lực trong tay, cho nên có thể làm áp lực, bắt người ta phải tin thế này hay là phải làm thế kia – ví dụ như cấm đạo – hay là bắt giáo quyền phải nhượng bộ về luân lý, phải làm lễ phong đế, phong vương, để biện chính cho địa vị nhà vua. Ngay cả trong trường hợp mà giáo quyền có thể truy nã những người bất đồng ý kiến, thì cũng chỉ làm được khi có bàn tay sắt của vua chúa vì lợi ích riêng (như thống nhất quốc gia) mà muốn tiếp tay mà thôi [12].

Cách Mệnh Pháp đã đánh đổ cái vương quyền gọi là “do Thiên Chúa ấn định” (de droit divin) và đồng thời cũng đánh đổ cả cái thần quyền đã “trót dại” biện chính cho vương quyền như thế. Thế nhưng sau đó, khi Napoléon dành giật được chính quyền thì đem quân cách mệnh ra nước ngoài, lật đổ các đế vương, để rồi chính mình lại tự xưng là hoàng đế, và dùng áp lực đòi giáo quyền phải thừa nhận và cử hành lễ phong đế cho mình !

Karl Marx đã ra đời sau Cách Mệnh Pháp, ông phê bình gắt gao cái chế độ chính trị ấu trĩ, tự mình không đứng vững, nên cứ phải lấy tôn giáo làm tay vịn mới đứng được [13].

Nếu xưa kia tất cả những điều người ta dạy bảo nhau về vũ trụ, cũng như về vận mệnh con người, từ thế hệ này sang thế hệ khác – mà tôi đã đề nghị gọi là *tông giáo* – đều làm thành một khối duy nhất, thì từ nay đã chia ra làm hai khối : 1) *Khối thứ nhất* gồm các khoa học đã tự lập, vì đã xác định phạm vi và phương pháp riêng, để biết, để quan sát, đo lường và để nhận định về *vũ trụ bây giờ*. Đó là phạm vi có tính cách công cộng, của *lý trí*, dùng minh chứng và thí nghiệm, để kiểm chứng, nhằm đi tới những chân lý khách quan về sự vật. Lại gồm cả những tập tục, những cách cư xử giữa người ta với nhau trong xã hội. 2) Còn *khối thứ hai* thì gồm những thành phần không đo lường được, như những niềm tin tưởng, nhất là những dự định và ước vọng về *vận mệnh tương lai* của con người (sống làm gì ? đi đến đâu ? có thể làm gì ? có hi vọng gì ?). Khối này làm thành một phạm vi khác, trong đó có tôn giáo. Đây là phạm vi ý nghĩa của cuộc đời, căn cứ vào quyền tự do lựa chọn của con người : tự do theo hay là không theo tôn giáo nào. Và khi muốn thuyết phục người khác thì người ta chỉ có cách là đem nếp sống của mình ra để chứng thực mà thôi – và đây là không phải là việc dễ – chứ không lấy võ lực mà bắt ép. Thiết tưởng bao lâu người ta còn lẫn lộn, chưa chịu phân biệt hai phạm vi như thế, thì nhân loại còn phải chịu nhiều tai ương.

Vì thế có thể nói là không thể định nghĩa tôn giáo một cách tiên nghiệm được, nhưng phải theo lịch sử mà định nghĩa, phải xem giới hạn của các môn các khoa khác, rồi mới có thể xác định giới hạn của tôn giáo.

Tuy vậy văn hóa của con người ta không đi theo một nhịp như nhau, cho nên vẫn còn có người chưa phân biệt được như thế. Vì thế cái nội dung của các tôn giáo rất phiền tạp, tuy cùng nhằm về vận mệnh con người, nhưng có lúc chỉ hạn hẹp vào thái độ đối với thần linh, cũng có lúc bao trùm khá nhiều yếu tố văn hóa, chính trị, v.v., cho nên khi tìm hiểu hay là phê bình tôn giáo, cần phải thận trọng, vì rất dễ hiểu sai tín ngưỡng của người khác. Không thể căn cứ vào một vài sự kiện hạn hẹp về văn hóa, rồi lên tiếng rằng tôn giáo này là hữu ích, là hoàn hảo hoàn thiện, còn tôn giáo kia thì không có tính cách khoa học, lại hoàn toàn vô nhân vô đạo, như đôi khi có người chủ trương.

Đàng khác tôn giáo không phải là chỉ là ý thức trừu tượng về ý nghĩa cuộc đời, hay là những mơ ước suông về vận mệnh con người, chính vì thế mà tôn giáo phải được thực hiện dưới một hình thức cụ thể trong đời sống. Thành ra ý thức tôn giáo cũng phải định hình cho nếp sống, cho văn hóa, mà người ta lại dạy cho nhau. Nói thế khác : “tôn giáo” cũng lại có khuynh hướng chuyển thành “tông giáo”.

### **23 – Từ “tôn giáo” đến “tông giáo”**

Riêng về tôn giáo , tuy rằng cần phải phân biệt phần ý nghĩa bên trong với phần cử chỉ, lễ nghi, hành động bên ngoài. Nhưng, như vừa nói trước đây, tôn giáo nếu không hiện hình dưới những yếu tố văn hóa bên ngoài, thì cũng chỉ là một cái gì trừu tượng vô hình, có cũng như không. Cho nên không bao giờ ta có thể gặp một tôn giáo gọi là thuần túy, không có liên quan gì với thế sự, với văn hóa.

Dẫu sao cũng cần phải phân biệt cho rõ. Vì lẽ rằng một ý hướng bên trong có thể được biểu lộ ra bằng nhiều cử chỉ bên ngoài, đồng thời các cử chỉ lễ nghi khách quan bên ngoài, lại có thể có những ý nghĩa rất khác nhau. Ví dụ lòng tôn kính có thể hiện hình, dưới thái độ khúm núm, cúi đầu, phủ phục, nói năng nhẹ nhàng, dâng các lễ vật, như hoa quả trà rượu, v.v.; ngược lại, những thái độ bên ngoài như thế có thể nói lên lòng chân thành, nhưng cũng có thể che dấu cái thâm ý phỉnh phờ, nịnh bợ, gian dối, hay là có mục đích chế nhạo, như trong phường chèo. Như khi quân lính Rô-ma cho đức Giê-su mặc áo long bào, tay cầm phủ việt bằng sậy, đầu đội triều thiên ghép bằng ngành gai, rồi quì gối xuống mà nói “Tâu vua Giu-đêu”.

Người Việt Nam ta dùng một từ ngữ “thờ” – và những từ ngữ tương tự : thờ kính, thờ phụng (phượng), thờ lạy [14], tôn thờ – để nói lên thái độ đối với những vị bề trên khác nhau, như : thờ vua, thờ cha mẹ, thờ thầy, thờ chồng, thờ Phật, thờ thần, thờ tiên, thờ Thiên Chúa, thờ cá voi, thờ ngũ hổ, v.v. Dĩ nhiên là những thái độ đó, ai cũng biết là rất khác nhau tùy theo đối tượng.

Các lễ nghi bên ngoài, các hình ảnh tượng trưng, cũng như các thái độ tu thân, xử thế, trên lập trường nhân đạo chung, phần nhiều đều có thể được các tôn giáo vay mượn lẫn nhau, trong một giới hạn nhất định [15]. Bên ngoài thì có thể rất giống nhau, nhưng về ý nghĩa thì khác nhau nhiều lắm. Cho nên không thể căn cứ vào đó mà vội kết luận rằng đạo nào cũng thế hay là đạo này từ đạo kia mà ra.

Phân biệt ý hướng bên trong và lễ nghi bên ngoài như thế làm cho ta tương đối hóa những điều quan sát được về tôn giáo, nghĩa là không coi tôn giáo như là nhất định phải đồng nhất với một số tập tục lễ nghi của một văn hóa nào đó. Cho nên tôn giáo có thể có những hình thức khác nhau, có thể đào thải một số tập tục, để thích nghi với những cách xử thế và nghi lễ của văn hóa mới, mà vẫn giữ được cái căn bản, vẫn còn là một tôn giáo. Và khi thích nghi như thế, thì cái hình thức mới cũng có thể làm cho người ta khám phá thêm được những điều mới, làm cho ý hướng tôn giáo thêm rõ hơn hay là ra khác đi.

Nay xin đan cử một ví dụ. Ví dụ này không lấy ra từ những nền văn hóa chưa có phân biệt tôn giáo với chính trị – nghĩa là còn ở trong “tông giáo”. Đó là đạo Giê-su Ki-tô, cũng quen gọi là đạo Thiên Chúa.

Đạo này đã từ đạo Do-thái mà ra, vì cùng dùng Thánh Kinh và khá nhiều lễ nghi như nhau. Nhưng có một số lễ nghi và tập tục đã bị phế bỏ. Cho nên những người đầu tiên theo đường lối của Giê-su Ki-tô, tuy vẫn đinh ninh là mình theo một trong nhiều môn phái trong đạo Do-thái, đã bị giáo quyền Do-thái trục xuất ra khỏi những giáo đường của họ, vào khoảng năm 70 sau CN. Đó là lúc họ bó buộc phải ra ngoài cái “tông giáo” Do-thái, mà làm thành một “tôn giáo” mới. Lại

cũng chính vì trong đế quốc Rô-ma thời đó, đạo Do-thái được nhà nước công nhận và cho hoạt động, cho nên sau khi bị đùổi ra khỏi đạo Do-thái, người theo “tôn giáo” mới này bị coi là theo tà giáo, cho nên bị chính quyền Ro-ma bách hại, phải lẩn lút trong vài thế kỷ.

Thêm vào đó : một đảng thì đạo Thiên Chúa vốn là đạo chủ trương có một Thiên Chúa chung cho cả nhân loại [16] đã được phát triển, có lẽ vì nó thích hợp với những cộng đồng rộng lớn thống nhất, hơn là những tôn giáo của các chi tộc với vô số các ông thần bà thần chỉ có tính cách chi tộc hay là địa phương. Các thần linh trong tôn giáo cổ truyền thì đã bị nhiều nhà văn và triết gia Hi-lạp phê bình, vì thường không có tính cách thanh cao, mà chỉ là phản ảnh của ước vọng hay dục vọng của con người, thậm chí hoàng đế Augustô (thế kỷ I) cũng lại đã tự tôn làm thần linh cho thần dân thờ phụng. Cũng vì thế các hoàng đế mới ra lệnh cấm đạo Thiên Chúa.

Cho đến năm 312 thì hoàng đế Constantinô thừa nhận, và năm 313 ra sắc lệnh cho tự do tôn giáo, và năm 323 thì chính mình tòng giáo. Sau đó hoàng đế Theodosiô I đưa lên làm quốc giáo. Đã đành là việc tòng giáo của hoàng đế là do niềm thâm tín, nhưng một tôn giáo vốn có chủ trương tách rời tôn giáo ra ngoài chính trị, mà nay lại đưa lên làm quốc giáo thì cũng rất có thể có ẩn ý chính trị : tôn giáo Rô-ma cổ truyền không còn dùng được để thống nhất đế quốc thì phải tìm một tôn giáo khác. Từ đó đạo Thiên Chúa dần dần định hình cho nếp sống trong đế quốc. Nhưng cái quyết định này đã có hậu quả lâu dài mà không ai lường trước được.

Có một điều đáng chú ý là hầu hết các tôn giáo lớn đã bắt đầu từ một kinh nghiệm căn bản, dần dần đã hội nhập văn hóa, nghĩa là đem thực hiện trong các yếu tố văn hóa qua nhiều thế kỷ. Thế rồi các yếu tố đó được coi như là thành phần cốt yếu của tôn giáo, không thể bỏ đi được : như thế là “tôn giáo” lại đã phát triển thành “tông giáo”. Người làm chính trị thường căn cứ vào đó để lôi cuốn quần chúng, lấy chiêu bài là tranh đấu bảo vệ tôn(g) giáo và văn hóa dân tộc. Ví dụ ngày nay có nhiều người tự xưng là tín đồ tôn giáo nọ tôn giáo kia, nhưng họ có kinh nghiệm tôn giáo hay không, có hiểu đạo lý ít hay nhiều, thì khó mà biết được; chỉ biết rằng họ bám chặt vào mấy tập quán, mấy nghi lễ, mấy điều thực hành, như tham gia một số lễ hội, kiêng ăn thịt lợn, thỉnh thoảng ăn chay, hay là bắt phụ nữ phải lấy khăn trùm kín cả tóc, hoặc trùm kín cả đầu hay là cả thân thể, và nhất định coi đó là tôn(g) giáo đích thực !

Hiện nay riêng trong đạo Thiên Chúa ở Âu châu người ta nhận thấy rằng các môn phái, nhất là Công giáo, từ hai nghìn năm đã phát triển ra một hệ thống đồ sộ, gồm rất nhiều lý thuyết, nghi lễ, phong tục tập quán, lề luật, rất là phong phú, nhưng cũng rất phức tạp, rất nặng nề, ít người quán xuyên nổi. Có nhiều yếu tố đã được tục hóa, mà làm thành di sản văn hóa chung. Còn những yếu tố khác, tuy rất thích hợp với các thế hệ trước đây, nhưng ngày nay rất khó hiểu đối với lớp thanh niên đang đi vào văn hóa mới, cho nên trở nên như là vô nghĩa. Cho nên đang có phong trào đi ngược qua các sản phẩm “tông giáo” đó, để tìm về nguồn “tôn giáo”, là kinh nghiệm căn bản trình bày trong sách Phúc âm : vì lẽ rằng nước ở nguồn thì trong hơn, và có uống nước ở trên nguồn, thì mới tìm lại được sinh khí của đạo giáo.

Thiết tưởng các tôn giáo lớn khác trên thế giới cũng ở trong tình trạng tương tự.

Như đã giả thiết trước đây, tuy rằng tôn giáo nào cũng phải thành hình cụ thể trong văn hóa, nhưng chính vì một tôn giáo có thể thành hình trong nhiều văn hóa khác nhau, nhiều tôn giáo có thể thành hình trong cùng một văn hóa, cho nên cái nội dung của tôn giáo có thể lại dần dần được khai quang, tách rời ra khỏi một số tập tục, một số kiến thức bình dân hay tri thức khoa học và quan niệm triết học, làm cho ta hiểu rõ hơn, và xác định về mỗi tôn giáo : đâu là kinh nghiệm căn bản được lấy làm điểm tựa, đâu là vấn đề nhân sinh mà người ta muốn giải quyết, và đâu là giải pháp mà tôn giáo đề nghị ra. Và đây là “tôn giáo” tại nguồn, đã được nhập cuộc, triển khai trong văn hóa gốc, và được truyền bá trong khuôn khổ chung của “tông giáo”.



Có nhận ra như thế, mới có thể lại tiếp tục hội nhập văn hóa, và sống đạo trong văn hóa mới. Dù sao khi nhìn vào các yếu tố cụ thể của tôn giáo, ta thấy có nhiều yếu tố chung cho nhiều tôn giáo, vì người ta vay mượn nhau khá nhiều. Nhưng ngay trong trường hợp đó thì, như đã nói trên đây, các yếu tố đó có ý nghĩa khác nhau tùy theo ý hướng chung của mỗi tôn giáo. Cho nên cái căn bản là ở tại ý hướng tổng quát điều động tâm linh từ bên trong, chứ không phải chỉ là những cái quan sát được ở bên ngoài vậy.

Vấn đề xác định nội dung của tôn giáo như thế vẫn chưa giải quyết xong, vì cái nội dung đó không phải là sự kiện khách quan, mà người ta thấy ở thị trường tôn giáo, rồi cá nhân tùy sở thích, tùy tư lợi, mà chọn cái này, bỏ cái kia.

## **24 - Kết luận tạm thời**

Để tạm kết luận và để đặt vấn đề cho rõ ràng, thiết tưởng cần phải phân biệt ra mấy điểm sau đây :

1) *quan điểm tâm lý học* : khoa tâm lý học thường ra sức tìm cho ra những nguyên nhân, những lý do và những mục đích có thể thúc đẩy cho con người ta tin và hoạt động. Nhưng như thế vừa là dư thừa, lại vừa là chưa đủ. Vì lẽ rằng con người là chủ thể tự lập, tự quyết, đóng vai chủ động, cho nên thường chỉ tựa vào một vài yếu tố để quyết định lấy cho mình, chứ không tất nhiên phải quay như một cái chong chóng, khi bất cứ có yếu tố nào đó tác động đến mình.

2) *quan điểm xã hội học* : niềm tin có tính cách xã hội, và người ta tin là vì có người khác dẫn đường, tin là tin cần vào người khác và cùng tin với người khác. Giáo lý hay đạo pháp không phải là những cuốn sách từ trời ban xuống hay những cái bia đá, hết đời này sang đời khác vẫn « tro tro như đá vững như đồng ». Tôn giáo chỉ tồn tại nếu nó vào được trong lòng người giáo đồ, thành ra sinh khí định hình cho nếp sống. Như thế phải có người dạy và có người được dạy bảo biết “ăn lời” lấy cho mình. Nếu không như thế thì tôn giáo sẽ chết đi, và những bia đá, những điện thờ tráng lệ, những đống sách vở uyên thâm cũng chỉ còn là những bất động sản, những đồ vật để cho người bảo cổ, hoài cổ, hiếu cổ, tích trữ và tùy tiện giải thích, như người ngoại cuộc.

3) *tính cách tượng trưng* : ta tạm dùng hai chữ “tượng trưng” để nói lên rằng hoạt động của con người ta – nhất là trong hoạt động tôn giáo – không phải là động tác vật lý học, tùy thuộc một cách tất nhiên vào những nguyên nhân (causes) vật lý học hay hóa học ngoại lai thúc đẩy, nhưng là tùy vào cái *ý nghĩa* (sens, signification) của các yếu tố vật chất đó đối với sở ước sở vọng của con người. Các ý nghĩa đó được diễn tả ra trong ngôn từ, trong lời nói và trong các cử chỉ hay lễ nghi, và được truyền lại cho hậu thế.

4) Sau cùng thì các tôn giáo cùng nhằm về *vận mệnh con người*, nhưng nội dung khác nhau, vì quan niệm về vận mệnh con người – thuộc về phạm vi *tự do* – cũng thường khác nhau. Mỗi tôn giáo trình bày và đôi khi có đối thoại về vận mệnh con người, và về những những chương trình cụ thể.

Lambert, 24/06/2014

---

[1] Xem :Trần Văn Toàn, « Mấy nguyên tắc về khoa học con người », *Nghiên cứu con người* (Hà-Nội), 1 (10) 2004, tr 59-71 ; và “Liên quan nhân quả trong khoa học”, *Nghiên cứu con người*, 2 (17) 2005, tr 53-61.

[2] *Die nichtchristlichen Religionen*, Das Fischer-Lexikon, Frankfurt am Main, 1957, tr 12.

[3] *Glaube und Ritus der Hochreligionen*, Bücher des Wissens 346, Frankfurt/Main, 1960, tr 156.

[4] Có những tôn giáo thời Thượng cổ, nay không còn tín đồ, nhưng các học giả lại hiểu biết rất nhiều. Ngày nay người ta có thể tìm hiểu như người ngoại cuộc những tôn giáo mà mình không tin theo. Hiểu có thật đúng hay không, đó lại là vấn đề khác.

[5] Có nhiều sách được gọi là „kinh“, và bắt đầu bằng hai chữ “*Phật thuyết ...*”.

[6] Xem : Trần Văn Toàn, “Vấn đề phiên dịch các khái niệm đạo Thiên Chúa sang tiếng Việt”, Sách tập thể *Trong dòng sông Sự Sống*, Ủy ban Đoàn kết Công giáo TP Hồ Chí Minh, 1996, tr 72-100.

[7] Xem *Sách Lê-vi*, nhất là các chương 11 – 15. Về Hồi giáo, thì tôi còn nhớ là sau khi nhà lãnh đạo giáo phái Si-ít, là Khomeyni, lên nắm chính quyền ở nước Iran năm 1979, thì đã cho xuất bản một cuốn sách chỉ đạo bìa màu xanh, liệt kê tỉ mỉ những việc tín hữu phải làm, trong đời sống tôn giáo, xã hội, kể cả những tác động trong phòng vệ sinh nữa.

[8] Trong môi trường như thế mới nảy ra khoa tu từ, hùng biện (rhétorique). Người Pháp gọi *quốc hội* là chỗ thảo luận, *parlement*, cũng là vì thế. Xem : Jean-Pierre Vernant, *Les origines de la pensée grecque* (1962), Presses universitaires de France, 1983, 135 tr.

[9] Nước ta khi mới độc lập thì vua chúa cũng nhờ các nhà sư có học dạy bảo như thế.

[10] Thực ra là chiến tranh giữa các chính quyền tựa vào các giáo phái khác nhau.

[11] Ngày nay ở Đông-Nam Á châu lại đang có những phong trào chính trị, muốn lợi dụng lấy một tôn giáo chung cho nhân loại làm *quốc giáo*, làm quốc hồn quốc túy, riêng cho dân tộc, để thu hút quần chúng.

[12] Gọi là “bàn tay thế tục” (bras séculier).

[13] Trong bài “Về vấn đề Do thái” (1843), Karl Marx phê bình quan niệm nhà nước Thiên Chúa giáo ở Âu châu, nhưng những lời phê bình đó cũng còn giá trị đối với tất cả các quan niệm chính trị xưa nay lấy tôn giáo làm bàn đạp, làm quốc giáo.

[14] Tôi đặc biệt chú ý đến chữ « *lậy* », viết theo chữ Nôm thật là đầy ý nghĩa, vì nó gồm có chữ « *lễ* » và chữ « *bái* » là *lậy* : *lậy* cho hợp lễ.

[15] Ví dụ : ta không bao giờ thấy có hình ảnh thập tự giá trong các đề thờ của đạo Do-thái hay của Hồi giáo, không bao giờ thấy tượng Phật trong những nơi thờ một vị Thiên Chúa duy nhất.

[16] Người ta gọi là đạo nhất thần qui về đạo đức (monothéisme éthique).

## VỀ MỤC LỤC

### TIN (PISTEUÔ) TRONG TIN MỪNG GIO-AN

Bài viết tiếng Pháp và tiếng Anh:

[Croire \(pisteuô\) dans l'Évangile de Jean.](#)

[Believe \(pisteuô\) in the Gospel of John.](#)

Tác giả: [Giu-se LÊ MINH THÔNG, O.P.](#)

Blog: <http://leminhthongtinmunggioan.blogspot.com/>

Email: josleminhthong@gmail.com

Ngày 19 tháng 05 năm 2014.

Nội dung

Dẫn nhập

I. Số lần và nơi xuất hiện động từ “pisteuô” (tin)

II. Cách dùng động từ “pisteuô” (tin)

1. Tin vào ai?

a) Tin vào Đức Giê-su

b) Tin vào Thiên Chúa

c) Tin vào Mô-sê

d) Tin vào dân chúng

2. Tin vào điều gì?

a) Chính nội dung niềm tin của các môn đệ

b) Động từ “tin” dùng theo nghĩa khác

3. “Tin” (pisteuô) không có bổ túc từ

III. Ba cấp độ tin vào Đức Giê-su

1. Không thực sự tin vào Đức Giê-su (8,31)

2. Chưa thực sự tin vào Đức Giê-su (2,23-25)

3. Thực sự tin vào Đức Giê-su

a) Tin đích thực nhờ dấu lạ

b) Tin đích thực nhờ lời Đức Giê-su

## c) Tin đích thực nhờ lời các môn đệ

### Kết luận



### Dẫn nhập

Bài viết này đã đăng ngày 25/11/2012 trên blog: Từ ngữ Gio-an (<http://tungubontinmung.blogspot.com/>) với tựa đề “TIN, đt., pisteuô, trong Tin Mừng Gio-an.” Nhân dịp viết bài này bằng tiếng Pháp, bài viết đã được cập nhật, chỉnh sửa và đăng trên Blog Tin Mừng Gio-an với tựa đề tiếng Việt: “[Tin \(pisteuô\) trong Tin Mừng Gio-an](#)”, tiếng Pháp: “[Croire \(pisteuô\) dans l'Évangile de Jean](#)” và tiếng Anh: “[Believe \(pisteuô\) in the Gospel of John](#).”

Trong Tin Mừng Gio-an, động từ Hy Lạp “pisteuô” (tin) xuất hiện 99 lần. Tính từ “pistos” (người tin) và tính từ “apistos” (người không tin) chỉ xuất hiện 1 lần ở Ga 20,27. Đức Giê-su Phục Sinh nói với Tô-ma ở 20,27: “Đưa ngón tay của anh vào đây và hãy nhìn xem tay Thầy. Đưa tay của anh ra và đặt vào cạnh sườn Thầy. Đừng trở thành người không tin (apistos), nhưng là người tin (pistos).”

Với 99 lần trong Tin Mừng Gio-an, động từ “pisteuô (tin)” là đề tài thần học quan trọng. Tác giả nhấn mạnh “hành động tin” bằng cách chỉ dùng động từ “pisteuô” (tin), danh từ “pistis” (lòng tin, đức tin) không xuất hiện trong Tin Mừng này. Để tìm hiểu động từ “pisteuô (tin)” trong Tin Mừng Gio-an, bài viết sẽ trình bày ba mục chính: (I) Số lần và nơi xuất hiện động từ “pisteuô” (tin); (II) Cách dùng động từ “pisteuô” (tin); (III) Ba cấp độ tin vào Đức Giê-su.

### I. Số lần và nơi xuất hiện động từ “pisteuô” (tin)

99 lần động từ “pisteuô” (tin) trong Tin Mừng Gio-an được phân bổ như thế nào? Nếu chia Tin Mừng này làm hai phần lớn: (1) Sách Các dấu lạ (Ga 1–12) và (2) Sách Giờ tôn vinh (Ga 13–21) thì có hơn 3/4 lần động từ “tin” xuất hiện trong Sách các dấu lạ. Cụ thể là trong ch. 1–12, động từ “pisteuô” (tin) xuất hiện 77 lần; trong ch. 13–21, 22 lần. Như thế, đề tài “tin” được triển khai chủ yếu trong phần đầu của sách Tin Mừng (ch. 1–12). Số lần của

động từ “tin” tăng dần trong 12 chương đầu, và giảm dần trong phần thứ hai (ch. 13–21) sách Tin Mừng.

Nếu chia sách Tin Mừng Gio-an thành nhiều phần với độ dài khoảng 4 chương, sẽ thấy đỉnh cao số lần động từ “tin” xuất hiện trong ch. 9–12. Cụ thể như sau: Ch 1–4: 22 lần; ch. 5–8: 26 lần; ch. 9–12: 29 lần; ch. 13–17: 15 lần; ch. 18–21: 7 lần. Các chương có động từ “tin” nhiều nhất, theo thứ tự giảm dần là ch. 12 (10 lần); ch. 6 (9 lần); ch. 11 (9 lần); ch. 3 (8 lần); ch. 4 (7 lần); ch. 5 (7 lần); ch. 14 (7 lần); ch. 10 (6 lần); ch. 20 (6 lần). Có hai chương (ch. 13 và 19) động từ “tin” chỉ xuất hiện 1 lần (13,19; 19,35), và ba chương (ch. 15; 18 và 21) không có động từ “tin”. Xem liệt kê chi tiết 99 lần động từ “tin” trong bài viết: [“pisteuô \(tin\), pistos \(người tin\) và apistos \(người không tin\) trong Tin Mừng Gio-an.”](#)

Trong lời tựa sách Tin Mừng (1,1-18) đề tài “tin” (pisteuô) đã được nói đến cách long trọng và rõ ràng. Gio-an Tẩy Giả làm chứng về Đức Giê-su là “để mọi người tin nhờ ông ấy” (1,7). (Các trích dẫn lấy trong [Bản văn Gio-an, TIN MỪNG và BA THU, Hy Lạp – Việt](#)). Người tin được định nghĩa ở 1,12-13: “12 Những ai đã đón nhận Người [Logos], Người cho họ quyền trở nên con Thiên Chúa. Họ là những người tin vào danh của Người. 13 Họ được sinh ra không bởi khí huyết, cũng không bởi ước muốn của người phàm, cũng không bởi ước muốn của đàn ông, nhưng bởi Thiên Chúa.” Trong phần sứ vụ công khai của Đức Giê-su (ch. 1–12), người thuật chuyện triển khai đề tài “tin” qua giáo huấn và mặc khải của Đức Giê-su cho đám đông, cho các môn đệ và cho những kẻ chống đối Người (những người Pha-ri-sêu và những người Do Thái).

Trong phần diễn từ từ biệt (ch. 13–17), Đức Giê-su nói về lòng tin của các môn đệ, chẳng hạn Người khích lệ các môn đệ ở 14,1: “Lòng anh em đừng xao xuyến, hãy tin vào Thiên Chúa và hãy tin vào Thầy.” Đến cuối sách Tin Mừng, đề tài “tin” được nói đến trong kết luận thứ nhất (20,30-31) như là mục đích của sách Tin Mừng. Người thuật chuyện viết ở 20,30-31: “30 Đức Giê-su đã làm nhiều dấu lạ khác trước mặt các môn đệ [của Người]; chúng không được ghi chép trong sách này. 31 Còn những điều đã được ghi chép là để anh em [độc giả] tin rằng: Đức Giê-su là Đấng Ki-tô, Con Thiên Chúa; và nhờ tin, anh em có sự sống trong danh của Người.” Như thế, đề tài “tin” xuyên suốt sách Tin Mừng và mục đích những gì được viết ra là “để anh em [độc giả] tin” và “nhờ tin anh em có sự sống” (20,31).

## II. Cách dùng động từ “pisteuô” (tin)

Cách dùng 99 lần động từ “tin” chia làm ba loại chính: (1) Tin vào ai? (2) Tin vào điều gì? (3) “Tin” (không có bổ túc từ).

### 1. Tin vào ai?

Về đối tượng của hành động “tin”, Tin Mừng Gio-an nói đến (a) Tin vào Đức Giê-su; (b) Tin vào Thiên Chúa; (c) Tin vào Mô-sê; và (d) Tin vào dân chúng.

#### a) Tin vào Đức Giê-su

Phần lớn số lần động từ “tin” trong Tin Mừng Gio-an nói về việc “tin” hay “không tin” vào Đức Giê-su. Trong tiếng Hy Lạp, có hai cách diễn tả ý tưởng “tin vào ai”: (1) Động từ “pisteuô” (tin) + giới từ “eis” (vào) + đại từ hay danh từ ở đối cách (accusative). (2) Động từ “pisteuô” (tin) + đại từ hay danh từ ở tặng cách (dative).

(1) Bốn cách dùng: “pisteuô + eis”:

(a) Cách trình bày thứ nhất khẳng định hay phủ định hành động “tin vào Đức Giê-su.” Khẳng định “tin vào Đức Giê-su”, xuất hiện 20 lần ở 2,11; 3,15.16; 3,18a.36; 4,39; 6,29.35.40; 7,31.48; 8,30; 9,36; 10,42; 11,45.48; 12,11.42; 14,1a; 17,20 và phủ định “không tin vào Đức Giê-su”, 4 lần ở 7,5; 12,37.44; 16,9.

(b) Cách thứ hai nói gián tiếp về tin vào Đức Giê-su, xuất hiện 2 lần: “Tin vào Con Người” (9,35); “tin vào ánh sáng” (12,36).

(c) Trong cách thứ ba, động từ “tin” được chia ở “lối động tính từ (participle) + giới từ “eis” (vào)”, có nghĩa là “người tin vào Đức Giê-su”, xuất hiện 7 lần (7,38.39; 11,25.26a; 12,44.46; 14,12).

(d) Cách thứ tư dùng kiểu nói: “Tin vào danh Đức Giê-su”, hay “tin vào danh Con Một Thiên Chúa”, xuất hiện 3 lần ở 1,12; 2,23; 3,18c.

Tóm lại, kiểu diễn tả: “Tin vào (pisteuô + eis) Đức Giê-su” được dùng 33 lần; và “tin vào (pisteuô + eis) danh Đức Giê-su”: 3 lần.

(2) Cách dùng “động từ pisteuô + đại từ hay danh từ ở tặng cách (dative)” xuất hiện ít hơn “pisteuô + eis”. Kiểu nói khẳng định: “Tin vào Đức Giê-su” (pisteuô + tặng cách) xuất hiện 4 lần ở 4,21; 5,46b; 6,30; 8,31 và phủ định: “Không tin vào Đức Giê-su” (pisteuô + tặng cách): 6 lần ở 5,38; 8,45; 8,45.46; 10,37.38a. Như thế, cách dùng “pisteuô + tặng cách”, xuất hiện 10 lần trong kiểu nói khẳng định và phủ định.

Với hai cách dùng “pisteuô + eis” và “pisteuô + tặng cách”, động từ “tin” (pisteuô) được sử dụng tất cả 46 lần để trình bày đề tài “tin hay không tin” vào Đức Giê-su.

## **b) Tin vào Thiên Chúa**

Đề tài “tin vào Thiên Chúa” chỉ xuất hiện 2 lần trong Tin Mừng Gio-an với hai cách dùng: “pisteuô + eis” (14,1b) và “pisteuô + tặng cách” (5,24). Đức Giê-su nói với các môn đệ ở 14,1: “Lòng anh em đừng xao xuyến, hãy tin vào Thiên Chúa và hãy tin vào Thầy.” Ở 5,24a, Đức Giê-su nói với những người Do Thái: “Ai nghe lời Tôi và tin vào Đấng đã sai Tôi, thì có sự sống đời đời.” Trong câu này, Đức Giê-su gọi Thiên Chúa là “Đấng đã sai Tôi”. Qua sự hiện diện và hoạt động của Đức Giê-su trong thế gian, Người thực hiện sứ vụ Thiên Chúa giao phó (x. 6,38).

Tuy đề tài “tin vào Thiên Chúa” chỉ xuất hiện 2 lần nhưng có tầm quan trọng đặc biệt do hai điều này: (1) Đức Giê-su đồng hoá “Đấng đã sai Đức Giê-su” với “Thiên Chúa”. “Tin vào Thiên Chúa” (14,1a) là “tin vào Đấng đã sai Đức Giê-su” (5,24) đến thế gian. (2) Trong cả hai lần (5,24 và 14,1a) niềm tin vào Thiên Chúa nối kết chặt chẽ với “nghe lời Đức Giê-su” (5,24) và “tin vào Đức Giê-su” (14,1b).

Hai điều này quan trọng vì cho phép phân biệt “môn đệ của Đức Giê-su” với “những kẻ chống đối Người” (những người Do Thái và những người Pha-ri-sêu). Họ cũng tin vào Thiên Chúa và cho rằng Thiên Chúa là Cha của họ (8,41b). Thật vậy, khi tranh luận với Đức Giê-su, những người Do Thái nói với Người ở 8,41b: “Chúng tôi không phải là con đẻ hoang. Chúng tôi chỉ có một Cha là Thiên Chúa.” Nhưng thật ra họ không có Thiên Chúa là Cha, vì Đức Giê-su trả lời họ ở 8,42: “Nếu Thiên Chúa là Cha các ông, các ông đã yêu mến Tôi, vì chính Tôi phát xuất và đến từ nơi Thiên Chúa. Tôi không tự mình mà đến, nhưng chính Đấng ấy đã sai Tôi.” Hơn nữa, điều làm cho các môn đệ của Đức Giê-su khác với những kẻ chống đối Người là niềm tin của môn đệ vào Thiên Chúa và vào Đức Giê-su. Theo thần học

Gio-an, “tin vào Thiên Chúa” không thể tách khỏi hành động “tin vào Đức Giê-su” (14,1b) và “nghe lời của Người” (5,24). Những người Do Thái và những người Pha-ri-sêu đã không tin vào Đức Giê-su và không lắng nghe lời Người.

Trong viễn cảnh này, đã có sự phân biệt giữa “môn đệ của Đức Giê-su” và “môn đệ của Mô-sê” trong ch. 9. Người thuật chuyện kể ở 9,28-29: “28 Họ [những người Do Thái và những người Pha-ri-sêu] mắng anh ta [anh mù từ thuở mới sinh] và nói: ‘Anh, anh là môn đệ của Ông ấy [Đức Giê-su]; còn chúng tôi, chúng tôi là môn đệ của Mô-sê. 29 Chúng tôi biết rằng Thiên Chúa đã nói với Mô-sê; nhưng người này [Đức Giê-su], chúng tôi không biết Ông ta từ đâu đến.’” Những người Do Thái và những người Pha-ri-sêu tự hào mình là “môn đệ của Mô-sê” và không biết Đức Giê-su từ đâu đến. Họ khinh bỉ anh mù từ thuở mới sinh được chữa lành bằng cách gán cho anh ta là “môn đệ của Đức Giê-su.”

### **c) Tin vào Mô-sê**

Chỉ có 1 lần Đức Giê-su nói đến “tin vào Mô-sê” (pisteuô + tặng cách) ở 5,46. Đức Giê-su chất vấn những người Do Thái ở 5,46-47: “46 Vì nếu các ông tin Mô-sê, các ông cũng tin Tôi, vì ông ấy đã viết về Tôi. 47 Nhưng nếu chữ viết của ông ấy, các ông không tin, làm sao các ông tin những lời của Tôi?”

### **d) Tin vào dân chúng**

Kiểu nói: “tin vào dân chúng”, với cách dùng “pisteuô + tặng cách” ở thể phủ định, chỉ xuất hiện 1 lần ở 2,24. Người thuật chuyện kể ở 2,23-24: “23 Trong lúc Người [Đức Giê-su] ở Giê-ru-sa-lem vào dịp lễ Vượt Qua, nhiều kẻ đã tin vào danh của Người khi thấy các dấu lạ mà Người đã làm. 24 Nhưng Đức Giê-su, chính Người không tin họ, vì Người biết tất cả.”

Tóm lại, đề tài “tin vào ai” trình bày như sau: “Tin vào Đức Giê-su” (46 lần) “tin vào Thiên Chúa” (2 lần: 14,1b; 5,24); “tin vào Mô-sê” (1 lần: 5,46); “Đức Giê-su không tin dân chúng” (1 lần: 2,24).

## **2. Tin vào điều gì?**

“Tin vào Đức Giê-su” và “tin vào điều gì” là hai nội dung chính của mặc khải trong Tin Mừng Gio-an. Trả lời câu hỏi “Tin vào điều gì?” sẽ nhận ra nội dung niềm tin của các môn đệ theo thần học Tin Mừng Gio-an. Nội dung niềm tin này được trình bày với hai công thức: (1) “pisteuô hoti...” (tin rằng:...) và (2) “pisteuô + tặng cách (dative)”. Có 2 lần (5,47; 12,38) cách dùng “pisteuô + tặng cách” không liên quan đến việc tin vào Đức Giê-su.

### **a) Chính nội dung niềm tin của các môn đệ**

Tin Mừng Gio-an dùng kiểu nói: “pisteuô hoti...” (tin rằng:...) để trình bày nội dung niềm tin. Tin vào Đức Giê-su là đón nhận Người, là bước vào tương quan với Người, để từ đó tin vào lời Người mặc khải về Chúa Cha và về chính Người. Tin Mừng Gio-an dùng 11 lần công thức “pisteuô hoti...” (tin rằng:...) để trình bày năm nội dung niềm tin:

[1] Tin rằng Đức Giê-su là Đức Ki-tô, Con Thiên Chúa, Đấng phải đến thế gian (2 lần: 11,27; 20,31a).

[2] Tin rằng Chúa Cha đã sai Đức Giê-su (3 lần: 11,42; 17,8.21).

[3] Tin rằng Đức Giê-su LÀ, với công thức “Ta Là (egô eimi)” (2 lần: 8,24; 13,19). Xem bài viết: [“Ta Là \(egô eimi\) trong Tin Mừng Gio-an.”](#)

[4] Tin rằng Đức Giê-su từ Thiên Chúa mà đến (2 lần: 16,27.30).

[5] Tin rằng Đức Giê-su ở trong Cha và Cha trong Đức Giê-su (2 lần: 14,10.11).

Ba nội dung niềm tin khác được diễn tả qua công thức “pisteuô + tặng cách (dative)” với đối tượng không phải là con người (cách dùng “pisteuô + tặng cách” với đối tượng là con người đã trình bày ở trên). Cách dùng này xuất hiện 5 lần và trình bày 3 nội dung niềm tin:

[6] Tin vào Kinh Thánh (1 lần ở 2,22).

[7] Tin vào lời Đức Giê-su (3 lần: 2,22; 4,40; 5,47b). Trong đó ở 2,22b và 4,50 dùng danh từ Hy Lạp “logos” (lời); ở 5,47b dùng danh từ “rêma” cũng có nghĩa là “lời”.

[8] Tin vào các việc Đức Giê-su làm (1 lần: 10,38b).

[9] Riêng ở 11,26b, người thuật chuyện dùng kiểu nói: “pisteuô + đối cách (accusative)”, chỉ xuất hiện 1 lần trong Tin Mừng Gio-an, để trình bày nội dung niềm tin quan trọng. Mặc khải của Đức Giê-su ở 11,25-26 là nội dung thứ 9 của đức tin. Trong hoàn cảnh La-da-rô em của Mác-ta và Ma-ri-a đã chết bốn ngày, Đức Giê-su đến Bê-ta-ni-a gặp Mác-ta và nói với chị ở 11,25-26: “25 Chính Thầy là sự sống lại và là sự sống. Ai tin vào Thầy, dù đã chết cũng sẽ được sống, 26 và tất cả những ai sống và tin vào Thầy, muôn đời sẽ không chết. Chị có tin điều đó không?” (11,25-26). Câu Đức Giê-su hỏi Mác-ta: “Chị có tin điều đó không?” dùng động từ “pisteuô + đối cách” diễn tả nội dung mặc khải quan trọng ở 11,25-26a. Đây là câu trả lời của Đức Giê-su liên quan đến “sự chết” và “sự sống” của Đức Giê-su, “sự chết” và “sự sống” của La-da-rô và của người tin qua mọi thời đại. (Xem phân tích đoạn văn Ga 11,1-54 về “chết” và “sống” trong Giu-se LÊ MINH THÔNG, [Phân tích thuật chuyện và cấu trúc áp dụng vào Tin Mừng thứ tư, 2010, tr. 147-185](#)).

Tin Mừng Gio-an trình bày chín nội dung niềm tin cách minh nhiên như trên, trong đó động từ “pisteuô” (tin) được nói đến cách minh nhiên, nhưng thật ra nên hiểu là toàn bộ nội dung mặc khải trong sách Tin Mừng là đối tượng của niềm tin. Chẳng hạn tác giả Tin Mừng mời gọi độc giả tin Đức Giê-su là “Logos” như tác giả tuyên bố ở 1,1: “Lời (Logos) có lúc khởi đầu, và Lời ở với Thiên Chúa, và Lời là Thiên Chúa.” Nội dung sách Tin Mừng mời gọi độc giả tin rằng Thiên Chúa đã yêu mến thế gian đến nỗi ban Con Một của Người là Đức Giê-su (x. 3,16); tin rằng Đức Giê-su là con đường, là sự thật và là sự sống, và không ai đến được với Chúa Cha mà không qua Đức Giê-su (x. 14,6); tin rằng thủ lãnh thế gian đã bị xét xử rồi (x. 16,11), và tin rằng Đức Giê-su đã chiến thắng thế gian (x. 16,33) v.v... Tóm lại, toàn bộ mặc khải trình bày trong sách Tin Mừng Gio-an là nội dung niềm tin của các môn đệ qua mọi thời, ở mọi nơi.

### **b) Động từ “tin” dùng theo nghĩa khác**

Trong Tin Mừng Gio-an, xuất hiện 2 lần cách dùng “pisteuô + tặng cách” (5,47; 12,38) không liên quan đến niềm tin vào Đức Giê-su:

(1) Đức Giê-su kết tội những người Do Thái là họ đã không tin vào những điều Mô-sê viết (5,47a).



(2) Người thuật chuyện trích dẫn ngôn sứ I-sai-a ở Ga 12,38: “Ai đã tin lời rao giảng của chúng con?” để giải thích sự từ chối tin vào Đức Giê-su. Sự vụ của Đức Giê-su được tóm kết qua lời trích dẫn ngôn sứ I-sai-a. Người thuật chuyện kể ở Ga 12,37-38: “37 Người [Đức Giê-su] đã làm quá nhiều dấu lạ trước mặt họ, mà họ không tin vào Người, 38 để lời ngôn sứ I-sai-a được nên trọn như đã nói: ‘Lạy Đức Chúa, ai đã tin lời rao giảng của chúng con? Và cánh tay của Đức Chúa đã được tỏ cho ai?’” Trong câu: “Ai đã tin lời rao giảng của chúng con?” sử dụng công thức “pisteuô + tặng cách”.

Tóm lại, với ba cách dùng: “pisteuô hoti...”, “pisteuô + tặng cách” và “pisteuô + đối cách”, nội dung niềm tin của các môn đệ được trình bày qua 9 mục trên. Ba cách dùng này xuất hiện 17 lần, cùng với 2 lần cách dùng “pisteuô + tặng cách” ở 5,47a; 12,38 không liên quan đến việc tin vào Đức Giê-su.

### 3. “Tin” (pisteuô) không có bổ túc từ

Tin Mừng Gio-an dùng 30 lần động từ “tin” (pisteuô) không có bổ túc từ và được chia làm hai nhóm: (a) Câu khẳng định: “tin” và (b) Câu phủ định: “không tin.”

(a) Nhóm khẳng định (tin) xuất hiện 19 lần. Trong đó, động từ “tin” không có bổ túc từ, chia ở lối trình bày (indicative mode): 16 lần ở 1,7.50; 3,12b; 4,41.42.53; 6,69; 9,38; 11,15.40; 14,29; 16,31; 19,35; 20,8.29a.31b; và chia ở lối động tính từ (participle mode) “ho pisteuôn” (người tin): 3 lần ở 3,18b; 6,47; 20,29b.

(b) Nhóm phủ định (không tin) xuất hiện 11 lần. Trong đó, động từ “tin” không có bổ túc từ, chia ở lối trình bày (indicative mode): 10 lần ở 3,12a; 4,48; 5,44; 6,36.64a; 9,18; 10,25.26; 12,39; 20,25; và chia ở lối động tính từ (participle mode): 1 lần ở 6,64b.

Khi người thuật chuyện dùng động từ “tin” không có bổ túc từ thường bao hàm nhiều khía cạnh của niềm tin (tin vào ai và tin vào điều gì). Chẳng hạn, khi Si-môn Phê-rô và người môn đệ khác, người Đức Giê-su thương mến, đi ra mộ Đức Giê-su, vào ngày thứ nhất trong tuần (20,1-7), họ không thấy Đức Giê-su trong mộ, họ chỉ “6b thấy những băng vải còn để đó, 7 và khăn che đầu của Người không để với những băng vải, nhưng cuốn lại để riêng ra một nơi” (20,6b-7). Người thuật chuyện viết về người môn đệ Đức Giê-su thương mến ở 20,8b: “Ông ấy đã thấy và đã tin.” Trong câu này, hai động từ “thấy” và “tin” không có bổ túc từ.

Như thế, trước khi Đức Giê-su Phục Sinh hiện ra với các môn đệ vào tối ngày hôm đó (20,19-23), môn đệ Đức Giê-su thương mến là người đầu tiên đã tin. Cách thức “thấy” và “tin” của người môn đệ này được đề cao trong trình thuật, đó là “thấy thực sự” và “tin thực sự”. Điều đáng chú ý là người môn đệ này “đã thấy” và “đã tin” khi “không thấy Đức Giê-su”, ông chỉ thấy ngôi mộ trống, thấy khăn che đầu và những băng vải. “Thấy” và “tin” của người môn đệ này gợi đến lời chúc phúc của Đức Giê-su dành cho “người không thấy Đức Giê-su mà tin vào Người” ở cuối sách Tin Mừng. Đức Giê-su nói với Tô-ma ở 20,29: “Vì đã thấy Thầy, nên anh tin? Phúc cho những người không thấy mà là những người tin.”

Hành động “thấy” và “tin” ở 20,8 không có bổ túc từ cho phép liên tưởng đến nhiều khía cạnh của hai động từ này. Điều người môn đệ này thấy, không chỉ là thấy những băng vải, mà ông còn thấy ngôi mộ trống rỗng, thấy Đức Giê-su không còn đó. Xa hơn, gợi đến những gì người môn đệ này đã thấy khi đứng dưới chân thập giá (x. 19,25-37). Động từ “tin” ở 20,8 không có túc từ cho phép hiểu: Người môn đệ này không chỉ tin Đức Giê-su đã sống lại mà còn tin vào những lời Đức Giê-su đã nói, tin Đức Giê-su là Đấng Chúa Cha sai đến (17,21.23), tin Đức Giê-su có “những lời đem lại sự sống đời đời” và Người là “Đấng Thánh của Thiên Chúa” như lời tuyên xưng của Si-môn Phê-rô trước Đức Giê-su ở 6,68-69: “68 Thưa Thầy, chúng con sẽ bỏ đi với ai? Thầy có những lời đem lại sự sống đời đời. 69 Phần

chúng con, chúng con đã tin và đã nhận biết rằng: Chính Thầy là Đấng Thánh của Thiên Chúa.” Lòng tin ở cấp độ cao nhất là tin Đức Giê-su là “Chúa” (kurios) và là “Thiên Chúa” (theos) như lời Tô-ma tuyên xưng trước Đấng Phục Sinh ở 20,28: “*Lạy Chúa của con, lạy Thiên Chúa của con.*”

“Thấy” và “tin” theo nghĩa tuyệt đối, không có túc từ, cho thấy người môn đệ Đức Giê-su thương mến đã hiểu ý nghĩa biến cố Thương Khó – Phục Sinh. (Xem bài viết: [“Ga 20,1-9: Ông đã thấy và đã tin” \(20,8\). Ai thấy? Thấy gì? Tin gì?](#)). Hành động “thấy” và “tin” của người môn đệ Đức Giê-su thương mến (20,8) không theo nghĩa bình thường mà theo nghĩa thần học như Đức Giê-su đã nói với đám đông ở 6,40: “*Đây là ý muốn của Cha Tôi: Tất cả những ai thấy người Con và tin vào Người thì có sự sống đời đời.*” Tuy nhiên, giữa việc “thấy bằng mắt” (thấy thể lý) và “tin” có một khoảng cách lớn lao. Bởi lẽ ngôi mộ trống và những bằng chứng không phải là bằng chứng hiển nhiên về việc Đức Giê-su Phục Sinh. Người môn đệ Đức Giê-su yêu mến chỉ thấy “dấu chỉ”, chứ không thấy Đức Giê-su sống lại mà ông đã tin.

Tóm lại, 99 lần động từ “pisteuô” (tin) trong Tin Mừng Gio-an được phân bổ như sau: “Tin vào ai?” (50 lần), “tin vào điều gì?” (19 lần), và “tin không có bổ túc từ” (30 lần).

### III. Ba cấp độ tin vào Đức Giê-su

Đề tài “tin” trong Tin Mừng Gio-an chia ra ba cấp độ: (1) “Không thực sự tin vào Đức Giê-su”, (2) “Chưa thực sự tin vào Đức Giê-su” và (3) “Thực sự tin vào Đức Giê-su”.

#### 1. Không thực sự tin vào Đức Giê-su (8,31)

Người thuật chuyện nói đến lòng tin của những người Do Thái ở 8,31-32: “31 Vậy, Đức Giê-su nói với những người Do Thái đã tin Người: ‘Nếu các ông ở lại trong lời của Tôi các ông thực sự là môn đệ của Tôi, 32 các ông sẽ biết sự thật và sự thật sẽ giải phóng các ông.’” Lòng tin của những người Do Thái ở 8,31 có phải là lòng tin thực sự vào Đức Giê-su hay không? Nội dung trình thuật 8,31-59 sẽ trả lời câu hỏi này.

Nối tiếp đoạn văn 8,21-30 là đoạn văn 8,31-59. Trong đoạn văn 8,21-30 Đức Giê-su tranh luận với “những người Do Thái” (8,22) về sứ vụ của Người và về tương quan giữa Người với Chúa Cha. Đoạn văn tiếp theo (8,31-59) mở đầu bằng việc “Đức Giê-su nói với những người Do Thái đã tin Người” (8,31a), tuy nhiên nội dung đoạn văn 8,31-59 cho thấy tranh luận giữa Đức Giê-su và những người Do Thái ngày càng gay gắt cho đến hết ch. 8 (8,59). Bối cảnh văn chương của hai đoạn văn 8,21-30 và 8,31-59 cho phép kết luận: Lòng tin của những người Do Thái ở 8,31a không phải là lòng tin đích thực vào Đức Giê-su.

Thật vậy, họ đã không thực sự tin, vì họ đã không hiểu và không đón nhận giáo huấn của Đức Giê-su. Hơn nữa, họ đã chống lại Đức Giê-su càng lúc càng dữ dội đến nỗi tìm giết Người (8,37.40). Sự kết án qua lại giữa Đức Giê-su và những người Do Thái rất nặng nề. Đức Giê-su nói với những người Do Thái ở 8,44a: “*Các ông thuộc về quỷ là cha các ông, và các ông muốn làm những ước muốn của cha các ông.*” Về phía những người Do Thái, họ kết tội Đức Giê-su ở 8,48: “*Ông là người Sa-ma-ri và là người bị quỷ ám.*” Trong đoạn văn 8,31-59, câu chuyện mở đầu bằng “những người Do Thái đã tin vào Đức Giê-su” (8,31) nhưng lại kết thúc bằng sự thù ghét của những người Do Thái này: “*Họ [những người Do Thái] liền lượm đá để ném Người [Đức Giê-su]. Nhưng Đức Giê-su ẩn mình và đi ra khỏi Đền Thờ*” (8,59).

Thái độ không đón nhận và thù nghịch với Đức Giê-su trong đoạn văn 8,31-59, không thể dung hoà với lòng tin vào Người (8,31a). Ngay từ đầu đoạn văn 8,31-59, Đức Giê-su mời

gọi những người Do Thái ở 8,31b-32: “31b Nếu các ông ở lại trong lời của Tôi các ông thực sự là môn đệ của Tôi, 32 các ông sẽ biết sự thật và sự thật sẽ giải phóng các ông.” Nhưng nội dung đoạn văn cho thấy họ “không thực sự là môn đệ của Đức Giê-su” (8,31c) vì họ đã không “ở lại trong lời của Người” (8,31b), nghĩa là họ đã không lắng nghe và đón nhận mặc khải của Đức Giê-su. Như thế, lòng tin của những người Do Thái ở 8,31a không phải là lòng tin đích thực. Cấp độ thứ hai của lòng tin là “chưa thực sự tin vào Đức Giê-su”. Điều này thể hiện nơi đám đông dân chúng ở 2,23-25.

## 2. Chưa thực sự tin vào Đức Giê-su (2,23-25)

Người thuật chuyện tóm kết hoạt động của Đức Giê-su ở 2,23-25: “23 Trong lúc Người ở Giê-ru-sa-lem vào dịp lễ Vượt Qua, nhiều kẻ đã tin vào danh của Người khi thấy các dấu lạ mà Người đã làm. 24 Nhưng Đức Giê-su, chính Người không tin họ, vì Người biết tất cả, 25 và Người không cần có ai làm chứng về con người, vì chính Người biết có gì nơi con người.”

Ở 2,23, có sự nối kết giữa “thấy các dấu lạ” và “tin vào Đức Giê-su.” Người thuật chuyện dùng 2 lần động từ “tin” (pisteuô) ở 2,23-24 với tương phản mạnh mẽ: Lần thứ nhất ở 2,23 cho biết nhiều người đã tin vào Đức Giê-su khi thấy những dấu lạ Người làm (2,23). Lần thứ hai ở 2,24 cho biết chính Đức Giê-su đã không tin vào niềm tin của họ (2,24). Như thế lòng tin của nhiều người trong trường hợp này chưa phải là “tin thực sự”. Đây là trường hợp “tin nhờ thấy dấu lạ”, nhưng lòng tin ấy chưa trưởng thành, cần được nuôi dưỡng và phát triển để đạt tới lòng tin đích thực.

## 3. Thực sự tin vào Đức Giê-su

Thế nào là thực sự tin vào Đức Giê-su? Đề tài quan trọng này được Tin Mừng diễn tả nhiều cách và có thể xếp thành ba loại: (a) Tin đích thực nhờ dấu lạ; (b) Tin đích thực nhờ lời Đức Giê-su và (c) Tin đích thực nhờ lời các môn đệ.

### a) Tin đích thực nhờ dấu lạ

Sau khi Đức Giê-su thực hiện dấu lạ đầu tiên: *Nước lã hoá thành rượu ngon* (2,1-11), người thuật chuyện kết thúc câu chuyện ở 2,11: “Đức Giê-su đã làm dấu lạ đầu tiên này tại Ca-na, miền Ga-li-lê, Người đã tỏ vinh quang của Người, và các môn đệ của Người đã tin vào Người.” Như thế dấu lạ *nước hoá thành rượu* là cách thức Đức Giê-su bày tỏ vinh quang của Người, các môn đệ đã nhận ra điều đó và tin vào Người. Tuy trình bày ngắn gọn nhưng đây là lòng tin đích thực vào Đức Giê-su.

Dấu lạ đầu tiên ở Ca-na (2,1-12) gọi đến dấu lạ thứ hai ở Ca-na: *Đức Giê-su chữa lành con của một quan chức nhà vua* (4,46-54). Người thuật chuyện kết thúc dấu lạ thứ hai này như sau: “Ông ấy và cả nhà của ông đã tin” (4,53). Đây là cách dùng động từ “tin” không có bổ túc từ (xem mục II. 3. trên đây), nên hàm ẩn cả hai ý: “Tin vào Đức Giê-su” và “tin vào lời của Người”. Thực vậy, dấu lạ chữa lành này (4,46-54) cũng đề cao việc “tin vào lời Đức Giê-su”. Khi viên quan chức nhà vua xin Đức Giê-su đến Ca-phác-na-um để chữa lành đứa con trai bị bệnh sắp chết (4,46-47), Đức Giê-su nói với ông ấy: “Nếu các ông không thấy dấu lạ, điềm thiêng, chắc chắn các ông không tin” (4,48). Viên quan chức nhà vua nói với Người: “Thưa Ngài, xin Ngài hãy xuống trước khi con tôi chết” (4,49). Đức Giê-su nói với ông ấy: “Ông hãy đi về, con ông sống” (4,50a). Người thuật chuyện cho biết phản ứng của viên quan chức nhà vua: “Người này tin vào lời Đức Giê-su nói với mình và đi về” (4,50b). Như thế, dấu lạ chữa lành được thực hiện là nhờ viên quan chức đã “tin vào lời Đức Giê-su” (4,50b). Phần ở giữa hai dấu lạ tại Ca-na (2,1-12 và 4,46-54) là trình thuật Đức Giê-su gặp gỡ người phụ nữ Sa-ma-ri (4,1-43). Trình thuật này mô tả loại thứ hai của hành động tin đích thực: Tin nhờ lời Đức Giê-su.

## **b) Tin đích thực nhờ lời Đức Giê-su**

Cuộc gặp gỡ và trao đổi giữa Đức Giê-su và người phụ nữ Sa-ma-ri bên bờ giếng Gia-cóp (4,7-9) về nước sự sống (4,10-15) và về cách thức thờ phượng Chúa Cha (4,20-24) kết thúc bằng niềm tin của những người Sa-ma-ri (4,39-42). Đây là trình thuật điển hình về “tin nhờ lời Đức Giê-su”. Thật vậy, sau cuộc đối thoại giữa Đức Giê-su và người phụ nữ Sa-ma-ri (4,5-25), người thuật chuyện kể về phản ứng của người phụ nữ ở 4,28-29: “28 Vậy người phụ nữ để lại vò nước của mình đi vào thành và nói với mọi người: 29 ‘Hãy đến và xem một người đã nói với tôi tất cả những gì tôi đã làm, Ông ấy không phải là Đấng Ki-tô sao?’” Nhờ lời này mà dân thành Xy-kha đến gặp Đức Giê-su và sau đó người thuật chuyện cho biết: “Trong thành đó, nhiều người Sa-ma-ri đã tin vào Người, nhờ lời người phụ nữ làm chứng rằng: ‘Ông ấy nói với tôi tất cả những gì tôi đã làm’” (4,29). Đây là trường hợp nhiều người tin vào Đức Giê-su nhờ lời chứng của người khác, cụ thể là nhờ lời chứng của người phụ nữ Sa-ma-ri. Chị ấy giữ vai trò sứ giả (báo cho biết) và là chứng nhân (làm chứng về Đức Giê-su).

Câu chuyện còn đi xa hơn khi kết thúc ở 4,40-42: “40 Vậy khi những người Sa-ma-ri đến với Người, họ xin Người ở lại với họ, và Người đã ở lại đó hai ngày. 41 và nhiều người hơn nữa đã tin, nhờ lời của Người. 42 Họ nói với người phụ nữ rằng: ‘Không còn phải vì lời của chị mà chúng tôi tin. Vì chính chúng tôi đã nghe và đã biết rằng Người thật là Đấng cứu độ thế gian.’” Nhờ lời người phụ nữ, “nhiều người” đã tin vào Đức Giê-su” (4,39), và sau khi Đức Giê-su ở lại với những người Sa-ma-ri hai ngày, “nhiều người hơn nữa” đã tin (4,41) nhờ chính lời của Đức Giê-su. Như thế, người tin đã nhiều hơn trước đây và là “tin nhờ lời Đức Giê-su”. Điều đáng chú ý là Đức Giê-su không làm dấu lạ nào ở Sa-ma-ri, Người chỉ nói chuyện, trao đổi và ở lại với họ. Vì thế, đây là trình thuật điển hình về “tin vào Đức Giê-su” nhờ “lời người khác” và nhờ “lời Đức Giê-su”.

## **c) Tin đích thực nhờ lời các môn đệ**

Cuối sứ vụ công khai, trước khi Đức Giê-su đi về với Cha của Người qua biển cố Thương Khó – Phục Sinh, Đức Giê-su ngỏ lời với Cha trước sự hiện diện của các môn đệ ở 17,18: “Như Cha đã sai Con đến thế gian, Con cũng sai họ [các môn đệ] đến thế gian.” Qua lời này, Đức Giê-su gián tiếp trao sứ vụ cho các môn đệ, họ sẽ nối tiếp sứ vụ của Đức Giê-su trong thế gian. Sau khi Phục Sinh, Đức Giê-su đã trực tiếp sai các môn đệ: “Như Cha đã sai Thầy, Thầy cũng sai anh em” (20,21b). Trong đoạn văn 17,20-21, Đức Giê-su can thiệp với Cha của Người cho những ai tin vào Người nhờ lời các môn đệ. Đức Giê-su nói với Cha ở 17,20-21: “20 Con không chỉ can thiệp cho những người này [các môn đệ], nhưng còn cho những người tin vào Con nhờ lời của họ, 21 để tất cả nên một, lạy Cha, như Cha trong Con và Con trong Cha để họ cũng ở trong Chúng Ta, để thế gian tin rằng Cha đã sai Con.”

Tóm lại, Tin Mừng Gio-an mở đầu bằng “tin vào Đức Giê-su nhờ dấu lạ” (2,1-12), sau đó là “tin vào Đức Giê-su nhờ lời của Người” (4,1-43) và Tin Mừng kết thúc bằng “tin vào Đức Giê-su nhờ lời của các môn đệ rao giảng” (17,20). Sứ vụ các môn đệ tiếp nối sứ vụ của Đức Giê-su. Giai đoạn thứ nhất là tin vào Đức Giê-su nhờ dấu lạ và nhờ nghe lời Đức Giê-su rao giảng. Giai đoạn thứ hai là sứ vụ của các môn đệ thuộc thế hệ thứ nhất. Kết quả rao giảng giai đoạn này là các môn đệ từ thế hệ thứ hai trở đi, họ là những người “không thấy Đức Giê-su mà vẫn tin vào Người” (x. 20,29). Như thế, đề tài “tin” trong Tin Mừng Gio-an luôn hướng về tương lai. Độc giả qua mọi thời đại được mời gọi tin vào Đức Giê-su nhờ lời chứng thuật lại trong sách Tin Mừng. Người thuật chuyện đã ngỏ lời trực tiếp với độc giả về mục đích của sách Tin Mừng trong phần kết luận ở 20,30-31: “30 Đức Giê-su đã làm nhiều dấu lạ khác trước mặt các môn đệ [của Người]; chúng không được ghi chép trong sách này. 31 Còn những điều đã được ghi chép là để anh em tin rằng: Đức Giê-su là Đấng Ki-tô, Con Thiên Chúa; và nhờ tin, anh em có sự sống trong danh của Người.”

“Tin vào Đức Giê-su” là một hành trình suốt cả cuộc đời và người môn đệ được mời gọi sống niềm tin ấy trong mọi hoàn cảnh. Tin Mừng Gio-an cho thấy không dễ dàng sống tư cách người môn đệ và làm chứng cho niềm tin. Trình thuật Tin Mừng Gio-an cho thấy các môn đệ đã rơi vào tình trạng khủng hoảng niềm tin. Vì lý do gì mà các môn đệ rơi vào tình trạng khủng hoảng niềm tin và đâu là giải pháp giúp các môn đệ giữ vững niềm tin? Đề tài này sẽ được bàn đến trong một bài viết khác.

## **Kết luận**

Phân tích trên cho thấy tầm quan trọng của động từ “tin” trong Tin Mừng Gio-an. “Tin” là một trong những từ xuất hiện nhiều nhất trong sách Tin Mừng này (99 lần). Đặc biệt đề tài “tin” xuyên suốt sách Tin Mừng. Thật vậy, lời tựa sách Tin Mừng (1,1-18) định nghĩa thế nào là “tin” (1,11-13). Tiếp theo nội dung Tin Mừng cho biết thế nào là “không tin”, thế nào là “không thực sự tin” hay “chưa thực sự tin” và thế nào là “thực sự tin vào Đức Giê-su.” Cuối sách Tin Mừng Gio-an, người thuật chuyện mời gọi độc giả tin rằng: “Đức Giê-su là Đấng Ki-tô, Con Thiên Chúa” (20,31a); và nhờ tin, độc giả sẽ có sự sống trong danh của Người (20,31b).

“TIN” là đề tài quan trọng, nhưng tin như thế nào? Tin vào ai? Và tin vào điều gì? Để “tin” con người cần mở lòng đón nhận giáo huấn của Thiên Chúa (6,45), cần được sinh ra bởi trên (3,3.7), đón nhận Đức Giê-su và bước vào tương quan lòng mến với Người. Tin vào ai? Tin Mừng mời gọi Tin vào Đức Giê-su như là Đấng từ trời xuống để ban sự sống đời đời cho người tin, Người là Đấng Chúa Cha sai đến thế gian để cứu thế gian khỏi hư mất (3,16-17). Tin vào Đức Giê-su cũng là tin vào Thiên Chúa là Cha của Đức Giê-su. Nội dung của niềm tin là gì? Tin Mừng Gio-an trình bày nội dung niềm tin qua công thức: “tin rằng:...” Với nội dung niềm tin như đã trình bày, Tin Mừng Gio-an cho biết cách “sống”, “thực hành” và “tuyên xưng” niềm tin. Thiết nghĩ, điều quan trọng hơn cả của hành động “tin” là bước vào tương quan tình yêu, cách mới mẻ và sống động, với Đức Giê-su, với Chúa Cha và với anh chị em mình. Đó là niềm tin có khả năng đem lại “sức sống” và “sự sống” đích thực cho con người. Nhờ tin, người môn đệ được lãnh nhận sự sống đời đời ngay bây giờ, ngay đời này và sự sống ấy sẽ nên trọn vẹn trong đời sau.

Với cách trình bày chi tiết liên quan đến nhiều khía cạnh của đề tài “tin”, Tin Mừng Gio-an đã góp phần quan trọng cho độc giả qua mọi thời đại. Những ai muốn nếm hưởng sự sống đích thực nhờ “tin vào Đức Giê-su” có thể tìm đến với Tin Mừng Gio-an. Những ai muốn sống niềm tin cách sống động, muốn củng cố niềm tin đã có, hay muốn vượt qua khủng hoảng niềm tin... đều có thể tìm thấy những câu trả lời cụ thể và thiết thực trong Tin Mừng Gio-an. Với tầm quan trọng đặc biệt và xuyên suốt của đề tài “tin”, có thể gọi Tin Mừng Gio-an là “Tin Mừng của niềm tin”/.

Nguồn: <http://leminhthongtinmunggioan.blogspot.com/2014/05/tin-pisteuo-trong-tin-mung-gio-an.html>

Ghi chú: Tác giả chịu trách nhiệm nội dung bài viết, vì thế, xin các trang web đăng lại cho hiển thị ngày tháng, nguồn bài viết và đừng chỉnh sửa hay cắt bớt nội dung. Cảm ơn.

## **12 CUỐN SÁCH ĐÃ XUẤT BẢN**

[Một số đề tài trong các tập sách](#)

[ĐỊA CHỈ CÁC NHÀ SÁCH](#)

## Sách học tiếng Hy Lạp để đọc Tân Ước bằng tiếng gốc:

- [1. Ngữ pháp Hy Lạp Tân Ước \(Phần căn bản\)](#)
- [2. Cú pháp Hy Lạp Tân Ước \(Phần nâng cao\)](#)

### Bản văn Tân Ước

- [1. Bản văn Gio-an, TIN MỪNG và BA THU, Hy Lạp – Việt](#)
- [2. Tin Mừng Mác-cô, Hy Lạp – Việt](#)
- [3. Sách Khải Huyền, Hy Lạp – Việt](#)

### Các sách tìm hiểu Tin Mừng Gio-an

- [01. Người MÔN ĐỆ ĐỨC GIÊ-SU YÊU MẾN](#)  
trong Tin Mừng thứ tư là ai?
- [02. TÌNH YÊU và TÌNH BAN trong Ga 15,9-17](#)
- [03. KHỦNG HOẢNG và GIẢI PHÁP](#)  
cho các môn đệ trong Tin Mừng thứ tư
- [04. Phân tích THUẬT CHUYỂN và CẤU TRÚC](#)  
áp dụng vào Tin Mừng thứ tư
- [05. Đấng PA-RÁC-LÊ – Thần Khí sự thật –](#)  
trong Tin Mừng thứ tư
- [06. YẾU và GHÉT trong Tin Mừng Gio-an, Phần I](#)
- [07. YẾU và GHÉT trong Tin Mừng Gio-an, Phần II](#)

## VỀ MỤC LỤC

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TÌNH CẢM VÀ TÍNH DỤC CỦA LINH MỤC - Thường Huấn Linh Mục Trê Huê (Ngày 3/6/2014)**

Kính mời viếng thăm [www.cvlctt.net](http://www.cvlctt.net) (chỉ vì lòng Chúa thương tôi)

**tiếp theo kỳ trước**

## **B. TÌNH BẠN KHÁC PHÁI CỦA LINH MỤC**

### **I. Đặt Vấn Đề**

Do hoàn cảnh cuộc sống, bên cạnh các bạn đồng giới, các ứng sinh có nhiều bạn là con gái, thậm chí có một số ứng sinh có bạn gái nữa. Vậy linh mục có thể có tình bạn khác phái không? Nếu Chúa Kitô đã đón nhận một số phụ nữ, cho họ cộng tác với Ngài trong công trình cứu độ nhân loại, thì tương quan đó đã được Thiên Chúa phê chuẩn, và Chúa Giêsu trở thành mẫu gương hoàn hảo của tình bạn khác phái của người sống đời độc thân thánh hiến. Mẫu gương sống động về tình bạn của Chúa Giêsu với phụ nữ được họa lại rõ nét trong đời sống

của nhiều vị thánh<sup>1</sup>. Và mẫu gương của Chúa Giêsu vẫn còn có giá trị cho những người theo Ngài, trong tất cả mọi chiều kích nhân bản và thiêng liêng của đời sống ơn gọi và sứ vụ. Như vậy, ỨNG SINH LINH MỤC và LINH MỤC có thể có bạn khác phái, nhưng phải khôn ngoan và cẩn trọng rất nhiều, phù hợp với phong cách và bối cảnh đời tu. Vì một điều rất rõ ràng là sự yếu đuối và những nguy hiểm đã không đe dọa Chúa Giêsu, lại có thể đe dọa những người nam và người nữ sống đời thánh hiến trong những liên hệ như vậy.

Chúng ta đừng bao giờ quên rằng mọi thân xác đều mang giới tính và bất cứ tương quan nam nữ nào cũng có yếu tố phái tính, thậm chí cả trong tương quan máu mủ và thiêng liêng mà thánh Phaolô khuyến cáo là *‘khởi đầu trong tinh thần nhưng lại kết thúc trong xác thịt’*, và không ai được cả dám tự phụ cho rằng mình mạnh và sẽ không bao giờ bị vấp ngã! Qua tặng độc thân thánh hiến có thể bị nguy hiểm, nhất là trong quan hệ độc hữu, khi mà một người nam đơn độc ở với một người nữ đơn độc (solus cum sola), hay ngược lại (sola cum solo), lâu giờ trong một nơi kín đáo cửa khóa chặt, chẳng ai biết và trông thấy, mà không có bất cứ khoảng cách nào, cùng với những biên giới cần thiết về thể lý, tâm lý và thiêng liêng, nhất là ý thức về sự hiện diện thường hằng của Chúa<sup>2</sup>.

Người đi tu không có sự quân bình tự nhiên của người sống đời đôi bạn theo nguyên lý bổ túc âm dương, nên phải thiết lập và sống cho được thể quân bình siêu nhiên bằng đời sống cầu nguyện, mật thiết với Chúa, tình huynh đệ, tận tụy với sứ vụ, cảnh giác toàn bộ cách ứng xử và cảm xúc của mình, ý thức rằng mình “gìn giữ kho tàng ấy trong những chiếc bình sành” dễ vỡ.<sup>3</sup> Sự thiếu quân bình trong đời sống và sứ vụ, cộng với những khó khăn thử thách đau khổ, sự yếu đuối nhân loại bên trong và những cám dỗ lỗi cuốn từ bên ngoài, khiến người ta có khi đi tìm sự quân bình tự nhiên kia mà vấp ngã. Kinh nghiệm cho thấy những linh mục, tu sĩ thất bại trong sứ vụ, gặp thử thách buồn phiền, lại bỏ đời sống cầu nguyện, thiếu tình huynh đệ cộng đoàn và bỏ bê bổn phận sớm muộn gì cũng sẽ sa ngã, bỏ cuộc: nhất là người ta sẽ liêu thua cuộc khi con tim thổn thức, mất hướng trước những thử thách buồn phiền, chán nản thất vọng gây nên bởi những người đáng ra phải yêu thương nâng đỡ mình.

Do đó, cần phải thiết lập mối tương quan trưởng thành, lành mạnh, hài hòa và quân bình giữa cả hai phái. Người ta nên tốt hay không đều do các mối tương quan của họ. Ngoài ra đừng để mình rơi vào những hoàn cảnh bi đát, và cũng đừng làm cho ai phải buồn phiền quá đỗi. ĐTC Biển Đức XVI khuyên *“Hãy mạnh mẽ củng cố tình bạn của chúng ta với Chúa, nhất là qua lời cầu nguyện thường ngày, chăm chú trung thành và tích cực tham dự Thánh Lễ.”* *“Thánh Thể là một hồng ân tình yêu phi thường mà Thiên Chúa liên tục canh tân trong chúng ta, để dưỡng nuôi cuộc hành trình đức tin của chúng ta, tiếp thêm sức mạnh cho niềm hy vọng của chúng ta là khơi dậy tình bác ái của chúng ta để ngày càng trở nên giống Người hơn.”*<sup>4</sup>

**Còn tiếp**

## VỀ MỤC LỤC

---

1 Cha Felix M. Padimatham nói rằng Chúa Giêsu trở thành mẫu gương hoàn hảo của tình bạn khác tính luyến ái. Ngài cũng chỉ ra nhiều mẫu gương các Thánh và Chân Phước đã có loại tình bạn này trong cuộc đời các ngài, như thánh Hiêrônimô và bà quả phụ Paula, thánh Gioan Kim Khẩu và nữ trợ tế Olympias, thánh Phanxicô Assisi và thánh nữ Clara, thánh nữ Catarina Siena và Chân Phước Raymon Capua, thánh nữ Têrêsa Avila và thánh Gioan Thánh Giá, v.v...

2 x. Câu chuyện ‘một nơi kín đáo không ai nhìn thấy’ của thầy Dòng nọ.

3 2 Cr 4,7.

4 CNS 25.11.2010 ghi lại bài giáo lý của ĐTC Biển Đức trong buổi triều yết chung ngày 24/11/2010.

## SỰ THĂNG TRẦM CỦA TUỔI GIÀ

Ước vọng sống lâu đã là điều mong muốn của con người từ ngàn xưa. Nó đứng trên cả tiền tài, danh vọng, đông con nhiều cháu. Chẳng thể mà thứ dân khi gặp nhau thì trang trọng chúc *bách niên giai lão* là thỏa mãn rồi. Còn vị quyền cao phủ chòm đất nước thì không bằng lòng với *bách niên*, mà đòi dân đen phải tung hô *vạn tuế! vạn tuế!* hoặc *muôn năm! muôn năm!*

Nhưng trăm người trăm ý, cho nên Á Đông ta có quan niệm “*đa thọ, đa nhục*”. Chateaubriand ví tuổi già như con tàu đắm.

Horace than phiền: tuổi già buồn nản đang đến, già từ những nụ cười vui, những tình yêu nồng nàn và những giấc ngủ an lành.

Còn Hippocrate thì so sánh tuổi với bốn mùa mà *già là mùa đông băng giá*.

Có lẽ là khi về già, con người, giống như mọi sinh vật khác, đều chịu những thay đổi về cấu tạo, về chức năng, đưa tới đau yếu, bệnh hoạn, mất sinh lực và ý chí. Vì vậy, người già cho rằng sống lâu mà suy yếu, thiếu thốn, chẳng qua cũng chỉ như cây tầm gửi, là gánh nặng cho gia đình và xã hội rồi chuốc cái nhục vào thân.

Rõ thực là:

*“Khi vui thì muốn sống lâu,*

*Khi buồn lại muốn thác mau cho rồi”.*

Nhân dịp tuổi thọ sắp tăng thêm một đơn vị, chẳng biết mình nên buồn hay nên vui. Thôi thì để biết người, biết mình, chúng tôi xin cùng quý vị ôn lại vài nét thăng trầm tuổi thọ của con người, lướt qua một phần phong tục tập quán của vài thời đại đã qua.

### Người Già Việt Nam

Phong tục Việt Nam vốn trọng người già. Ta thường có câu nói:

*“Triều đình thượng tước, Hương đảng thượng xỉ”*

Có ý nói là ở nơi triều đình thì chức tước cao được ngồi trên, còn tại chốn đình trung hương đảng thì người cao tuổi được coi trọng hơn. Vì được quý trọng nên dân ta đã có nhiều tục lệ tốt đối với người già.

Trong gia đình, Tết đến, con cháu tụ họp trước là để cúng bái gia tiên, sau là chúc tuổi thọ ông bà cha mẹ. Tăng thêm một tuổi là thêm thọ, một điều mà ai cũng mừng, cũng nhắc nhở chờ đợi:

*“ Bà lão nằm tính tuổi sắp thêm năm” Anh Thơ.*

Trẻ con cũng sốt ruột chờ đợi để được mừng tuổi, bằng tiền mặt phong bao, bằng những lời khen tặng hay ăn, chóng lớn.



Ngoài xã hội, nhất là nơi thôn ấp, các vị cao niên từ 50 tuổi trở lên thì được xếp vào hạng *bô lão*, trên cả các hương chức quyền thế tại địa phương.

Trong số *bô lão*, cụ nào cao tuổi hơn cả thì được tôn vinh là các *Cụ Thượng*, thường là trên 80.

Tuổi 40 được mở tiệc tứ tuần đại khánh; 60 tuổi trở lên thì các cụ đã ăn mừng thọ, từ tiểu thọ, trung thọ rồi đại thọ ở tuổi ngoài 80.

Vì quan niệm tuổi thọ là tuổi Trời ban cho, nên các vị cao tuổi đều được kính trọng.

Ra đường, gặp người già là mọi người phải cúi đầu chào hỏi cho lễ phép, phải nhường bước, phải nhường chỗ ngồi, phải đứng lên khi *bô lão* xuất hiện, không được ngắt lời *bô lão* khi thảo luận. Chương trình giáo dục từ lớp Đổng Ấu đã có những bài học Luân Lý chỉ dạy học trò cung cách đối xử với người lớn tuổi.

Trong làng xã thì có những tục rước *lão*, tiệc yến *lão*. Người già mặc quần áo đẹp, con cháu ôm coi trầu, điếu ống theo hầu, được dân làng mang cò quạt, võng cang với trống chiêng tới đón mời lên Đình để hương chức và dân chúng chiêm ngưỡng, chúc tụng rồi dự yến tiệc. Mà yến tiệc thì các cụ chỉ dùng một ít, còn lại lấy phần về chia cho người trong tộc họ, hàng xóm để cùng hưởng lộc nhân dân.

Các cụ Ông cụ Bà đều được rước đón, nhưng tại nhiều địa phương, cụ bà không tham dự vì các cụ vẫn theo lời dạy từ ngàn xưa là đàn bà con gái không dính líu vào việc làng, việc nước. Các bà mẹ Việt Nam bao giờ cũng khéo lo xa.

Ngoài ra các cụ còn được làng xã dành cho một số quyền lợi về công điền, địa thổ, được miễn trừ hết sưu dịch. Quan niệm “*kính già, già để tuổi cho*” rất phổ biến. Và lại, kính *lão* đặc thọ, mọi người cũng mong là khi mình đạt tới tuổi thọ đó sẽ được hưởng những vinh dự tương tự.

Cũng như người Trung Hoa, xã hội ta vẫn coi gia đình là một đơn vị nền tảng với tôn ti trật tự rõ rệt.

Chủ gia đình là người cao tuổi nhất, có toàn quyền quyết định về mọi sinh hoạt của thành viên. Con phải tuân theo lời bố, vợ phục tùng chồng, em phải nghe lời anh, và nàng dâu mới về là người chịu nhiều thiệt thòi, hành hạ từ nhà chồng. Nhưng khi đã tới tuổi cao thì uy quyền của bà ta cũng tăng đối với con cháu và có cơ hội hành hạ nàng dâu như bà đã từng bị đối xử khắt khe khi xưa.

Việc dựng vợ gả chồng hoàn toàn do người cao tuổi sắp đặt: cha mẹ đặt đâu con ngồi đó. Khi bố mẹ thất lộc thì người trai trưởng nắm quyền hành: *quyền huynh thế phụ*.

Nhờ con cái thấm nhuần tư tưởng

“*Công Cha như núi Thái Sơn,*

*Nghĩa Mẹ như nước trong nguồn chảy ra*”,

Cho nên người già Việt Nam đều sống với gia đình và được thân nhân chăm sóc, phụng dưỡng cho tới khi mãn phần. Chỉ khi nào vì quá nghèo lại không có thân nhân thì họ mới phải vào trong các nhà dưỡng *lão* do chính quyền hay các hội từ thiện tư nhân tài trợ.

## Hiện Trạng Người Già

Trong thế kỷ vừa qua, vấn đề người già đã là mối ưu tư lớn của mọi người. Sự gia tăng dân số kèm theo nhiều khó khăn của lớp người này trên thế giới đã được các quốc gia và tổ chức Liên Hiệp Quốc đặc biệt lưu tâm tìm biện pháp giải quyết giúp đỡ. Số người trên 60 tuổi đã mau chóng chiếm tỷ lệ cao trong tổng số dân cư trên thế giới, mà nhóm người trên 80 tuổi lại tăng lên mau nhất. Điều đáng ngại là sự gia tăng này lại xảy ra nhiều hơn ở các quốc gia đang mở mang, chưa đủ phương tiện ứng phó.

Hiện nay số người cao tuổi trên toàn thế giới là gần sáu trăm triệu. Tới năm 2020, số này ước lượng có thể sẽ tăng lên một tỷ. Lý do sự gia tăng này gồm có việc giảm số tử vong do các bệnh truyền nhiễm, cải thiện điều kiện vệ sinh, dinh dưỡng, nhà ở, các phương pháp phòng ngừa bệnh, khám phá ra thuốc kháng sinh. Sự gia tăng tuổi thọ là dấu hiệu của sự tiến bộ cũng như sự hoàn tất sinh học quan trọng trong thế kỷ 20.

Người cao tuổi phải được coi như một nguồn lợi quý giá chứ không phải là gánh nặng cho xã hội, vì họ sẽ còn đóng góp nhiều cho đất nước bằng những kiến thức, kinh nghiệm của họ. Căn cứ trên quan niệm đó, Liên Hiệp Quốc đã kêu gọi toàn thế giới lưu tâm tới những khó khăn đang ám ảnh người cao tuổi, đồng thời cũng đề nghị nhiều chương trình để bảo đảm sự an toàn về kinh tế, xã hội của khối người quan trọng và cần thiết này, cũng như tạo cơ hội cho họ đóng góp vào sự phát triển của mỗi quốc gia.

Liên Hiệp Quốc đề nghị một số nguyên tắc để giúp đỡ người cao tuổi như: Họ phải có cơ hội được xử dụng dễ dàng về thực phẩm, nước uống, nhà ở, chăm sóc y tế, việc làm và có một đời sống an toàn; họ phải được xử dụng các dịch vụ pháp lý, các phương tiện giáo dục, văn hóa, giải trí để phát triển mọi tiềm lực; phải được sống trong vinh dự, không bị khai thác, lợi dụng và được đối xử bình đẳng.

Ngoài ra, các quốc gia cũng cần tạo môi trường thuận lợi để khích lệ dân chúng dành dụm tiền cho tuổi về già; khuyến khích mọi lứa tuổi tham dự vào các chương trình, cũng như các cơ cấu đầu não có quyền quyết định chính sách chung; tăng cường các biện pháp và cơ chế để bảo đảm là người về hưu không rơi vào tình trạng nghèo khó, vì họ đã có công đóng góp nhiều cho sự phát triển quốc gia khi trước.

Về phần mình, người cao tuổi có lẽ cũng cần hành xử làm sao để sống cuộc đời cuối với nhiều tích cực hơn.

## Kết Luận

Trong một dịp luận đàm với vị Thượng Bô Lão 86 tuổi ở thành phố Houston, người viết có hỏi thăm cụ là với bí quyết gì mà cụ nom vẫn phong độ cả về thể xác lẫn tâm hồn; lại mỗi ngày vẫn lái xe đưa người này người khác đi công việc, vẫn tham dự các sinh hoạt chung, đôi khi lại còn đi múa đôi mỗi cuối tuần.

Thì cụ trả lời: “ Nào có bí quyết gì đâu. Ông cứ chịu khó về dở lại những trang sách của cuốn Luân Lý Giáo Khoa Thư, in cách đây nửa thế kỷ, đọc hết chương “Bổn phận đối với bản thân” là có hết. Nào là các bài học về biết trọng linh hồn, phải quý thân thể, về vệ sinh cơ thể, gìn giữ sức khỏe, ăn uống điều độ, vận động cơ thể, tới những cách đối xử với nhân quần xã hội để sao cho có tâm thân an lạc. Nếu có thiếu họa chẳng chỉ thiếu những chỉ dẫn thực tế về nhu cầu sinh lý, tình dục”

Người viết vội vàng vâng lời, tìm đọc sách Luân Lý Giáo Khoa Thư. Rồi thắc mắc: chả lẽ ngày xưa thiên hạ không có nhu cầu sinh lý. Hay là các cụ biết cả rồi, nên chẳng cần viết ra.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

[www.bsnguyenyduc.com](http://www.bsnguyenyduc.com)

## **Tuyển tập Videos Sống Vui Sống Khỏe**

**Bác sĩ Nguyễn Ý Đức**

**Vài hàng giới thiệu :** Xin trân trọng giới thiệu tuyển tập Videos "Sống Vui Sống Khỏe" của BS Nguyễn Ý Đức. Tuyển tập này là những bài nói chuyện hữu ích về y tế, dinh dưỡng và sức khỏe của BS Nguyễn Ý Đức trên các đài truyền hình được đưa lên Internet. Cùng với bộ sách "[Câu Chuyện Thầy Lang](#)" và những ấn phẩm đã được xuất bản, những bài viết trên Internet, tuyển tập Videos "Sống Vui Sống Khỏe" này sẽ cung cấp nhiều thông tin hữu ích, đóng góp vào việc cải thiện vấn đề sức khỏe cho cộng đồng người Việt Nam khắp nơi.

<http://www.youtube.com/user/DrNguyenYDuc/videos>

### **VỀ MỤC LỤC**

## **BÃO - CHUYỆN PHIÊM CỦA GÃ SIÊU**

Ngày xưa, bố mẹ gã đi tìm đất sống và rồi cắm dùi tại dinh điền Cái Sắn. Lúc bấy giờ Tổng Ủy Di Cư cấp cho mỗi gia đình một nếp nhà lá, một chiếc xuồng và một con trâu. Còn mỗi người được lãnh bốn đồng nuôi ăn một ngày, cho đến khi thu hoạch lúa thóc, tỵ túc tỵ cường.

Gã còn nhớ khoảng năm 1958 hay 1959 gì đó, một cơn bão đã thổi qua vùng này. Gió rít lên từng cơn. Sóng nước đập vào nền nhà. Người lớn thì lo chống đỡ cho căn nhà khỏi bị sụp đổ. Con nít thì ngồi thu mình vào một góc và run lập cập.

Sau nhà là cả một cánh đồng hoang với cỏ dại và lau sậy ngập đầu, vì chưa khai khẩn hết. Mấy con rắn lớn cũng tìm đường trốn bão, bò vào nhà và cuộn tròn trên mấy cây xà, thế mà chẳng ai thèm đập cho chúng chết. Trận bão này đã để lại những hình ảnh khó quên trong đầu óc non nớt của gã.

Các nhà khoa học cho biết: Bão là một tình trạng nhiễu động của khí quyển do nhiệt độ cao tại những vùng nhiều hơi nước. Thực vậy, nhiệt độ cao sẽ làm cho hơi nước bốc mạnh lên và hình thành một tâm áp thấp. Không khí ở khu vực lân cận sẽ tràn vào và chuyển từ trên xuống dưới xung quanh tâm bão.

Ngoài ra, không khí bốc mạnh lên cao ngưng tụ thành một bức tường mây dày đặc, tạo nên những cơn mưa cực lớn và gió xoáy rất mạnh. Khi đi vào đất liền hoặc vùng biển lạnh ở các vĩ độ cao, bão mất nguồn năng lượng bổ sung, cộng thêm ảnh hưởng của lực ma sát với mặt đất nên suy yếu dần và tan đi.

Tuy nhiên, danh từ bão còn bao gồm cả những cơn dông tố, những trận cuồng phong và những hiện tượng khác hiếm gặp thấy ở Việt Nam như bão tuyết, bão cát...

Trong mục chuyện phiếm hôm nay, gã sẽ điếm qua những loại bão khởi đi từ một nơi xa lác xạc là mặt trời và các vì sao, cho đến những nơi thật gần gũi là gia đình và cõi lòng mỗi người chúng ta.

Trước hết là bão mặt trời. Đó là một luồng hạt điện tích được giải phóng từ vùng thượng quyển của mặt trời tạo thành những luồng gió khổng lồ. Còn khi nó được phát ra từ những ngôi sao khác với mặt trời, thì được gọi là gió sao.

Khi những điện tích này tác dụng tới trái đất, sẽ tạo thành những cơn bão từ. Theo tiến sĩ Hà Duyên Châu, chúng ta có thể hiểu một cách nôm na, bão từ là sự biến thiên rất mạnh của từ trường trái đất ở chung quanh chúng ta. Theo lý thuyết, bão từ được gây ra do các chùm plasma khổng lồ bởi các vụ nổ trên mặt trời. Các chùm này, khi đi tới trái đất, sẽ bao trùm lên trái đất và tác động với từ trường của trái đất, tạo nên dòng điện xoay quanh trái đất và gây nên bão từ. Vì sự biến đổi của từ trường rất mạnh, nên bão từ thường ảnh hưởng không nhỏ đối với những người cao huyết áp, những người mắc bệnh tim mạch và thần kinh.

Sau khi đã bàn chuyện trên trời, gã xin tiếp tục bàn chuyện dưới đất.

Khi bão xảy ra tại sa mạc, chúng ta có những trận bão cát.

Vào ngày 7 tháng 6 năm 2010, Trung Quốc đã phải gánh chịu một trận bão cát khổng lồ. Trận bão cát khổng lồ này đã tấn công vào một ngôi làng ở thành phố Golmud, tỉnh Thanh Hải, Trung Quốc. Khu vực này là nơi tiếp giáp với sa mạc Gobi, sa mạc lớn nhất châu Á. Khi trận bão đi qua, người dân trong khu vực chỉ còn biết trốn vào trong nhà và đóng kín tất cả mọi cánh cửa, ngăn không cho bụi vào nhà.

Cơn bão đã che đi mặt trời làm cho ban ngày trở nên tối hẳn đi, tầm nhìn xa cũng giảm xuống chỉ còn khoảng hơn 150m. Rồi sau đó ít phút, cơn bão tan, để lại một khối lượng khổng lồ cát bụi cho người dân trong làng, họ lại bắt đầu cho một cuộc tổng vệ sinh.

Những trận bão như thế không phải là hiếm tại khu vực này. Thành phố Golmud, nơi cư trú của khoảng 200.000 người, trong đó có 140.000 người sống ở trung tâm thành phố. Các khu công nghiệp liên tiếp được xây dựng tại khu vực giáp ranh với sa mạc Gobi. Tuy đây không phải là nơi thích hợp để sinh sống, nhưng hàng chục ngàn người đã di chuyển đến đây để làm việc tìm chén cơm manh áo.

Mỗi mùa xuân gió mạnh thổi qua sa mạc Gobi tạo ra các cột cát bụi khổng lồ tàn phá các khu nhà. Những cơn bão cát này có thể gây mất điện thường xuyên trên diện rộng, giao thông bị ngưng trệ và là nguyên nhân chủ yếu gây ra các bệnh về đường hô hấp cho những người dân ở đây. Những cơn bão cát này thậm chí còn có thể thổi xa tới Bắc Kinh, mỗi năm trung bình có khoảng gần một triệu tấn cát bụi bay vào tới thủ đô của Trung Quốc. Hơn 1/4 diện tích của Trung Quốc ở khu vực phía bắc bị ảnh hưởng bởi bão cát từ sa mạc Gobi.

Tuy nhiên "Bão Sa mạc" còn là một danh từ ám chỉ cuộc chiến tranh vùng Vịnh, kéo dài từ ngày 2 tháng 8 năm 1990, đến ngày 28 tháng 2 năm 1991. Đây là một cuộc xung đột giữa Iraq và liên minh gần 30 quốc gia, do Hoa Kỳ lãnh đạo và được Liên Hiệp Quốc phê chuẩn để giải phóng Kuwait.

Nguyên nhân dẫn tới chiến tranh là việc Iraq xâm chiếm Kuwait ngày 2 tháng 8 năm 1990, sau khi Iraq cho rằng (nhưng không chứng minh được) Kuwait đã "khoan nghiêng" giếng dầu của họ ở biên giới Iraq. Lập tức Iraq bị Liên Hiệp Quốc áp đặt trừng phạt kinh tế. Những hành động quân sự bắt đầu từ tháng 1 năm 1991, dẫn tới một thắng lợi hoàn toàn của các lực lượng đồng minh, buộc quân đội Iraq phải rút khỏi Kuwait với tổn thất nhân mạng ở mức tối thiểu cho

lượng đồng minh. Những trận đánh chính là những trận đánh trên không và trên bộ bên trong Iraq, Kuwait và những vùng giáp biên giới Ả Rập Saudi.

Cuộc chiến không mở rộng ra ngoài vùng biên giới Iraq, Kuwait, và Ả Rập Saudi, dù Iraq đã bắn tên lửa vào các thành phố của Israel. Cuộc chiến vùng Vịnh này được coi là dấu chấm hết cho thời kỳ chung sống hòa bình của thế giới.

Khi bão xảy ra vào mùa đông tại những vùng băng giá, thì đó là những trận bão tuyết.

Hồi năm ngoái, một trận bão tuyết dữ dội đã càn quét các bang ở vùng trung tây của nước Mỹ, khiến nhiều tuyến đường lớn bị đóng cửa, làm hơn 1.600 chuyến bay bị hủy tại Chicago và gây thủng mái của sân vận động ở bang Minnesota. Ít nhất 2 cái chết liên quan tới bão tuyết đã được thông báo khi cơn bão mang theo tuyết rơi dày lên tới gần 61cm đổ xuống nhiều khu vực tại bang Minnesota và đang di chuyển về phía đông. Cảnh báo bão tuyết đã được đưa ra tại các khu vực ở phía đông bang Iowa, đông nam bang Wisconsin, tây bắc bang Illinois và phía bắc Michigan.

Tại thành phố Minneapolis, bang Minnesota, mái bươm phòng của sân vận động Metrodome bị thủng sau khi hứng tuyết rơi dày 43cm. Không ai bị thương nhưng phần mái của sân đã bị rách một đoạn khoảng 10m. Liên đoàn bóng bầu dục Quốc gia phải hoãn lại trận đấu hôm Chủ nhật giữa đội New York Giants và đội chủ nhà Minnesota Vikings trên sân Metrodome và chuyển địa điểm thi đấu trận này tới Detroit vào tối 13/12.

Thời tiết băng giá, với tuyết rơi làm tầm nhìn bị hạn chế, đã khiến giao thông đường bộ và hàng không bị gián đoạn nghiêm trọng. Tại khu vực Chicago, gió mạnh, nhiệt độ xuống thấp và tuyết rơi dày đã khiến ít nhất 1.375 chuyến bay bị hủy tại sân bay quốc tế O'Hare và hơn 300 chuyến cũng bị hủy tại sân bay Midway. Cả hai sân bay này dự kiến sẽ còn hủy và hoãn thêm nhiều chuyến nữa. Một số tuyến đường quan trọng ở vài bang đã bị đóng cửa do điều kiện lái xe không an toàn và đề phòng tai nạn.

Khi bão xảy ra trên đại dương, thì đó là bão biển. Rồi từ đại dương, bão thổi vào đất liền và để lại những tan hoang với cảnh màn trời chiếu đất cho nhiều người.

Chiều 17/10/2010, tâm bão Megi cách đảo Ludông (Philippines) khoảng 410 km về phía Đông. Theo Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn trung ương, sức gió mạnh nhất ở vùng gần tâm bão Megi đạt tới cấp 17 (202 đến 221 km một giờ), giật trên cấp 17, nên được gọi là siêu bão. Mức độ nguy hiểm của cơn bão được các đài dự báo khí tượng trên thế giới đặc biệt quan tâm.

Tuy nhiên, do cấp độ và tính chất phức tạp của một siêu bão, hiện chưa thể đưa ra dự báo dài ngày về hướng di chuyển của Megi. Theo Đài khí tượng thủy văn Nhật Bản và Hải quân Mỹ, cơn bão sau khi vào biển Đông sẽ vòng lên phía bắc vào khu vực bán đảo Lôi Châu (Trung Quốc) và Hồng Kông. Với khả năng này, ảnh hưởng trực tiếp của cơn bão tới Việt Nam là không lớn. Tuy nhiên, theo dự báo của cơ quan khí tượng Hồng Kông, siêu bão này gần như giữ nguyên hướng di chuyển về phía tây. Nếu khả năng này xảy ra, cơn bão sẽ tấn công thẳng vào các tỉnh miền Trung nước ta. Đây là cơn bão mạnh nhất trong năm đổ vào Philippines và biển Đông.

Ở Việt Nam, thường có bão từ tháng 5 đến tháng 12. Bão phát sinh từ vùng Thái Bình Dương hay trong khu vực biển Đông, rồi di chuyển theo hướng tây, hay tây bắc và đổ bộ vào bờ biển nước ta. Do sự xê dịch theo mùa của đường bão di chuyển, mùa bão có xu hướng chậm dần từ bắc vào nam. Ở Bắc Bộ và Thanh Hoá, mùa bão bắt đầu từ tháng 6 cho đến hết tháng 10. Tháng 8 và tháng 9 là những tháng có nhiều bão nhất. Ở Trung Bộ, mùa bão bắt đầu từ tháng 7 và kết thúc vào tháng 10. Tháng có nhiều bão nhất là tháng 9. Vùng bờ biển Nam

Trung Bộ, mùa bão nằm trong tháng 10 và tháng 11. Khả năng có bão ở khu vực này ít hơn ở các khu vực trên. Nam Bộ gần như không có bão, (khoảng 20 năm mới thấy một lần vào tháng 11 hay tháng 12. (Từ Điển Bách Khoa Việt Nam).

Dĩ nhiên, “Bão Biển” còn là tựa đề cuốn tiểu thuyết của tác giả Chu Văn, mang tính cách bài bác Công giáo, nhưng lại được đưa vào chương trình văn của mấy lớp trung học.

Tới đây, gã xin bàn đến những loại bão khác ảnh hưởng trực tiếp đến mỗi gia đình cũng như mỗi cá nhân.

Hẳn rằng ai trong chúng ta cũng đều ngán ngẩm, than ngán thở dài trước cơn bão giá hiện nay. Không biết ở ngoại quốc thế nào, chứ tại Việt Nam, theo một báo cáo chính thức của Bộ Công Thương, thì trong 2 tháng đầu năm 2011, thị trường giá cả đã biến động rất lớn. Chỉ số giá các nhóm hàng thiết yếu tháng 1/2011 tăng 24,3% so với cùng kỳ năm 2010 và tăng 4% so với tháng trước; Chỉ số giá lương thực trong tháng 2/2011 tăng 34% so với cùng kỳ năm 2010 và tăng 2,2% so với tháng trước.

Nguyên giá vàng mà thôi cũng đã tăng lên vùn vụt, mỗi ngày một giá, đến chóng cả mặt, khiến nhiều người nụ cười cứ méo xệch như muốn khóc. Rồi tiền tiết kiệm ky cóp gửi ngân hàng cứ tự động bốc hơi, cứ không cánh mà bay. Mấy người buôn bán theo tính toán thì có lời, nhưng thực chất lại không có ăn, bởi vì tiền bán một món hàng công với tiền lời chút đỉnh sẽ không đủ để mua lại cũng món hàng ấy cho ngày hôm sau.

Bên cạnh đó, những diễn biến phức tạp về chi phí nguyên liệu, xăng dầu, tỷ giá ngoại tệ, giá cả nguyên vật liệu, đã tác động rất lớn đến các doanh nghiệp kinh doanh trong nước. Chi phí đầu vào, chi phí sản xuất, đời sống công nhân trở thành những vấn đề nan giải mà doanh nhân phải đối mặt và phải tìm cách tự cứu lấy mình.

Trong khi giá cả thị trường cứ liên tục leo thang, thì đồng lương của công nhân vẫn cứ dậm chân tại chỗ, vẫn cứ ba cọc ba đồng, thành thử mọi người đều phải thắt lưng buộc bụng, bữa ăn trong gia đình của thời bão giá cứ mỗi ngày một tụt lại và xuống cấp một cách thê thảm.

Bữa cơm tối được người mẹ trẻ nấu trong chưa đầy nửa tiếng đồng hồ với một đĩa đậu hũ chiên, tô mì ăn liền và đĩa rau cải bắp chấm xì dầu cho hai vợ chồng và năm đứa con.

Tại nơi cư ngụ của một gia đình công nhân: vì giá điện tăng, nên căn phòng chừng 16 mét vuông lờ mờ dưới ánh sáng đèn chữ U yếu ớt; chiếc quạt máy "trùm mền" lâu lâu có khách đến chơi mới bật cho đỡ nóng, rồi lại tắt đi để tiết kiệm điện.

Chị vợ cho biết, căn phòng được thuê với giá 750.000 đồng mỗi tháng, mới đây chủ trọ thông báo sẽ tăng thêm 50.000 đồng, riêng tiền điện, tiền nước tháng này cũng tăng mỗi món 10.000 đồng. Chị tính toán, tổng cộng các khoản chi tiêu ăn uống cho cả nhà, học phí cho con cũng hết gần 3 triệu đồng. Trong khi đó, tiền lương cơ bản của hai vợ chồng cũng chỉ hơn 3 triệu rưỡi mỗi tháng. Vợ chồng cùng với cậu con 5 tuổi ngồi quây quần bên mâm cơm đạm bạc. Chị vợ phân trần:

- Thịt cá dạo này mắc quá, chỉ có đậu hũ và các loại rau thì giá cả vừa phải hơn, nên cả nhà đều phải ăn mấy món này suốt. Mặc dù lo con không đủ dinh dưỡng, nhưng thời buổi khó khăn, phải chi lý tính toán lắm mới được.

Chị vợ còn nói tiếp:

- Cả mì gói gần đây cũng tăng giá, lên thêm ít nhất 500 đồng nữa.

Một gia đình khác gần đó cũng đang dùng cơm tối với vài con cá khô chiên mặn và đĩa rau muống luộc. Hai vợ chồng đang bàn nhau kế hoạch hạn chế chi tiêu thời buổi khó khăn thì chủ trọ đến báo tiền phòng tháng tới sẽ tăng thêm 100.000 đồng, giá điện nước cũng lên theo giá nhà nước. Cả hai cứ ngồi thờ dài mãi:

- Phải tần tiện hơn nữa mới đủ sống!

Đó là những bữa ăn khiêm tốn trong thời buổi bão giá hiện nay. Thế nhưng, có một anh chồng đã tương kế tựu kế, tuyên bố vung vít với các chiến hữu của mình như sau:

- Bão giá rất có lợi, vì nó đem lại hoà bình cho gia đình của tớ đấy.

Mọi người đều tròn mắt ngạc nhiên. Và anh ta đã thành thực chia sẻ kinh nghiệm sống:

- Này nhé, tớ đi nhậu về hơi bị muộn, thấy khuôn mặt hầm hầm của bà xã, tớ vội hỏi: Gạo nhà mình hình như sắp hết. Thế là vợ tớ bèn ca vọng cổ sáu câu có mùi: Giá gạo tăng thêm mấy ngàn đồng một ký. Mọi năm trước tết giá lên, sau tết giá xuống, còn năm nay sau tết giá vẫn liên tục lên. Khi xưa đi chợ chỉ cần 7 chục ngàn là đủ cho cả nhà một ngày, bây giờ 100 ngàn mà vẫn cứ thiếu...Và thế là tớ thoát nạn.

Lần khác, tớ quên mất không làm việc bà xã nhờ, về nhà nhìn cặp mắt hình viên đạn của bà, tớ vội hỏi: Hình như giá gas tăng lên thì phải? Thế là vợ tớ gạt đầu: loại 13,5 ký nhà mình tăng thêm 50 ngàn nữa. Rồi vợ tớ thờ dài: chắc chắc, như tiếng thạch sùng kêu trên trần. Và thế là tớ lại thoát nạn.

Miết rồi thành lệ, nên từ đó về sau, cứ mỗi lần vợ tớ định gây chiến, thì tớ lại tìm một đề tài về sự tăng giá. Và thế là trật tự được tái lập và hoà bình trở lại dưới mái nhà êm ấm của tớ.

Nếu coi cuồng phong và đồng tố cũng là một thứ bão, thì thứ bão loại này vốn thường xảy ra cho các cặp vợ chồng. Thực vậy, đã từ lâu gã thắc mắc không hiểu vì sao người ta lại lấy tên đờn bà con gái mà đặt cho các trận bão. Đi hỏi những bậc cao niên nhiều kinh nghiệm, thì các vị đều mỉm cười trả lời:

- Sao bố mày ngây thơ thế. Mỗi khi các nàng nổi cơn ghen hay lên cơn giận, thì chẳng khác gì bão táp, đồng tố, cuồng phong. Hậu quả khó mà lường nổi.

Gã lấy làm đắc ý, bèn gạt đầu:

- À thì ra.

Khi gặp phải những tình huống như vậy, những anh chồng khôn hồn hãy tìm nơi ẩn nấp an toàn, không thì toạc đầu, xẻ tai và rồi đổ vỡ khó mà hàn gắn.

Sau cùng là những cơn bão lòng. Theo “Việt Nam Tử điển” của Lê Văn Đức, thì bão lòng xảy ra khi ta gặp phải những khó khăn chông chát, mà không tìm được phương cách giải quyết thoả đáng, khiến ta băn khoăn, lo lắng trong lòng.

Trong trường hợp này, theo gã nghĩ, ta nên tìm một người bạn thân để giải bày tâm sự, cùng nhau gỡ rối những mối tơ lòng thông, bởi vì như người xưa đã từng bảo:

- Việc người thì sáng, còn việc mình thì quáng.

- Hai cái đầu bao giờ cũng hơn một cái đầu.

Khi ta giải bày tâm sự với người bạn thân, thì nỗi băn khoăn lo lắng sẽ vơi giảm được một nửa. Đồng thời những ý kiến đóng góp của người bạn sẽ đem lại cho ta một cái nhìn khách quan và sáng suốt, đồng thời giúp ta tìm được những phương thức giải quyết vừa hợp tình lại vừa hợp lý.

*Dựa theo một ít tài liệu trên internet*

**Gã Siêu** [gasieu@gmail.com](mailto:gasieu@gmail.com)

## VỀ MỤC LỤC

### **Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân**

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gửi về địa chỉ

[giaosivietnam@gmail.com](mailto:giaosivietnam@gmail.com)

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ võ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

[www.conggiaovietnam.net](http://www.conggiaovietnam.net)

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

**TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam**

**Lm. Luca Phạm Quốc Sứ USA**